

ĐỌC OKU NO HOSOMICHI CỦA BASHÔ

Con đường hẹp vào chiều sâu tâm thức

Biên soạn: Nguyễn Nam Trân



Ta mơ đời trôi giạt

Dẫn Nhập

Đường mòn miền Bắc (tạm dịch nhan đề Oku no hosomichi viết dưới hai tự dạng 奥の細道 hay おくのほそ道) của Matsuo Bashô (1644-1694) là một tác phẩm kinh điển trong văn học Nhật Bản. Nó gồm có hai phần thơ và văn. Hai phần này không đứng riêng rẽ nhưng hòa quyện vào một khối. Trên ba thế kỷ đã trôi qua mà người Nhật vẫn còn nhắc đến nó với tất cả sự cảm khái và trân trọng. Không những Oku no hosomichi diễn tả được hồn thơ của bậc đại sư haiku Matsuo Bashô, mà còn là tác phẩm giúp khám phá chiều sâu văn hoá có lịch sử non hai nghìn năm của dân tộc Nhật Bản.

Có người sẽ hỏi tại sao người viết lại phí công phí sức đi dịch lại một tác phẩm từng được nhiều người chuyển ngữ ra tiếng Việt và đã có bản dịch khá chuẩn mực? Thực tình thì đây là một việc làm quá tầm tay mình nhưng lòng cố chấp nông nổi muốn có một bản dịch - dầu là vụng về - của riêng tây đã ám ảnh người viết từ nhiều năm nay. Huống chi nhân dịp này, người viết cảm thấy mình còn có cơ hội hiếm có cung cấp thêm một số thông tin chung quanh tác phẩm giúp bạn đọc yêu thích Bashô có thể đi xa hơn trong việc thưởng thức áng danh văn.

Người viết không “trực dịch” nguyên bản vì như thế sẽ thành sao chụp, làm nó tẻ nhạt, gò gề khúc khuỷu do sự cô động và đa nghĩa của cổ văn (văn viết) nhưng “thông dịch” như các dịch giả Nhật Bản thường làm khi đứng trước độc giả bản xứ bằng cách “thao tác” sang kim văn (hiện đại văn, văn nói). Do đó, nó có thể khác với một số bản dịch sang Việt ngữ có trước đây. Hơn nữa, lần này, người dịch cũng nhân dịp sửa chữa những thiếu sót mình mắc phải trong một lần dịch trước.

Chú thích và phê bình cho Oku no Hosomichi đến từ những quyển sách thấy trong thư mục và ý kiến riêng của dịch giả.

Mục Lục

- I) Giới thiệu tác giả
- II) Khái lược về tác phẩm
- III) Nội dung các đoạn và lời bình
- IV) Lời kết

Giới thiệu tác giả

Về thân thế và sự nghiệp Bashô, xin xem Chương 1 của quyển sách dịch *Matsuo Bashô, bậc đại sư Haiku* mà chúng tôi đã phỏng dịch từ tác phẩm *Matsuo Bashô, the Haiku Poet (1970)* của Giáo sư Ueda Makoto cũng như *Niên biểu* đính kèm, tất cả đều đọc được tự do trên mạng. Ở đây, người viết chỉ nêu lên những nét chính về nhà thơ cũng như một vài điều chưa được đề cập tới trong văn bản trên và đặc biệt liên quan tới Oku no hosomichi.

Bashô 芭蕉 sinh năm 1644 (Kan'ei 21) ở Iga Ueno (thị trấn Ueno, tỉnh Mie), con trai thứ trong gia đình Matsuo 松尾, một samurai cấp thuộc hạ gọi là musokunin (vô tước nhân), không bổng lộc tuy có vinh dự được đeo kiếm, thời bình chỉ chuyên việc nông nhưng cũng có khí phách con nhà võ và một ít chữ nghĩa. Lúc ấy, cơ sở chính trị Nhật Bản đã đầu vào đây, Shôgun đời thứ ba Iemitsu (家光 Gia Quang) vừa lập xong một hệ thống hành chính an định.

Thuở nhỏ Bashô theo hầu cậu chủ trẻ Tôđô Yoshitada, một người yêu mến văn chương nên có dịp theo ông ta trau dồi thơ phú. Từ khi cậu chết sớm, ông lang bạt kỳ hồ. Sau một thời gian, ông lên Edo và quyết chí bước vào cõi thơ haikai. Thông minh, sáng tạo, chẳng mấy lúc ông đã nổi tiếng và được liệt ngay vào hàng sư phó (haikaishi).

Thế nhưng không bằng lòng với những gì đạt được, ông tự nguyện làm người lữ khách vĩnh viễn, rời bỏ tất cả để bước vào cuộc sống phiêu bạt. Những chuyến đi dài cầu đạo ấy sẽ đem đến nguồn thi hứng mới vừa tạo cơ sở cho một lý luận thơ khác với những trường phái đi trước như Teitoku, Danrin mà ông có thời hâm mộ. Chuyến đi về miền Đông Bắc, bối cảnh của Oku no hosomichi, là chuyến đi dài nhất và gian khổ hơn cả. Nó cũng là chuyến đi nhiều thành quả, giúp ông hoàn chỉnh lý luận Fueki ryuukô 不易流行 (Bất dịch lưu hành), Fuuga no makoto 風雅の誠 (Phong nhã chi thành), khái niệm

Karumi 軽み (Nhẹ lâng) thêm vào khái niệm Sabi 寂び (Cô quạnh tịch liêu) đã có trước.

Nhà thơ lữ hành và bậc đại sư Bashô đã qua đời năm 1694 ở tuổi 50 (tính theo tuổi mụ là 51) trên bước lữ hành như sở nguyện. Đó là một cuộc đời ngắn ngủi nhưng di sản ông để lại thật là phong phú, ảnh hưởng tỏa rộng và lâu dài.

Khi Bashô lên đường đi đâu, lúc nào ông cũng có bạn đồng hành nhưng người thường xuyên đi với ông và được ông vô cùng tin cậy là Sora. Sora xuất thân ở Kami-Suwa (tỉnh Nagano bây giờ), tên thật là Iwanami Masataka 岩波正字, thường được nhắc dưới cái tên Kawai Sôgôrô 河合惣五郎. Khoảng giữa lứa tuổi 30, Sora đã tìm đến Edo và theo học haikai với Bashô. Trong chuyến đi về miền Oku, ông lãnh việc điều tra và thu thập tài liệu về đường đất và tính toán chi phí cho cuộc hành trình. Những điều này còn ghi chép lại một cách chân phương trong tập nhật ký tùy tùng của ông. Nhờ tư liệu này mà chúng ta ngày nay mới biết được đâu là phần hiện thực, đâu là phần hư cấu trong Oku no hosomichi. Có thể xem Nhật ký đi đường của Sora và những bức thư ông để lại là tài liệu quan trọng nhất cho người muốn tìm hiểu về áng danh văn của Bashô vậy.

Thế nhưng Sora không phải đơn thuần là một môn sinh theo học haikai với thầy Bashô. Trong đời thường, ông là một nhà Thần đạo học uyên thâm, có cả khả năng giảng giáo lý cho các quan chức đền thần. Ông còn là người am tường về địa lý nữa. Ông từng lãnh trách nhiệm tuần du đó đây cho chính phủ tuy mục đích của những chuyến đi ấy là gì thì không ai nắm rõ.

Sau khi Bashô qua đời, Sora tiếp tục làm những chuyến lữ hành vì công vụ. Năm 1710, Mạc phủ Edo đã gửi ông như quan tuần tra vùng Kyushuu và ông đã qua đời ở đảo Iki, hưởng thọ 62 tuổi. Như thế, cũng như thầy mình, Sora đã mất trong một chuyến lữ hành. Cuộc đời ông hãy còn nhiều điểm cần được soi sáng.

Khái lược về tác phẩm

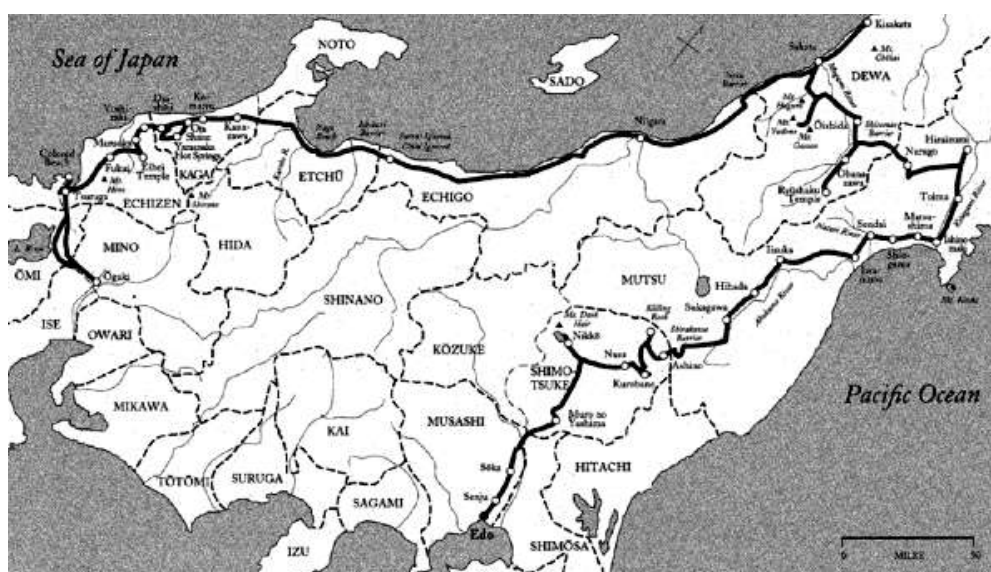
Cách gọi “Oku no hosomichi” おくのほそ道 (Áo chi tế đạo) đã xuất hiện trong tác phẩm du ký giữa thế kỷ 14. Hồi đó, người ta gọi đường lên Ôshuu (Áo châu) miền Đông Bắc Nhật Bản là Ôshuu kaidô (奥州街道, Áo châu nhai đạo) một con đường lớn. “Áo” ở đây viết có thể chỉ Áo châu tức vùng Đông Bắc đảo Honshuu, vừa có nghĩa bí mật, sâu thẳm. Đối xứng với nó có một con đường nhỏ và ngắn cùng tên “Oku no hosomichi” (đường nhỏ vào vùng sâu) gần bên phủ thành Taga nay ước định nằm gần chùa Tôkôji (Đông Quang Tự) ở Iwakiri thuộc tỉnh Sendai (xem thêm đoạn 22 của Oku no hosomichi, có nhắc đến). Đường nhỏ này chạy dọc theo dòng sông Nana Kitagawa cho đến thành Taga. Thế nhưng vào thời của Bashô, nó nằm ở đâu thì không ai nắm rõ vì sông núi với thời gian đã thay hình đổi hướng. Lối diễn tả “hosomichi” còn được thấy trong một tác phẩm liên quan đến thi hào Fujiwara no Teika. Đó là Tsuta no hosomichi (con đường nhỏ phủ đầy hoa trường xuân) nhưng lại nằm ở miền Tây.

Dĩ nhiên tuyến đường dài mà Bashô đã đi năm ông 46 tuổi không phải là hai con đường một dài, một ngắn này. Ông chỉ mượn hình ảnh “con đường nhỏ” để nói lên quyết tâm cầu đạo mãnh liệt nơi mình. Nếu không nói là Bashô đã thực hiện chuyến đi với tinh thần quyết tử của một samurai. Ông không ngại chết giữa cuộc hành trình vì theo ông, cổ nhân bao người đều đã thế.

Chuyến đi 500 “ri” (2.400km) kéo dài 5 tháng trường kết thúc vào tháng 9 năm Genroku 2 (1689) nhưng phải đợi 3 năm sau, bản thảo ngắn khoảng 35 trang giấy (Nhật) mới hoàn tất vì đây là một tác phẩm văn chương chứ không phải loại bút ký kể lại việc xảy ra hằng ngày. Viết lại cho gọn ghẽ phải mất thêm 2 năm nữa nghĩa là mãi đến đầu mùa hạ năm 1694. Bashô qua đời vào tháng 10 cùng năm, nghĩa là sau khi ông kết thúc chuyến đi dài được 5 năm. Trong các văn bản truyền lại cho đời sau, có bản của Soryuu (Tổ Long), người bạn tin cậy và là nhà thư pháp lỗi lạc, cũng như các bản của đám học trò ông như Jôshô (Trương Thảo), Sora (Tăng Lương, nhưng thực ra do tay Rigyuu tức Lợi Ngưu) chép lại Có khi nó mang tên sở hữu chủ của chúng như bản Nishimoto, bản Kakimori vv... Gần đây, năm Heisei thứ 8 (1996) có một tin chấn động học giới: trong một tiệm bán sách cũ đồ nát sau trận động đất Hanshin Awaji, đã phát hiện một bản được xem như là thủ bút của Bashô do Yaba (Dã Pha, một trong thập triết) giữ nhưng đã sang tay và thất lạc từ năm 1743. Nếu thế thì còn gì quý hơn nhưng đến nay, những nhà nghiên cứu và giám định chưa thực sự hoàn toàn đồng ý về tính đích thực của nó nên người ta đành tạm gọi nó là bản Yaba.

Vào thời Edo, việc ấn loát còn rất hạn chế, tác giả phải cho chép ra nhiều bản để sách đến được tay độc giả. Bashô có nhờ Soryuu, chép hộ một bản cho sạch sẽ gọn ghẽ và trên đó, có dính một mảnh giấy chính tay ông đề tựa và niêm lên. Bashô đã viết おくのほそ道 chứ không phải 奥の細道. Việc viết tựa đề bằng hiragana mà không bằng chữ Hán giúp cho nhan đề hàm chứa được nhiều ẩn ý (vì tác giả không muốn hạn chế điều ông viết trong một cách hiểu). Bản này sau khi Bashô mất đã được chuyển về quê hương Iga Ueno vào dịp lễ Vu Lan và tặng cho người anh là Hanzaemon. Nó sang tay Kyorai, học trò giỏi của Bashô rồi được tàng trữ ở nhà người tên Nishimoto ở Tsuruga. Vì vậy bản Nishimoto còn có tên là “Bản Soryuu chép và Bashô giữ”.

Tóm lại, tuy nội dung mỗi bản một khác nhưng hiện nay, bản Nishimoto và bản Sora / Rigyuu được người đời xem như hai bản có thể tin tưởng hơn hết.



Hành trình 5 tháng trường từ Edo đến Ōgaki trên 2.400 cây số

Phân đoạn

Để cho dễ đọc, bản dịch của chúng tôi - vốn dựa trên tư liệu biên tập của Nhà xuất bản Kadokawa (Tôkyô, xem thư mục) - đã được phân thành 55 tiểu đoạn như sau:

- 1- Mơ đời trôi giạt.
- 2- Buổi lên đường.
- 3- Trạm Sôka, đêm ngủ trọ đầu tiên
- 4- Ghé Muro no Yashima.
- 5- Nikkô- Một vị Phật tên gọi Gozaemon.
- 6- Nikkô-Ngon núi Nikkô
- 7- Núi Kurokami . Về Sora, người bạn đồng hành.
- 8- Cánh đồng Nasu.
- 9- Kurobane. Mũi thần tiễn của Yoichi. Con hồ ly tinh Tamamo.
- 10- Chùa Unganji. Am cũ Thiền sư Butchô.
- 11- Hòn đá sắt sinh.
- 12- Cây liễu Ashino và những nhà sư vân du.
- 13- Cửa quan Shirakawa.
- 14- Trạm Sukagawa.
- 15- Chùm hoa dẻ. Đòi người ắp dật.
- 16- Núi Asaka và chuôm Asaka.
- 17- Thôn Shinobu.
- 18- Thôn Iidzuka. Di tích họ Satô.
- 19- Một đêm ở suối nước nóng Iidzuka.
- 20- Đảo Kasashima. Con đường mưa lầy lội.
- 21- Cây tùng Takekuma tứ cây tùng chia hai ở Iwanuma.
- 22- Cánh đồng Miyagi. Dầu xưa tích cũ vùng Sendai.
- 23- Về tấm bia Tsubo.

- 24- Núi Sue no matsuyama. Bãi Shiogama. Pháp sư mù đánh đàn.
- 25- Đền thần Shiogama. Ngọn thạch đăng của Izumi Saburô.
- 26- Matsushima và bàn tay Con Tạo.
- 27- Matsushima. Bãi đá Ojima.
- 28- Matsushima. Chùa Zuiganji.
- 29- Ishinomaki. Bến cảng phồn vinh.
- 30- Tiểu quốc Hiraizumi: Dầu cũ Takadate và Hikaridô.
- 31- Cửa quan Shitonoseki: Người ngựa chung nhà.
- 32- Chuyên vượt đèo Natagiri.
- 33- Obanezawa. Nghề nuôi tằm và nhuộm vải.
- 34- Chùa Risshaku. Tiếng ve thấm vào thớ đá.
- 35- Mưa dầm tháng năm. Dòng Mogami nước xiết.
- 36- Dewa tam sơn: ngọn Haguro.
- 37- Dewa tam sơn: ngọn Gassan và ngọn Yudono.
- 38- Sakata. Chiều mát rượi trên phố biển.
- 39- Đầm cạn Kisagata. Đảo Nôin và Cây buồn ngủ.
- 40- Đường về xứ Echigo. Giải Ngân Hà bắc qua đảo Sado.
- 41- Ichiburi. Du nữ, trăng và hoa hagi.
- 42- Đường về xứ Etchuyuu. Sông Kurobe và bãi Nago.
- 43- Kanazawa. Học trò yếu yếu mệnh.
- 44- Đền thần Tada. Mũ trụ của Sanemori.
- 45- Nata. Gió thu trắng.
- 46- Suối nước nóng Yamanaka. Kể lại giai thoại ở nhà trọ.
- 47- Biệt ly: Sora ngã bệnh.
- 48- Chùa Zenshōji. Sau một đêm xa cách.
- 49- Cây tùng Shiogoshi và bài thơ của Saigyō.
- 50- Chùa Tenryūji. Chùa Eihei-ji. Chia tay với Hokushi.
- 51- Đến Fukui. Một nhà ẩn sĩ tên Tōsai.
- 52- Tsuruga: Thần cung Kehi với các Du hành thượng nhân.
- 53- Irono hama. Những vỏ sò masuo trên bãi.
- 54- Ōgaki: chặng đường cuối và điểm khởi hành mới.
- 55- Lời bạt của Sōryū.

*

Nội dung các tiểu đoạn và lời bình

Đoạn 1: Mơ đời trôi giạt (Hyōhaku no omoi 漂白の思い)

Ngày, tháng¹, muôn đời vẫn là khách qua đường². Năm cũ ra đi, năm mới đến nhưng

¹ Nguyên văn là nhật nguyệt, đáng lẽ phải dịch “mặt trời và mặt trăng” là những vật cụ thể và chuyển động (như cách hiểu di chuyển từ Đông sang Tây... của người xưa) nhưng như thế thì vướng chữ niên (năm) theo sau bởi vì niên chỉ là một khái niệm lịch học. Thơ Tào Tử Kiến đời Tam Quốc từng có câu: Nhật nguyệt bất hằng xứ. Nhân sinh hốt nhược ngạ.

² Có lẽ mượn ý của Lý Bạch, nhà thơ du hành lớn Trung Quốc, trong Xuân dạ yển đào lý viên tự (Bài tựa

phận chúng có khác gì cái thân lữ khách, đi chẳng hề ngừng. Đối với kẻ lái đò trên sông nước hoặc người mã phu dắt hàm ngựa, họ đưa đón khách đến già, mỗi ngày đã là một chuyến đi, lấy cuộc đời vô định làm nơi thường trú đầy thôi. Xưa nay, những người chọn sống đời phong lưu tao nhã³ (như Lý Bạch, Đỗ Phủ, Saigyô (Tây Hành), Sôgi (Tông Kỳ)⁴...) phần nhiều đều bỏ mình trong cuộc hành trình.

Ta coi đời mình cũng chỉ là một chuyến đi. Chẳng biết từ đạo nào, khi nhìn đám mây trôi giạt theo làn gió mờ mịt, bỗng chạnh lòng viễn phương, nên bước chân đã quanh quẩn trên những bãi biển xa xôi nơi cuối đất⁵. Mùa thu qua, ta có vẻ nghỉ thư giãn ít lâu, quét màng nhện giăng trong túp lều tróc mái⁶ bên dòng sông Sumida. Khi năm mới bắt đầu và lúc nhìn lên trời thấy sương lam đã chuyển mùa vào tiết sơ xuân, ta muốn vượt cửa quan Shirakawa (Bạch Hà)⁷ nối dài bước chân đến vùng Michinoku (Lục Áo)⁸. Theo tiếng gọi của ông Thần Cầm Đỗ (Sozorigami)⁹ để được nghe thấy thêm những điều mới mẻ, lòng ta tưởng như điên loạn. Nghĩ rằng cả vị Thần Đi Đường (Dôsojin)¹⁰ cũng chèo kéo mình, ta càng không giữ nổi bình tĩnh. Mới tức tóc và chiếc xà cạp bó chân đã rách, thay quai nón lá cũ, châm cứu huyết Tam Lý¹¹ vv... Trong khi sửa soạn mọi thứ cho chuyến hành trình thì hình ảnh vàng trắng trên chum đảo Matsushima¹² đã

về việc đêm xuân bày tiệc vườn đào lý): Quang âm già, bách đại chi quá khách.

³ Âm chỉ những nhà thơ. Fuuga (phong nhã).

⁴ Không thấy trong nguyên tác. Tuy nhiên các người “thông dịch” Bashô sang kim văn đều “minh họa” như vậy. Xin đề ý bốn nhân vật này đều chết trên đất khách (khách tử). Lý Bạch chết đuối vì say rượu bên sông Thái Thạch huyện Đang Đồ tỉnh An Huy (năm 762) trên đường về sau khi được ân xá tội lưu, Đỗ Phủ ốm chết trong một khoang thuyền ở Nhạc Dương trên Động Đình Hồ cuối cuộc đời phóng lãng (770), Saigyô chết trong một ngôi chùa ở Kawachi (1190), Sôgi chết ở Hakone Yumoto (1502), đều đang trên bước lữ hành. Tất cả không hề thấy lại cố hương.

⁵ Chỉ các bãi biển Wakanoura, Suma và Akashi trong chuyến đi từ Edo về miền Tây hạ tuần tháng 10 năm 1687

⁶ Phá ốc 破屋, tiếng khiêm xưng nói về căn nhà của mình (Am Bashô II) ở khu Onakigawa bên bờ sông Sumida (Edo) nhưng có phong vị thơ Đỗ Phủ khi vịnh ngôi nhà tranh của mình trong đất Thục bị gió bão làm tróc mái (Mao ốc thu phong phá sở ca).

⁷ Shirakawa no seki 白河の関, một trong 3 cửa quan vùng Michinoku, nay nằm ở thị trấn Shirakawa tỉnh Fukushima, nổi tiếng vì bài waka của Pháp sư Nônin 能因 (988-1050, 1051?) nói về gió thu trên cửa quan, bắt đầu với câu: Miyako wo ba... Cửa ải này để phòng chống người thiểu số Ezo nhưng vào thời Bashô thì đã hoang phế. Đây là một “gối thơ nổi tiếng”. Quan hà 関霞, 関河 đều là những từ hoa trong Hán thi.

⁸ Michinoku 陸奥 tức “miền Bắc sâu thẳm” trong tâm thức Bashô, nhưng đơn vị hành chính thời xưa (thế kỷ thứ 7) của nó gọi là Mutsu no kuni 陸奥の国 ngày nay bao gồm các tỉnh Fukushima, Miyagi, Iwate, Aomori và một phần của Akita. Đường thời được xem như là vùng cực bắc vì lúc đó Hokkaidô còn là đất của người Ezo, chưa thuộc vào lãnh thổ Nhật Bản. Về đẹp thanh u của vùng này đã được các thi nhân đời Heian ca tụng. Vị vương hầu là Quan tả đại thần Minamoto no Tôru (822 - 895), con trai thiên hoàng Saga, đã mô phỏng cảnh vườn trong phủ đệ Kawara của mình theo hình ảnh Michinoku.

⁹ Một ông thần xui giục du hành, giống như vị thần có tên là “Bộ thần” (Arukigami 歩き神) làm người ta ngựa chân muốn đi, thấy trong tín ngưỡng dân gian. Có nơi giải thích là ông thần tượng trưng cho hồn thi ca của cổ nhân và không rõ hình dạng.

¹⁰ Thần bảo vệ người đi đường. Xem thêm thơ Kanke (Sugawara no Michizane) bài số 24 trong Hyakunin Isshu (Bách nhân nhất thủ, NNT dịch thành Thơ Waka trăm nhà, có đăng trên mạng).

¹¹ Tam Lý 三里 là huyết có ở tay và chân. Người ta cho rằng châm cứu các huyết đạo này có thể trừ bá bệnh.

¹² Chum đảo hơn 260 đảo nhỏ, giống như Vịnh Hạ Long của ta, nằm ở Sendai (tỉnh Miyagi bây giờ).

âm ảnh lấy tâm trí ta rồi. Bèn nhường Am Bashô cho người khác và về tạm trú ở gia trang của Sanpuu¹³. Lúc ấy có làm được câu thơ sau :

草の戸も 住み替はる代ぞ 雛の家

Kusa no to mo
Sumi kawaru yo zo
Hina no ie

Dù là liếp nhà cỏ,
Cũng thay chủ đổi đời¹⁴,
Nay chim non¹⁵ đến ở

Để kỷ niệm, ta dùng nó như một câu hokku (câu mở đầu) làm thành tám câu thơ tựa đề cho chùm renku (thơ liên ngâm) rồi dán nó lên cột cái am cũ¹⁶.

Lời Bình:

Đoạn mào đầu này của Oku no hosomichi được đặt tựa là Hattan 発端 (Bắt đầu), còn các đoạn sau thường mang tên những địa danh Bashô đã đi qua. Có người dịch thành

Tabi no omoi 旅の思い (Mơ đời trôi giạt) hay Jinsei wa tabi 人生は旅 (Đời là một chuyến đi). Đoạn này trình bày nhân sinh quan của Bashô, xem đời con người chẳng khác gì một cuộc hành trình. Ý tưởng không có gì độc sáng cả. Xưa kia, Lý Bạch, Saigyô, Sôki đều từng sống và viết như thế. Bashô chỉ học theo thôi. Khác chăng là ông đã thực hiện điều đó một cách tích cực hơn ai hết.

Bắt đầu bài văn “Xuân dạ yến đào lý viên tư”, Lý Bạch viết :”Phù thiên địa vạn vật chi nghịch lữ (lữ quán), quang âm (nhật nguyệt) bách đại chi quá khách, nhi phù sinh (nhân sinh) nhược mộng” (Theo Cổ văn trần bảo, hậu tập). Thế nhưng tư thế khi đối mặt thời gian của Bashô lại khác với thái độ của Lý tiên bối. Nếu họ Lý cho rằng thời gian một khi đã trôi qua không hòng gì kéo lùi và khuyên người ta nên hưởng lạc cho thỏa thích thì ngược lại, Bashô chỉ mong nhập vào giữa dòng thời gian để sống và nắm bắt được cái ý nghĩa chân thực của cuộc đời.

Bashô không vội đầu vào đóng sách. Sau khi quan niệm thời gian là người khách qua

Cùng với Amanohashidate (Miyazu) và Itsukushima (Hiroshima) là một trong “Nhật Bản tam cảnh”.

Bashô có vẻ áy náy nếu thời tiết xấu, ông sẽ không tận hưởng được ánh trăng.

¹³ Có thể là Saicha-an (Thái trà am) ở Fukagawa, một trong những biệt thự của Sanpuu, học trò lâu đời và mạnh thường quân của Bashô. Sanpuu làm nghề buôn cá, lui tới với Mạc Phủ, rất giàu có.

¹⁴ Yo ở đây tuy viết là 代 (thay thế) nhưng âm yo còn có thể viết là 世 (đời, thế hệ).

¹⁵ Cho biết trong gia đình người chủ mới đến ở có con hay cháu gái, xinh như búp bê (hina), khác với lão già khó coi là nhà thơ. Hina còn ám chỉ Hinamatsuri (Lễ chung con nộm và hoa quả mừng các em bé gái nhằm ngày mừng 3 tháng 3 âm lịch), một quý nữ để chỉ tháng ba. Như thế căn nhà từ đây sẽ có dịp trang trí những con nộm xinh đẹp. Có sách còn chú giải người chủ nhân mới của ngôi nhà chuyên nghề buôn bán con nộm hina nữa.

¹⁶ Đây là một hokku mở đầu cho chùm thơ 8 ku (cú) làm ra để chào đón người chủ mới ấy.

đường, ông đã bỏ cả thư trai, thảo am, cất bước ra đi để chứng minh bằng sự thực rằng cuộc đời chính là một chuyến hành trình. Kết quả cho thấy tác phẩm Oku no hosomichi ông viết ra là một quyển sách nói về hành động chứ không phải lý thuyết.

Câu hokku làm quà cho chủ nhân mới của ngôi nhà cũng thể hiện ý thức “chỗ ở là nơi dời đổi” (住み替る sumikawaru). Bashô không hề chấp nhất về nơi cư ngụ. Ngôi nhà “của mình” chính ra chỉ là một gian phòng trọ, nó có bốn phen lần lượt đón tiếp hết người này đến người khác. Khi đưa hình ảnh nhân vật cô bé gái (như chim non, như búp bê) vào bài thơ, ta thấy tất cả từ tâm (muốn nhường chỗ cho thế hệ sau, những con người thế tục) của Bashô, kẻ lánh đời.

*

Đoạn mào đầu của Oku no hosomichi không khác gì đoạn mào đầu thấy trong các danh tác bằng văn du ký (kikô bungaku 紀行文学) của Nhật Bản. Trước khi lên đường, các tác giả thường mượn nó để quay đầu nhìn lại quãng đời cũ (nhân sinh hồi cố) và bày tỏ động cơ chính của chuyến đi. Lối thổ lộ như thế là một định hình (stereotype) từng thấy trong hai tác phẩm thời trung cổ là Kaidôki 海道記 (*Hải Đạo Ký*, khoảng sau 1223)¹⁷ và Tôkan Kikô 東関紀行 (*Đông Quan Ký Hành*, 1242)¹⁸. Ở đây, triết học của Bashô là hòa mình vào đại tự nhiên, nhìn cuộc đời và sự vật lưu chuyển không ngừng để tìm ra một nếp sống thuần khiết nhất, giống như cuộc đời những con người phong nhã rồi vĩnh viễn ra đi như họ ở giữa chừng cuộc lãng du.

Lên đường để thực hiện lý tưởng của mình, Bashô đồng thời xem lữ hành như định mệnh bi đát của kiếp người nên văn ông mang màu sắc than thở, cao hứng, tự trào, có khi phóng cuồng nữa. Riêng đoạn văn mở đầu rất hàm súc khi ông nói đến động cơ của chuyến đi qua trích dẫn khéo léo gián tiếp văn Lý Bạch về buổi tiệc với anh em trong vườn đào lý, thơ Nôn khi vượt cửa quan Shirakawa....

Về bài hokku làm trước khi nhường Am Bashô cho người khác thì kigo (quí ngữ) của nó là hina (chỉ mùa xuân). Lễ Hinamatsuri (Dolls' Festival) nhằm ngày 3 tháng 3 âm lịch.

Đoạn 2: Buổi lên đường (Tabidachi 旅立ち)

¹⁷ Về tác giả Hải Đạo Ký, có nhiều thuyết: Kamo no Chômei, Minamoto Mitsuyuki hay Fujiwara Hideyoshi. Sách gồm 3 phần, trước kể chuyện hành trình của tác giả từ Kyôto lên Kamakura rồi trở lại Kyôto, sau là việc ý định quy y mà mình có đã ăn sâu thêm từ sau cuộc hành trình. Nội dung có nhiều từ chữ Hán và Phật giáo.

¹⁸ Đông Quan Ký Hành gồm 1 quyển. Kể chuyện chuyến từ Kyôto đến Kamakura rồi trở về của tác giả vì Đông Quan ám chỉ miền Đông so với Kyôto. Văn thể pha lẫn Hòa Hán, nhiều đối cú. Tác giả có thể là Kamo no Chômei, Minamoto Mitsuyuki hay Minamoto Chikayuki. Một bản cổ có tựa đề “Ghi chép về chuyến đi của Chômei”, (Chômei michi no ki).

Cuộc hành trình bắt đầu nhằm ngày 27 tháng 3 (16 tháng 5 dương lịch), trời vừa hừng sáng, chỉ thoáng điểm một lớp sương lam. Lúc ấy tuy ánh trăng về sáng đã nhạt nhòa nhưng hướng Tây, hãy còn nhìn được mờ mờ bóng núi Fuji. Chạnh nghĩ không biết đến bao giờ mình thấy lại vòm hoa anh đào nổi tiếng của khu rìng¹⁹ Ueno-Yanaga (thành Edo) mà lòng như chùng lại.

Những người thân quen - vốn tụ tập lại từ đêm hôm trước - sáng nay cùng theo thuyền đi tiễn ta từ Fukagawa. Khi bước xuống bến cạnh khu nhà trạm ở Senju (nay là khu Adachi, Tôkyô), nghĩ đến đoạn đường tam thiên lý dằng dặc trước mắt, ta thấy lồng ngực có gì nghèn nghẹn. Biết rằng cuộc đời này lắm sự đổi thay đột ngột, bến sông (Senju) này cũng là một nơi mộng ảo, nước mắt chia ly dù có nhỏ xuống cầm bằng vô ích, thế mà chúng ta đã cùng nhau đổ lệ nuối tiếc vì phải rời nhau.

行く春や 鳥啼き魚の 目は涙

*Iku naru ya
Tori naki uo no
Me wa namida*

*Nhìn mùa xuân ra đi
Chim kia còn nỉ non
Cá mắt dường rớm lệ.*

Đây là bài thơ viết ra đánh dấu bước đầu của cuộc hành trình. Lòng tiếc nuối làm dừng dằng bước chân lữ khách. Những người thân quen dàn hàng bên vệ đường, nhìn theo lưng (Bashô và Sora), chắc muốn tiễn chân chúng ta cho đến khi khuất bóng.



Họ nhìn theo chúng ta cho đến khi khuất bóng

Lời Bình:

Iku haru (hành xuân, mùa xuân ra đi) vừa có nghĩa là mùa xuân sắp tàn vừa có ý nói nhà thơ lên đường cùng một lượt với mùa xuân. Nó hô ứng với từ Iku aki (mùa thu ra đi)

¹⁹ Dĩ nhiên ngày nay là khu trung tâm Tôkyô với phố xá sầm uất và những tòa nhà cao tầng.

trong đoạn cuối khi Bashô đặt chân đến Ôgaki, điểm cuối của cuộc hành trình. (Ôgaki cũng là điểm cuối của chuyến đi về miền Tây trước đó). Xuân thu dĩ nhiên hàm ý sự “chuyển động của thời gian”.

Sora Tabi Nikki 曾良旅日記 (*Nhật ký đi đường của Sora* là một nhật ký của kẻ tùy tùng (随行日記 zuikô nikki) cho biết hai thầy trò dự định xuất phát vào ngày 27 tháng 3 âm lịch (Tị tam lịch tam nguyệt nhị thập thất nhật xuất thuyền) ở Fukagawa. Nếu tính ra dương lịch là ngày 16 tháng 5. Thế thì lúc đó hoa anh đào ở Ueno và Yanaka còn đâu nữa để Bashô e rằng sẽ không có ngày gặp lại. Như vậy, hình ảnh “ngọn hoa anh đào” (hana no kozue) mà ông miêu tả ở đây chỉ có tính cách nghệ thuật chứ không phản ánh thực tế trước mắt. Thủ pháp này cũng giống như cách nói về vàng trắng tàn buổi sáng hay đoạn đường lữ hành “tiền đồ tam thiên lý” (sendo sansenri). Trắng tàn khi về sáng (ariake) là con trắng mỏng và nhạt làm người đọc liên tưởng tới vàng trắng mà chàng Genji cô đơn đã ngắm bên bãi biển Suma trong bước lưu đày, còn tam thiên lý (Tam thiên lý ngoại hữu tri âm, thấy trong *Thiền lâm cú tập*) là hình ảnh tu từ quen thuộc trong thi ca Trung Quốc nói về cổ hương xa xôi (người cung nhân trong bài thơ Đường nhan đề Hà Mạn Tử) hay tiền đồ mù mịt (sự tích Lý Lăng, Vương Chiêu Quân vào đất Hồ), lại thấy nhắc tới trong du ký Nhật Bản Tôkan Kikô.

Lối diễn tả tượng hình “Điều đề ngư mục lệ” (Chim gào cá róm lệ) có nhiều lối giải thích, trong đó có thuyết cho là cảm hứng từ bài *Xuân vọng* của Đỗ Phủ (Cảm thời, hoa tiền lệ. Hận biệt điều kinh tâm). Thuyết khác cho là nó đến từ ý thơ Đào Uyên Minh trong bài *Điền viên qui cư* (Ky mã luyện cự lâm. Trì ngư tư cố uyên) (Cổ văn trân bảo tiền tập). *Cổ Nhạc Phủ* lại có câu: Cổ ngư quá hà khắp, Hà thời hoàn phục nhập. Tuy nhiên hình ảnh chim, cá trong bài thơ đầu tập này lại tương tự với hình ảnh bản xứ như cá ayu (sweetfish) và shirauo (ngân ngư, Japanese ice fish) thấy trong mấy bài thơ nói về biệt ly khác của Bashô. Kokinshuu (Cổ Kim Tập, 905?, 914?) cũng có bài Waka nói về những hạt sương rơi trên cánh hoa hagi ven quán trọ chính là giọt nước mắt xót xa của đàn chim nhận đang bay qua bầu trời. Chúng đặc biệt đối xứng với hình ảnh sò ốc (hamaguri) rất Nhật Bản ở bài thơ cuối tập. Phải chăng ở đây Bashô muốn nói rằng nào có phải riêng mình mà cả đến những sinh vật quen thuộc trong thế giới của ông ở Fukagawa dường như cũng chia sẻ tình cảm buồn thương của cuộc chia tay. Ông đã hòa điệu tình cảm cá nhân với cả cõi tự nhiên trong lần ra đi này. “Cá” nói ở đây còn có thể mang hình bóng Sanpuu, nhà buôn cá, người học trò đầu tiên và đã hết lòng chu toàn cuộc sống cho ông, chắc phải rất buồn vì phải xa thầy.

Bến khởi hành Senju (千住 Thiên Trú) - một nghìn chỗ trọ - hình như cũng mang một cái tên dự báo của định mệnh vô thường, của cõi tạm dung, đầy màu sắc Phật giáo như cái am Genju (幻住 Huyền Trú) tức “Am đời hư ảo” về sau. Tuy nhiên hình ảnh lưu luyến trong cuộc phân ly của Bashô và những người đưa tiễn đầy cảm khái nhưng không hoàn toàn bi quan. Đỉnh núi Fuji và chòm hoa anh đào ở Ueno-Yanaka hãy còn đó, lòng thi nhân mong mỗi một ngày thấy lại chúng dường như đã đem đến vài yếu tố lạc quan cho lúc khởi hành.

Kigo (quí ngữ, chữ tượng trưng cho mùa) của bài thơ là Iku haru (mùa xuân lên đường)

đĩ nhiên trùng hợp với mùa xuân.

Đoạn 3: Trạm Sôka, đêm ngủ trọ đầu tiên (Sôka 草加).

Chẳng mấy lúc mà đã bước vào năm Genroku nguyên niên (1689), trong đầu ta, ý định làm một chuyến đi dài lên miền Ôu (Áo Vũ, Đông Bắc) vốn nung nấu từ lâu bỗng đột ngột hiện lên. Ta biết từ đây dưới tầng không của chuyến lữ hành về nơi xa lạ đó, tóc ta rồi sẽ bạc màu vì gian lao như là phủ tuyết. Dù vậy, được đi đến tận những nơi mình chỉ mới biết tên mà chưa từng đặt chân rồi bình yên trở về, đối với người làm thơ là nguồn hạnh phúc tuyệt vời. Bồi hồi với lòng mong mỏi ấy, chân ta cứ bước về phía trước và ngày hôm đó, cuối cùng tới được khu nhà trạm Sôka (tỉnh Saitama).

Phải vác nặng cả đóng hành lý trên đôi vai gầy trơ xương là cái ta ngao ngán nhất. Tưởng ra đi chuyến này một thân một mình nhẹ nhõm, đâu ngờ phải mang nào áo kamiko (áo giấy phủ sập quả thị) để phòng trời lạnh đêm khuya, nào yukata (áo choàng nhẹ), đồ che mưa, bọc bút mực.... Đó là chưa kể những tặng vật mà người nặng ân tình cho mình làm quà tiễn biệt, đâu dễ dàng từ chối. Đường bộ thật lắm rắc rối nhưng chẳng biết cách nào, đành cam chịu mà thôi.

Lời Bình:

Ngày đầu tiên trong chuyến đi (bằng thuyền), Bashô chưa hé môi nói gì nhưng hôm nay, ông đã bắt đầu thăm thía sự cơ cực, trước tiên là nỗi khổ tâm với đóng lãnh lý công kênh. Hơn cả người du lịch đời nay, Bashô đã mang đủ thứ vật dụng để phòng khi mưa gió bệnh tật, cả khi lỡ độ đường, phải ngủ ngoài đồng trống.

Có người sẽ đặt câu hỏi rất thực tế là Bashô du hành như thế thì tốn kém bao nhiêu và ông lấy đâu ra tiền? Nhật ký của Sora từng cho biết khi qua thị trấn Tsuruga, ông đã giữ hộ thầy một lạng vàng (USD 900), tính ra đủ ăn 600 bát mì kiều mạch (morisoba), bữa cơm thịnh soạn của người bình dân thời ấy. Như thế, chi phí cho cuộc đi không nhỏ. Tuy Bashô được tiếp rước đãi đằng đây đó nhưng ông còn phải trả tiền ngựa, tiền đồ, tiền khiêng cáng, tiền mướn người hướng đạo... Takeda Tomohiro ước lượng chi phí ấy phải lên đến hơn 100 vạn Yen bây giờ (USD 10.000) Nó không hề giống hình ảnh “khất thực hành cước” của một nhà sư cầm bát ăn xin như ông mô tả. Về nguồn gốc lộ phí, có thể kể đến tiền thu được khi bán Am Bashô, học phí các trò đóng cũng như sự chi viện của vài đệ tử giàu có và các món quà tiễn biệt.

Nhật ký Sora cho biết sau Senju, đêm đầu thầy trò đã ngủ lại ở Kasukabe, một nơi trên tuyến đường còn xa hơn cả trạm Sôka. Thế mà Bashô lại viết, “*cuối cùng mới tới Sôka*” thì có thể xem như ông muốn nhấn mạnh đến tình cảm lưu luyến với người đưa tiễn và sự cực nhọc với mớ hành lý kênh cang. Do đó, đây có lẽ là một chi tiết có tính hư cấu hơn là sự thực.

Đoạn “*Dưới tầng không của chuyến lữ hành, vì gian lao, tóc ta rồi sẽ bạc màu như phủ tuyết*” trong nguyên bản được diễn đạt sự hối hận nhất thời của ông qua mấy chữ Hán

“Ngô thiên / trùng hận / bạch phát” ý nói đầu bạc chồng chất uất hận dưới trời Ngô (Giang Nam). Có lẽ Bashô mượn tâm tình của một người khách ở kinh đô Lạc Dương / Trường An trên bước lưu đầy xuống miền nam xa xôi. *Thiên lâm cú tập* dẫn thơ trong *Thi nhân ngọc tiêu* có câu: Nón nặng tuyết trời Ngô, Hải thơm hoa đất Sở (Lạp trọng Ngô thiên tuyết, Hải hương Sở địa hoa). Tuồng Nô Take no Yuki (Trúc Tuyết) và chính haiku của Bashô cũng có câu với ý tương tự.

“Nơi mình chỉ biết tên mà chưa từng đặt chân” ý nói là những “gối thơ” (utamakura) tức điển cổ thi ca về những miền đất do tiền nhân tạo ra. Riêng Bashô thì chỉ mới biết qua sách vở. Theo chú giải của Ogata dẫn bởi Hisatomi Tetsuo, ở Nhật, các vùng Yamashiro, Ômi, Yamato, Setsu gần Kyôto và Ôu, Dewa miền Đông Bắc là những nơi quý tụ nhiều “gối thơ” hơn cả.

Đoạn 4: Ghé Muro no Yashima (Muro no Yashima 室の八島).

Ta đến tham bái đền Ômiwa Jinja thờ vị thần Muro no Yashima Myôjin (tỉnh Tochigi bây giờ). Sora, người bạn đồng hành, giải thích: Người được thờ ở đây là một nữ thần tên thật là Konohana sakuya hime (Mộc hoa thần). Bà cũng là vị thần được thờ ở đền Sengen (Đền Ngoài) dưới chân núi Fuji (tỉnh Shizuoka ngày nay). Chỉ vì gần nhau có mỗi một đêm mà đã mang thai cho nên công nương này bị chồng là thần Ninigi no Mikoto²⁰ sinh ra nghi ngờ. Bà bèn lấy đất trám bít bốn bức tường một gian phòng rồi vào đó ở cữ. Để chứng minh sự trong trắng của mình, bà nguyện rằng nếu đứa bé sinh ra thực sự là con của Ninigi thì dù nó có bị lửa tấp cũng không chết. Thế rồi tự mình phóng hỏa gian phòng ấy. Kết quả là từ trong ngọn lửa, con bà là thần Hohodemi no Mikoto (Hỏa sinh thần, còn gọi là Yamasachihiko, Sơn tinh) đã xuất hiện mà không bị thương tật gì cả. Nhân căn phòng bít kín (muro) ấy bị thiêu đốt như cái lò (kamado, yashima), người ta mới gọi nó là Muro no Yashima. Người đời truyền tụng rằng cũng vì thế mà khi nói về căn phòng ấy, thi nhân waka thường ví von tình yêu với làn khói

Dân địa phương nhân đó kiêng không ăn loài cá mang tên konoshiro²¹ vì khi nướng lên thì nó bốc mùi khét như thịt người chết cháy. Giai thoại về thần linh của Yashima được phổ biến rộng rãi trong dân chúng.

Lời Bình:

Sora, người bạn đồng hành của Bashô, đã giải thích cho ông sự tích của Muro no Yashima và ông đã lắng tai nghe. Bình thường thì Yashima chỉ được hiểu là tám hòn đảo (bát đảo) chứ không phải cái lò (kamado). Tuy là đệ tử và bạn đồng hành nhưng Sora là người có kiến thức sâu rộng về Thần đạo và địa lý. Ông từng theo học Yoshikawa Koretaru (吉川惟足, 1616-1694), nhà Thần đạo học nổi tiếng đương thời. Ông lại nghiên cứu kỹ về tên các địa danh trước khi ra đi. Ở điểm này, Bashô rất tôn trọng và ưu ái, xem Sora như ngang hàng.

²⁰ Cháu Nữ thần Thái Dương (Amaterasu), còn gọi là Thiên Tôn, được bà cử giảng xuống cõi trần để trị vì nước Nhật.

²¹ Cá konoshiro (dotted gizzard shad) lưng bạc da đốm đen, dài khoảng 25 cm, chỉ dùng để ăn sống lúc nó là cá con khoảng 10cm (trong các món sushi, tên là kohada)

Trong chuyến hành trình với lý tưởng cao cả, Bashô dĩ nhiên không phải bạ ai cũng dặt theo. Sora xứng đáng được tuyển lựa như người bạn đó.

Còn nói về nữ thần Konohana sakuya hime (Mộc hoa thần) thì bà vốn có một bà chị tên là Iwanaga hime (Nham thạch thần). Cha của họ là thần Ôyama Tsumi no kami (Sơn nhạc thần) đã đem gả cả hai cho Ninigi nhưng Ninigi chỉ chọn Konohana là cô em xinh đẹp mà trả Iwanaga về với bố. Việc đó làm thần Ôyama nổi giận, chúc cho cô chị (Iwanaga) sống lâu (naga) như hòn đá tảng (iwa) và rửa cô em (Konohana) phải mang mệnh yếu như một cánh hoa (hana). Hai quyển cổ sử *Kojiki* (Cổ Sự Ký) và *Nihon Shoki* (Nhật Bản Thư Ký) đều ghi lại chuyện này.

Lại nữa, thơ xưa vịnh về khói ở Muro no Yashima thì đã có bài sau đây của Fujiwara no Sanekata (Đường Nguyên Thực Phương 藤原実方): *Tình ta ai người biết. Tỏa nhẹ, không cao vút. Đâu như khói bếp lò. Muro (no) Yashima* (Ikade ka wa. Omoi aritomo. Shirazubeki. Muro no Yashima no. Kemuri nara dewa).

Nhân vật Fujiwara no Sanekata là ai mà Bashô đã nhắc đến nhiều lần trong tác phẩm này vậy? Ông thực ra không nổi tiếng cho lắm nhưng có một bài thơ được tuyển vào Hyakunin Isshu (*Bách nhân nhất thủ*)²². Bashô thương mến ông có lẽ vì ông đã chết nơi lữ thứ trên bước lưu đày. Là một công khanh sống vào thế kỷ thứ 10 (thời Heian trung kỳ), Sanekata thuộc dòng họ quý tộc Fujiwara. Tương truyền ông rất hào hoa phong nhã và có mối liên hệ tình ái với cả nữ sĩ Sei Shônagon (tác giả *Ghi nhanh bên gối* tức Makura no Sôshi). Thế nhưng vì có chuyện cãi cộ với nhà thơ đạo Kôzei tức Fujiwara no Yukinari, 1120-1156, trước bá quan, ông đã phật ý thiên hoàng nên bị biếm làm trấn thủ vùng Mutsu. Ông chết nơi nhiệm sở. Có thuyết cho rằng bị thần Dôsojin vật vì khi qua đền mà không chịu xuống ngựa.

Bashô có vẻ thất vọng về phong cảnh Muro no Yashima. Ông chỉ muốn viếng chốn này vì nó là một “gối thơ” (utamakura) nổi tiếng từ xưa và nhân đó giới thiệu với độc giả Sora, người bạn đồng hành thông thái của mình. Nhật ký đi đường của Sora cho biết Bashô đến đây có vịnh một bài thơ nhưng có lẽ nội dung trùng phức với phần tản văn, ông đã không đưa vào tác phẩm.

Đoạn 5: Nikkô: Một vị Phật tên Gozaemon (Nikkô: Hotoke Gozaemon 日光 : 仏五左衛門).

Ngày 30 tháng 3 (chính ra là 29, dương lịch là 18 tháng 5), chúng tôi dừng chân ngủ lại dưới chân núi Nikkô (tỉnh Tochigi bây giờ). Ông chủ quán nơi chúng tôi ở trọ tự giới thiệu : “Tên tôi là Hotoke (Phật) Monzaemon. Mọi người thương mà đặt biệt hiệu cho tôi như vậy vì lúc nào tôi cũng cố gắng thật thà lương thiện trong mọi việc. Vậy xin các thầy cứ yên tâm qua đêm ở đây!”. Ông làm ta nghĩ không hiểu ông là một vị Phật nào mà hòa mình vào đồng bùn như này để cứu giúp những kẻ hành hương khát thực

²² Bài số 49: Kakutodani / E yaha ibuki no / Sashi mogusa / Sashimo shiraji na / Moyuru omoi wo (Thương nhớ mà ghen lời/ Có biết cho tình tôi? / Dầu bùng thua ngải núi / Tình vẫn cháy không thôi).

đói khát như chúng tôi. Ta nhìn ông chăm chú và nhận thấy đó chỉ là một con người chất phác, không thông minh lanh lợi như bao kẻ khác. Trong Luận Ngữ²³, Khổng Tử có lần nhận xét rằng kẻ ngu phụ với tấm lòng đơn sơ mới dễ tìm về chân lý. Lòng dạ ông chủ quán cũng trong sáng như thế khiến cho ông được mọi người đánh giá cao.

Lời Bình:

Đoạn văn miêu tả Gozaemon cho ta thấy nhân sinh quan của Bashô. Với ông, con người ngu trực, không văn vẻ, mới gần lẽ đạo - dù là Nho hay Thần Phật - hơn cả. Theo Nhật ký đi đường của Sora thì hai thầy trò sau khi viếng núi Nikkô, tới đến mới về trọ ở quán Gozaemon. Thế nhưng trong Oku no hosomichi, tác giả đã xếp theo một trật tự đảo ngược là họ đã trọ trong quán một đêm và chỉ lên viếng Nikkô vào sáng hôm sau.

Đoạn 6: Nikkô: Ngọn núi Nikkô (Nikkô: Nikkôsan 日光 : 日光山) :

Ngày 1 tháng 4, chúng tôi lên viếng hai hòn núi Nikkô (Nhật Quang Sơn, Nikkôsan). Núi này ngày xưa tên viết là Futarasan (Nikôsan, Nhị Hoang Sơn)²⁴ nhưng ngài Kuukai (Không Hải đại sư), khai tổ phái Chân Ngôn (Shingon) đã lập nên một cảnh chùa ở đây và đổi tên nó thành Nikkôsan. Có lẽ ngài tiên tri rằng một nghìn năm sau, chốn này sẽ trở thành nơi trù phú. Ngày nay thì uy quang của Nikkôsan đã chiếu dọi khắp cả nước, ân huệ của nó trùm khắp thiên hạ. Sĩ nông công thương tứ dân sống đời bình yên, tất cả vui hưởng cảnh thái hòa. Nếu thêm thất nữa e thành đông dài, vậy xin dừng bút ở đây.

あらたふと青葉若葉の日の光

Aratafu to,
Aoba wakaba no,
Hi no hikari.

Ôi tôn quý làm sao,
Từ lá xanh lá non,
Đều tắm ánh chiếu dương.

Lời Bình:

Thường thì nói về thắng cảnh Nikkô, văn nhân thi sĩ đương thời phải nhắc đến Tôshôguu (Đông Chiếu Cung), ngôi lăng tẩm huy hoàng tráng lệ của Shôgun sáng nghiệp Mạc Phủ Tokugawa là Ieyasu. Thế mà trái với thông lệ, Bashô chỉ viết những câu đùa đon đoi với chính quyền. Việc ca tụng nhà nước thì văn nhân thời Edo thường làm, kể cả Ueda Akinari trong những câu nhập đề tác phẩm của mình. Ngược lại, Bashô tập trung tán tụng sức mạnh tâm linh của tôn giáo mà tượng trưng là Đại sư Kuukai. Cái hoành tráng lộng lẫy của Tôshôguu là do con người làm ra không thể sánh nổi với sự đơn sơ nhưng oai nghiêm của thiên nhiên qua hình ảnh hai hòn núi Nikkô, cùng với 3

²³ Sách Luận Ngữ, đoạn Tử Lộ 12: Cương nghị bất nột, cận nhân dã.

²⁴ Hoang có thể hiểu là trợ trụ hoang vu, có thể hiểu là bảo tố.

ngọn Haguro (sẽ xuất hiện trong những tiểu đoạn kế tiếp) vốn được xem như thánh địa của các du tăng. Các hòn núi đơn sơ chính nó đã là những vị thần. Vì thế đoạn 6 này ăn khớp với việc Bashô miêu tả nhân vật Hotoke Gozaemon (đoạn 5), ông chủ nhà trọ chân chất lương thiện, đáng được gọi là một sinh Phật.

Kigo của bài thơ này là aoba wakaba (lá xanh và lá nỡn), ám chỉ mùa hạ. Như thế, ánh thái dương của Nikkô đã bao trùm tất cả người và vật, sum la vạn tượng. Nếu có ai muốn hiểu đó là ân đức của “thần quân” Tokugawa Ieyasu đến cả “hoa kia cỏ này” thì cũng được.

Đoạn 7: Núi Kurokami. Về Sora, người bạn đồng hành (Kurokamiyama 黒髪山).

***Kurokamiyama** (Hắc Phát Sơn nghĩa là núi tóc đen, hòn núi có hình đàn ông trong hai ngọn Nikkô) đã bắt đầu vương chút sương lam nhưng màu tuyết tàn vẫn còn thấy rõ.*

(Sora có thơ):

刈り捨てて黒髪山に衣更え

*Sori sutete
Kurokami yama ni
Koromogae*

*Đến núi tên Hắc Phát,
Nhớ chỉ buổi lên đường.
Gọt tóc, khoác cà sa.*

Sora, họ Kawai, tên anh là Sôgorô. Căn nhà nhỏ của anh cất dưới tàng chuối cạnh Am Bashô, vẫn thường đến giúp ta sửa soạn cơm nước, làm công việc nhà. Lần này vui vì sẽ được dịp cùng nhau thăm viếng phong cảnh chòm đảo Matsushima và đầm Kisagata, anh chịu làm bạn đồng hành để chia sẻ phần nào nỗi cơ cực. Sáng hôm lên đường, anh gọt tóc, bỏ áo thường lấy áo cà sa, đổi tên Sôgo (Tổng Ngũ) ra pháp danh Sôgo (Tông Ngô). Đầu đuôi như vậy nên mới có bài thơ trên. Đọc hai chữ koromogae (y cánh, thay áo) trong bài thơ mới thấm thía khí phách và quyết tâm của anh.

Leo từ đền thần lên núi khoảng trên 20 chô (200 m), gặp một thác nước. Thác ấy đổ xuống từ bên trên hang đá. Dòng thác cao chừng 100 shaku (30 m) rơi vào một cái bầu nước rộng do những tảng đá tạo thành. Muốn xem thác phải cúi mình chui vào trong hang mới thấy được thác từ sau lưng nó. Vì thác chỉ có thể được ngắm từ phía trong (ura wo miru) nên thác mới có tên là Urami no taki (Thác nhìn đằng sau).

しばらくは滝にこもるや夏の初

*Shibaraku wa
Taki ni komoru ya
Ge no hajime*

*Hãy để trong chốc lát
Thác nước phủ che mình
Trời đã vào tiết hạ.*

Lời Bình:

Trong đoạn này, Bashô giới thiệu thêm về Sora, người bạn đồng hành. Nhìn bài thơ đầu, chữ kuro (đen) trong Kurokami (tên một trong hai quả núi của Nikkô và còn có nghĩa là tóc đen) đi đôi với chữ kurozome (áo nhuộm đen của nhà tu) đối chọi với màu trắng của tuyết tàn (zansetsu) trong lời văn. Điều này nói lên nhân cách của Sora, con người tu hành. Sora trong chuyện đi về miền Oku với thầy, ông đã tỏ ra có quyết tâm nào kém Bashô trước những hiểm nguy trên bước đường dài nên đã xuống tóc, đổi áo thường mặc áo tu trước ngày ra đi.

Hình ảnh vây bọc bởi thác nước (taki ni komoru) là hình ảnh hai nhà tu đang nhờ sức nước ào ạt từ trên cao chảy xuống²⁵ để tẩy đi mọi điều ô uế. Bước vào hạ cũng là lúc nhà tu dừng chân lữ hành một quãng thời gian “nhất hạ cử tuần” để nhập thất (lung đường 籠堂) và tĩnh tâm (hạ lung 夏籠, hạ an cư 夏安居). Tuy vậy chữ shibaraku (trong chốc lát) được gắn vào câu thơ ở đây chỉ tâm trạng nhẹ nhàng, không câu thúc của người viết.

Kigo của bài thơ này, đúng như Bashô đã bình là chữ koromogae (thay áo), diễn tả tâm trạng thoát tục, đổi đời, khi hai thầy trò bỏ áo xống thường ngày để mặc tấm cà sa màu đen. Thay áo cũng có nghĩa là đổi áo ấm mùa xuân sang áo mát mùa hè.

Kigo của bài thơ này là Ge (hạ) chỉ mùa hạ (natsu).

Đoạn 8: Cánh đồng Nasu (Nasuno 那須野)

Vì có người quen²⁶ sống ở một nơi tên Kurobane trên cánh đồng Nasu²⁷ (ở Kurobane, thuộc Tochigi bây giờ) nên ta mới từ Nikko băng qua đồng, theo lối tắt để tìm đến nơi. Trong khi nhắm làng thôn xa xa phía trước để tiến bước thì trời chợt đổ mưa và ngày cũng đã xế bóng. Ta bèn ngủ đỗ ở ngôi nhà một nông phu, rồi khi đêm vừa hùng sáng lại bắt đầu tiếp tục đi bộ giữa cánh đồng.

²⁵ Nguyên văn “phi lưu bách xích” đến từ bài thơ nhan đề Lư Sơn bộc bố ca của Lý Bạch: Phi lưu trực há tam thiên xích. Nghi thị Ngân Hà lạc cửu thiên.

²⁶ Ám chỉ các nhà thơ Tôsetsu (Đào Tuyết) và Tôsui (Đào Thúy) sẽ xuất hiện trong các đoạn sau.

²⁷ Nasuno tức Nasunogahara, 那須野が原, phía bắc tỉnh Tochigi, một vùng đồng bằng nằm ở hướng nam rặng Nasugatake.

Giữa đường lúc đó có một con ngựa đang được thả ăn²⁸. Ta bèn kể khổ với người đàn ông cắt cỏ và muốn xin mượn ngựa để đỡ chân. Tuy là kẻ làm ăn nơi ruộng rẫy, anh ta thực có tình người vì mới nghe nhờ xong, đã bảo : « Ôi chào, có chi nào ! Bây giờ tôi không thể bỏ việc mà đi chỉ đường, còn để bác là người lần đầu tới xứ này phải lạc lối tôi cũng mang tội, thôi thì bác cứ lấy ngựa mà cưỡi, đến chỗ nó ngừng trả lại nó về đây vậy! ». Thế rồi anh cho ta mượn ngựa.

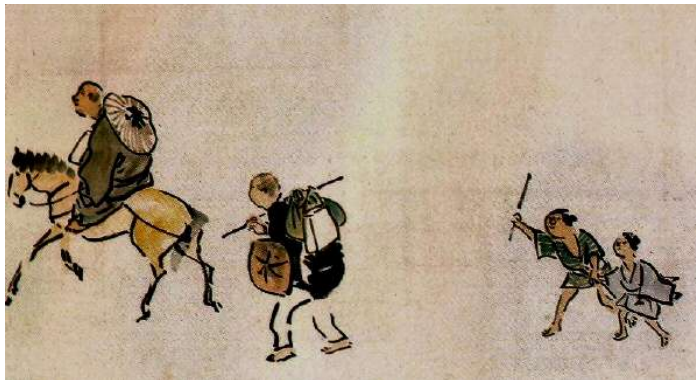
Có hai đứa trẻ chạy theo đuôi. Một em là gái trông rất kháu khỉnh, hỏi tên mới biết là Kasane (Kép). Đó là một cái tên quê mùa ít ai đem đặt nhưng nghe cũng dễ thương. (Sora bèn có bài thơ vịnh rằng):

かさねとは八重撫子の名らるべし

Kasane to wa
Yae nadeshiko²⁹ no
Na narubeshi

Nếu tên em là Kép,
Phải hiểu : nhiều tầng cánh,
Như loài hoa nữ lang.

Chẳng bao lâu, chúng tôi đã đặt chân đến chỗ có làng xóm, bèn giắt tiền mượn ngựa trên yên rồi trả nó về.



Có hai đứa trẻ chạy theo đuôi ngựa

Lời Bình:

²⁸ Ngựa này cũng dùng để chở cỏ đã cắt về nhà.

²⁹ Kasane 重 hay 累 có nghĩa là kép, nhiều tầng, chồng lên nhau. Còn Yae 八重 cũng là nhiều tầng.

Nadeshiko 撫子は tên gọi là hoa nữ lang 女郎花 hay hoa kiết cánh 桔梗 (tiếng Anh: pink, bellflower, thoroughwort...), hoa cầm chướng... nói chung là một loại hoa đồng cỏ nội, tượng trưng cho vẻ đẹp thô sơ của thiên nhiên vào mùa thu. Trong thi ca, nadeshiko thường được hiểu bóng bẩy là con cưng 愛撫する子 nữa.

Trong nguyên tác, Bashô lập lại nhiều chữ “no” 野 (cánh đồng), gọi được phong vị đồng quê. Cái chất phác của người nông phu đang cắt cỏ và đưa bé gái quê chạy theo chân ngựa không khỏi làm cho thầy trò Bashô quên đi nỗi nhọc nhằn của cuộc hành trình và cũng khiến ta thoáng nở một nụ cười.

Nadeshiko, tên hoa nữ lang (cầm chướng), theo thủ pháp engo (duyên ngữ hay chữ gợi ý) còn hàm ý là dễ thương, muốn nựng một cái, trong cổ văn, có nghĩa là con cưng. “Người phụ nữ Nhật Bản khả ái” thường được gọi là Yamato-nadeshiko, giống hoa nữ lang Nhật Bản, để phân biệt với Kara-nadeshiko (ám chỉ hoa thạch trúc), vốn đến từ đại lục.

Đoạn 9: Đến Kurobane (Kurobane 黒羽) . Mũi thần tiễn của Yoichi và Con hồ ly tinh Tamamo.

Chúng tôi đến chào chúc văn quan đại thần³⁰ của quan thủ thành Kurobane là ngài Jôbôji (Tĩnh Pháp Tự) họ Mỗ. Cuộc viếng thăm đột ngột không hề làm ngài hết sức vui, cùng nhau bàn chuyện thơ văn từ sáng đến chiều. Em trai ngài là nhà thơ haikai Tôsui (Đào Thúy) cũng đến chơi mỗi ngày, còn mời về nhà riêng. Chúng tôi được giới thiệu với họ hàng thân quyến của ông ấy nữa. Cứ thế mà mấy hôm đã trôi qua.

Có bữa, chúng tôi đi dạo ở vùng ngoại ô Kurobane. Sau khi ghé xem dấu tích nơi xưa kia người ta tập kỵ xạ bằng cách dồn chó (inuoumono) mà bắn³¹, chúng tôi mới vệt cánh đồng trúc lùn Nasu no shinohara để viếng ngôi mộ cổ tương truyền có con kim mao cứu vĩ hồ ly tinh hóa ra gái đẹp để trở thành hoàng hậu của thiên hoàng (gọi là Tamamo no Mae, phu nhân Ngọc Tảo). Sau khi Tamamo lộ nguyên hình, đã bị giết chết ở đây. Thế rồi, chúng tôi đi tham bái đền Hachiman. Hồi hai họ Taira và Genji tranh hùng, có truyện chàng Nasu no Yoichi trước khi nhắm bắn mũi tên trúng đích lá quạt, đã khấn thần Hachiman nơi quê nhà của mình. Khi nghe nói rằng vị thần nói trên chính là thần thờ ở đền này, lòng ta lại càng thêm cảm khái. Vĩ trời đã về chiều, chúng tôi phải quay về nhà Suitô.

Cạnh bên, có Kômyôji (Quang Minh Tự) là ngôi chùa của các tăng du hành. Được mời đến đây chơi, chúng ta có cơ hội tham bái điện đường thờ ngài En no Gyôja.

夏山に足駄を拜む首途かな

Natsuyama ni
Ashida wo ogamu
Kadode kana

Leo lên núi Natsu,

³⁰ Nguyên tác là karô (gia lão) như thủ tướng một tiểu quốc..

³¹ Dĩ nhiên với tên đụt, đầu không bịt nhọn, chỉ dùng vào việc thao luyện.

*Khán En no Gyôja,
Như ngài chân cứng cáp.*

Lời Bình:

Thầy trò Bashô ở lại Kurobane mất hai tuần. Họ đến thăm phủ đệ của viên văn quan, đại thần của chức thủ thành Kurobane, là Jôbôji Zushô Takakatsu. Thời đó, lãnh chúa khi vắng nhà vì phải lên Edo hầu việc, thường là dài hạn, phải có người thủ thành thay thế để trông coi lãnh địa. Biệt hiệu haikai của Takakatsu là Tôsetsu (Đào Tuyết), còn em trai ông là Tôsui (Đào Thúy). Hai anh em yêu thơ này nhiệt liệt hoan nghênh sự viếng thăm của Bashô. Họ đối với ông nồng hậu và ông cũng rất vui lòng. Họ lại đưa ông đi thăm những nơi thắng cảnh và cô tích khiến ông cảm kích hơn nữa.

Trường săn chó (nơi võ sĩ Kamakura luyện tập kyu xạ để săn chồn tinh), mộ nàng Tamamo (kim mao cửu vĩ hồ ly tinh hóa thành người đẹp, quyến rũ cả Thiên hoàng, đã bị võ sĩ Kamakura bắn chết), đền Hachiman và mũi thần tiền của Nasu no Yoichi (võ sĩ Kamakura hàng đầu) được ghi lại trong Truyện Heike, là những sự tích liên quan đến các samurai thời xưa. Một người xuất thân từ giai cấp võ sĩ, Bashô không khỏi cảm động và tự hào khi nhìn những di tích đó. Ngoài ra, việc Bashô tỏ lòng kính trọng với En no Gyôja (En no Odzuno) cũng chỉ là một điều tự nhiên vì ông này là thánh tổ của các tăng vân du gọi là yamabushi.

En no Gyôja 役の行者, vị thánh tăng sống vào thế kỷ thứ bảy, đã lập chùa trên các ngọn núi thiêng như Kinpusen (Kim Phong Sơn) ở Yoshino. Tương truyền ông đầy pháp lực, sai bảo được cả quỷ thần mức nước, kiếm củi cho mình. Ông đã hình thành một thứ tín ngưỡng mới mẻ là “sơn nhạc tôn giáo”. Bị kẻ chống đối vu oan giả họa nên bị đi đày ở đảo Ôshima (vùng Izu). Sau được tha rồi sang bên nhà Đường. En no Gyôja thường mang dép gỗ có ngắn cao (ashida) vượt núi băng đồng. Nhìn con đường trước mắt còn xa vời vợi, dĩ nhiên Bashô mơ ước có được đôi chân cứng cáp như người trong truyền thuyết.

Kigo của bài thơ là Natsuyama (núi Natsu ở vùng Michinoku), chỉ mùa hè (natsu).



En no Gyōja và hai quỷ sứ theo hầu (tranh Hokusai)

Đoạn 10: Chùa Unganji (Unganji 雲巖寺). Am cũ thiền sư Bucchō.

Sâu trong khu chùa Ungan (Vân Nham Tự, tông Lâm Tế) của vùng Shimodzuke (tỉnh Tochigi ngày nay), có di tích của người dạy Thiền cho ta là hòa thượng Butchō (Phật Đỉnh). Không nhớ có lần nào, hòa thượng có kể rằng đã làm một bài kệ để tự răn mình chưa đạt được tâm cảnh “vô nhất vật” rồi viết nó bằng than cây tùng lên tảng đá kê bên am:

豎横の五尺にたらぬ草の庵むすぶもくやし雨なかりせば

Tateyoko no
Goshaku ni taranu
Kusa no io
Musubu mo kuyashi
Ame nakariseba

Lòng duy còn nổi hận,
Vì chưa sao dứt bỏ,
Một vuông lều cỏ chật,
Đủ đụt gió mưa thôi.

Định tìm cho ra bút tích này, ta mới nương theo trượng hướng về hướng chùa Ungan. Người chung quanh tự nhiên mời mọc nhau, họp lại thành đoàn lũ, con số lên rất đông. Lớp trẻ đi theo cũng nhiều, hoạt náo tiến lên. Chẳng bao lâu chúng tôi đã đến bên chân núi nơi có cảnh chùa.

Không khí trong núi sâu như bông bênh lãng đãng, đường dọc theo khe lũng nối tiếp,

tùng và tuyết tùng mọc dày đen kịt không cho ánh mặt trời xuyên thấu. Mặt đất phủ đầy rêu xanh, trời đã vào hạ mà nơi đây hãy còn lạnh lẽo. Chúng tôi vừa đi vừa ngắm Ugan thập cảnh, khi vượt qua cây cầu (trong Ugan ngũ kiều) vừa đến nơi cuối đường đưa vào cổng sơn môn Unganji.

Thế rồi, để kiểm di tích của hòa thượng Butchô ở đây, chúng tôi mới leo lên núi phía sau chùa thì thấy một ngôi nhà nhỏ được xây trên tảng đá và dựa vào một hang động. Truyện ngày xưa cao tăng Trung Quốc là Diệu thiên sư³² đã từng giam mình trong một cái hang gọi là Từ Quan (Cửa vào cõi chết) rồi sau viên tịch ở đây, cũng như truyện sư Pháp Vân³³ đã cất am bằng đá tảng (thạch thất), như hiện ra trước mắt.

木啄も庵は破らず夏木立

Kitsutsuki mo
Io wa yaburazu
Natsu kodachi

Lóc cóc chim gõ kiến,
Muốn phá cũng không đành,
Am giữa lùm cây hạ.

Tức cảnh sinh tình, ta đã viết ra một câu thơ như thế đặt lên cột am.

Lời Bình:

Bashô đến viếng di tích nơi ẩn cư của Hòa thượng Butchô (仏頂 Phật Đỉnh, 1642-1715) trong thời gian ông ở Kurobane. Ông đã dành cả một đoạn để chỉ nói về con người mà xưa kia mình từng đến hỏi về Thiên. Hòa thượng vốn xuất thân ở Kashima (tỉnh Ibaraki bây giờ), chỉ lớn hơn Bashô vài tuổi. Ông có thời ngụ cư ở Fukagawa, rất thân thiết với nhà thơ. Hai năm trước khi làm cuộc lữ hành dài về miền Oku, Bashô đã hành hương đền Kashima và tái ngộ Butchô, lúc đó đã về đây ở ẩn. Ông có thoáng nhắc đến thiền sư trong tác phẩm du ký *Chuyến viếng thăm đền Kashima* (Kashima Môde). Lại có một công án thiền liên quan đến Butchô, Bashô và bài thơ “con ếch nhảy xuống ao”. Nó đã được các học giả như Suzuki Daisetsu và Mochidzuki Ryômin nhắc tới trong tác phẩm của họ³⁴.

Uganji (雲巖寺 Vân Nham Tự, tông Lâm Tế) được chức Shikken của Mạc phủ Kamakura là Hôjô Tokimune 北条時宗 cho dựng lên như một thiền tự. Lúc đó có nhiều danh tăng được mời đến tu hành và là chùa coi như nổi tiếng nhất địa phương. Năm 1590, già lam của nó đã bị Tể tướng Toyotomi Hideyoshi 豊臣秀吉 thiêu rụi nhưng đời

³² Cao Phong Nguyên Diệu (1238-1295), một thiền tăng Nam Tông, chuyên chú tọa thiền suốt 15 năm không ra khỏi “Từ Quan”, một cái hang ở động Trương Công, núi Thiên Mục (Hàng Châu).

³³ Túc Trung Phong Minh Bản (1263-1323), học trò chân truyền của Cao Phong Nguyên Diệu. Cất am tu bên cạnh hang Từ Quan. Sau khi chết, được chôn trong tháp Pháp Vân.

³⁴ Suzuki Daisetsu (Thiền và văn hóa Nhật Bản), Akidzuki Ryômin (Công Án)

Edo được cất lại và bảo toàn cho đến ngày nay. Trong khu vực chùa Ungan có 10 cảnh đẹp gọi là Unganji Jikkei (Vân Nham Tự thập cảnh). Theo Nhật ký của Sora thì đó là Hải Nham Các, Trúc Lâm, Thập Mai Lâm, Long Vân Động, Ngọc Kỳ Phong, Bát Vu Phong, Mộc Phân Thạch, Thiên Trượng Nham, Phi Tuyết Đình và Linh Lung Thạch.

Giữa cánh rừng dày, có tiếng chim gõ kiến (hay chim gõ mỏ, woodpecker), loài chim khoét bọng trong cây để tìm côn trùng làm thức ăn, vọng tới. Thế nhưng theo ý Bashô thì dù chim có xung động phá phách hủy hoại, chúng cũng phải dành một chỗ không đụng tới: cái am cũ của Hòa thượng Butchô, để tỏ lòng kính trọng cao đức vị thiền sư. Đó cũng là tình cảm của Bashô đối với người thầy.

Kigo của bài thơ này là Kitsutsuki (chim gõ kiến 啄木鳥), liên quan tới mùa hạ

Đoạn 11: Hòn đá sát sinh (Sasshōseki 殺生石):

Rời Kurobane chúng tôi lên đường đến một nơi tên Sasshōseki (Sát Sinh Thạch). Đại thân của chức thủ thành, ngài Jōbōshi, cấp ngựa cho chúng tôi cưỡi. Người tùy tùng dắt ngựa ngỏ ý xin ta viết cho một câu thơ lên thiệp giấy. Ta thấy người này tuy không chức tước địa vị mà lại có cái thú thanh cao như thế, lòng có hơi cảm kích, bèn tặng anh câu thơ sau đây:

野を横に馬引き向けよほととぎす

No wo yoko ni
Uma hikimukeyo
Hototogisu

*Chim cuốc bay qua đồng
Hãy kéo ngựa quay ngang
Để được nghe tiếng hót*

Sasshōseki nằm ở đằng sau ngọn núi ở Nasu nơi có suối nước nóng Yumoto vọt ra. Hơi độc dậy lên chung quanh hòn đá (sát sinh) ngày nay vẫn chưa tan. Côn trùng như ong và bướm chết chồng chất lên nhau thiếu điều phủ kín cả mặt cát.

Lời Bình:

Sasshōseki là một hòn đá từ dung nham, theo truyền thuyết thì nơi ấy là dấu vết con hồ ly tinh hóa ra người đẹp Tamamo (đã nói, hình tượng đến từ Ấn Độ và Trung Quốc) bị người ta bắn chết. Chung quanh hòn đá, hơi độc phun ra, giết tất cả những sinh vật nào đến gần. Đàn ong lữ bướm xinh xắn đáng yêu là thế đều làm mồi cho nó cả. Thi thể nạn nhân rải ra trên mặt đất và chồng chất lên nhau vô số. Chắc trước mắt Bashô lúc đó đã hiện lên hình ảnh mỹ nữ và cũng là quái vật.

Có vẻ tuồng Nô cũng mang nhan đề Sasshôseki kể lại chuyện một thầy tăng vân du đã giáo hóa và cứu độ đề tinh con hồ ly ở hòn đá sát sinh này không gây tai ách nữa.

Bài thơ của Bashô từ trên lưng ngựa giống như một lệnh truyền, tỏ ra ông còn mang cái khí phách của con nhà võ sĩ. Trên thực tế cánh đồng Nasu lại là nơi võ sĩ Kamakura từng luyện tập chiến đấu. Khi nhắc lại truyền thuyết xa xôi trong quá khứ, Bashô đã tìm về hình bóng của người chiến sĩ Nhật Bản thời xưa.

Cũng cần nói thêm là chủ đề “mã thượng thi điều” 馬上時鳥 (nghe tiếng chim cuốc - thi điều - khi ngồi trên lưng ngựa) khá thông dụng trong thơ Waka và ta không thể loại bỏ giả thuyết là Bashô đã nghĩ tới điều đó khi gieo vần.

Đoạn 12: Cây liễu thôn Ashino (Ashino no Yanagi 蘆野の柳) và nhà sư vân du.

Dưới bóng cây mang tên Cây liễu nhà sư vân du (Yugyôyanagi) ³⁵, pháp sư Saigyô từng vịnh bài thơ nổi tiếng sau đây:

道の辺に清水流るる柳かげしばしとてこそ立ちどまりつれ

Michi no be ni
Shimizu nagaruru
Yanagikage
Shibashi tote koso
Tachidomari tsure

Bên vệ đường đó,
Nước chảy trong sao.
Có bóng liễu mát,
Trông ghé một chút,
Nấn ná thành lâu!

Cây liễu nằm ven làng Ashino (thuộc quận Nasu), nay vẫn thấy đứng bên bờ ruộng. Chức quan thuộc Bộ Hộ họ Mỗ quản lãnh khu vực ³⁶ có lần cho biết ông mong ta thế nào cũng nên xem một lần khi có dịp. Ta thắc mắc không hiểu nay ở nơi đâu và vẫn định bụng đến ngắm cho bằng được thì ai ngờ hôm nay, lại đang đứng tựa dưới bóng

³⁵ Bài waka của danh tăng Saigyô 西行 (1118-1190), nhà thơ du hành và nhà văn hóa lớn của Nhật Bản sống vào thời Kamakura. Được tuyển vào Shin Kokin Wakashuu (Tân Cổ Kim Hòa Ca tập) phần nói về mùa hạ. Cũng là đề tài vở tuồng Nô của Kanze Nobumitsu 観世信光 (1435-1516) nói về cao tăng Ippen 一遍 (1239-1289), người được mệnh danh là Du hành thượng nhân 遊行上人 (đời thứ nhất), từng siêu độ linh hồn cho con tinh cây liễu già, nên cây liễu có tên là Du hành liễu.

³⁶ Bashô kín đáo muốn dấu tên nhân vật này nhưng đó là một quan chức lương 3.000 hộc thóc và là học trò của ông, biệt hiệu Tôsui 桃酔 (Đào Túy).

râm của cây liễu ấy:

田一枚植えて立ち去る柳かな

*Ta ichimai
Uete tachisaru
Yanagi kana*

*Cây vừa xong thửa mạ,
Đành phải chịu rời xa,
“Cây liễu ấy” chẳng là?*

Lời Bình:

Người xưa mà Bashô kính yêu hơn cả là thi tăng Saigyô (西行 1118-1190). Trong một phút giây, trước cây liễu, ông đã tưởng tượng ra hình ảnh thân tượng của mình, chắc từng có mặt dưới gốc liễu đó.

Câu thơ súc tích, lắm lời giải thích. Tự trung, có thể hiểu trong một khoảng thời gian đủ để những người nông dân hay thôn nữ (đã dẫn đường ông đến đây?) cấy xong một khoảnh ruộng (có thể Bashô cũng tham gia vào việc đồng áng như cử chỉ tượng trưng để chiêu hồn những nhà thơ ông yêu kính), thế rồi sau khi (xem hay cùng họ) cấy xong thửa mạ, ông đành theo họ về. Nhà thơ hơi tiếc không được ở lâu hơn bên cạnh cây liễu nổi tiếng của hai vị tiền bối (thi tăng Saigyô và sau đó là Du hành thượng nhân Ippen) và bâng hoàng tự hỏi có phải nó chính cây liễu huyền thoại? Xin so sánh hai câu thơ Tachidomaritsure (Nấn ná thành lâu) của Saigyô và Tachisaru (Đã vội rời xa) của Bashô để thấy sự tương phản và kết hợp giữa chúng, cảm được sâu sắc hơn tâm tình tiếc nuối của nhà thơ.

Thời Muromachi hậu kỳ, khoảng năm 1514, vở tuồng nô Yugyôyanagi 遊行柳 (Du Hành Liễu), tác phẩm buổi văn niên của soạn giả Kanze Nobumitsu đã được đem ra trình diễn lần đầu. Tuồng kể sự tích một lão già đã hiện ra trước mặt Du hành thượng nhân tức tăng Ippen (一遍 1239-1289) khi ông vượt cửa quan Shirakawa, chỉ đường cho ông đến xem “Cây liễu mục” mà thi tăng Saigyô đã đem vào thơ. Lão già ấy nhờ thượng nhân tụng kinh niệm Phật mà được siêu thoát rồi biến mất vào trong bóng râm của cái gò bên cạnh cây liễu ấy. Đêm đến, con tinh lại hiện ra qua hình dạng một ông già tóc trắng, kể lại sự tích cây liễu mà múa một điệu vũ để cảm ơn thượng nhân rồi lại biến mất. Yugyôyanagi hình như được sáng tác để đối kháng với tuồng Saigyôzakura 西行桜 (Tây Hành Anh, nói về cây anh đào thành tinh bên am Saigyô nhằm ca ngợi cảnh sắc mùa xuân của Kyôto) do soạn giả Zeami 世阿弥 1363? - ?) chấp bút nhưng Yugyôyanagi riêng nó là một tác phẩm có mục đích ca ngợi cuộc sống thanh cao, nhân tính.

Đoạn 13: Cửa quan Shirakawa (Shirakawa no seki 白河の関)

Trong tâm trạng bất an của cuộc lữ hành, ngày tháng cứ dần trôi. Giữa lúc lòng bồn chồn không vì một cơ gì rõ rệt, ta đã tiến tới gần cửa quan Shirakawa³⁷. Đến đây, ta mới quyết tâm đi vào vùng Michinoku. Ngày xưa, tướng Taira no Kanemori³⁸ qua nơi ấy, đã vịnh một bài thơ bày tỏ lòng cảm khái nhờ người nhắn tin ông về kinh đô. Ta nghĩ đó thật là một điều chí lý.

Cửa quan Shirakawa, một trong ba hùng quan của miền Đông, ai là tao nhân mặc khách đều quan tâm đến nó. Họ đã để lại biết bao nhiêu là thơ đề vịnh nói lên tâm tình của mình. Hồi tưởng lại bài thơ của tăng Nônin³⁹ viết về tiếng gió thu, bài thơ của tướng Yorimasa⁴⁰ vịnh lá đỏ rụng rơi tan tác trên cửa quan mà thấy cả hai như hiện ra trước mắt, bên tai. Tuy nhớ về hình ảnh của lá hồng lá thắm ngày xưa nhưng những chiếc lá xanh trên đỉnh cây trước mặt cũng đem lại cho mình một thi vị riêng

Thời điểm này, hoa “u” (mã) đã nở trắng toát. Cũng mang màu trắng của hoa kia⁴¹ (hoa mã) trong mấy áng thơ xưa, những cánh hoa gai nở chen vào chúng làm ta cảm thấy mình như đang như bước đi giữa lớp tuyết trên cửa quan. Ngày xưa quan đại phu Takeda Yukimasa⁴² đến nơi này, vì muốn tỏ lòng thành kính với bài thơ của ngài Nônin, đã sửa lại mũ mấn, thay đổi áo xống chỉnh tề rồi mới dám đi qua. Đó là sự tích đã được Fujiwara no Kiyosuke⁴³ ghi lại trong tác phẩm Fukuro Zôshi. (Sora bèn có thơ):

卯の花をかざしに関の晴れ着かな

³⁷ Cửa ải quan trọng đánh dấu cõi biên thù, cửa ngõ vùng Oku, được dựng nên phòng việc người Ezo xâm nhập.

³⁸ Taira no Kanemori 平兼盛 (? – 990), vũ tướng có tài thơ, được xem như một trong Tam thập lục ca tiên thời Heian, chức tổng trấn vùng Tsuruga. Thơ rằng: Tayori araba / Ikade miyako e / Tsuge yaramu / Kyô Shirakawa no / Seki wa koenu to (Shuui Wakashuu, Thập Di Hòa Ca Tập. Thơ Ly biệt) Tạm dịch: Nếu có kẻ đưa tin. Xin nhắn giúp gia đình. Còn ở lại kinh đô. An toàn ta đã vượt. ải Shirakawa. (Việc vượt qua ải này là một cái tâm lý hơn là địa lý đối với Kanemori).

³⁹ Tăng Nônin 能因 (988- ?) (xem thêm chú bên trên) là nhà thơ waka đã làm cuộc lữ hành về miền Oku trước Bashô những bảy thế kỷ. Khi đi qua cửa quan Shirakawa, ông đã để lại bài thơ nói về thu phong được đời truyền tụng. Thơ như sau: Miyako wo ba / Kasumi to tomo ni / Tachi shikado / Aki kaze zo fuku / Shirakawa no seki (Go Shuui Wakashuu, Hậu Thập Di Hòa Ca Tập, thơ Lữ hành). Tạm dịch: Ra đi khi sương lam. Còn phủ trời kinh đô. Giờ Shirakawa. Nghe gió mùa thu nổi.

⁴⁰ Vũ tướng Minamoto no Yorimasa 源頼政 (1104-1180), biệt hiệu Gensanmi 源三位, giỏi thơ waka (xem thêm chú bên trên), có lần xuống tóc qui y. Sau nhận lệnh hoàng tử Mochihito chống lại họ Taira nhưng thất trận trên cầu Uji, phải tự sát. Bài thơ của ông như sau: Miyako ni wa / Mada aoba nite / Mishikadomo / Momiji chirishiku / Shirakawa no seki (Senzai Wakashuu, Thiên Tài Hòa Ca tập, thơ Thu phân hạ). Tạm dịch: Khi ta rời kinh đô. Lá xuân xanh đầy cánh. Đến Shirakawa. Mùa thu đã nhuộm đỏ. Rơi rụng biết bao nơi.

⁴¹ Hoa “u” (hoa mã) 卯の花, một loại hoa nhỏ màu trắng nở vào mùa hạ. Người Nhật thời cổ đã viết nhiều về nó nhưng nổi tiếng nhất có lẽ là bài thơ của Nữ thiên hoàng Jitô 持統天皇 về cảnh hoa ấy nở trắng ngọn núi thiêng Kaguyama 香具山 (bài thứ 2 trong Hyakunin Isshu 百人一首, có thể đọc bản dịch của NNT trên mạng).

⁴² Nhân vật chưa rõ là ai nhưng là phải là một đại thần.

⁴³ Fujiwara no Kiyosuke 藤原清輔 (1104-1177, đại thần và nhà lý luận waka, đối thủ trên thi đàn của Fujiwara no Shunzei 藤原俊成. Tác giả tập thi thoại và ca luận Fukuro sôshi 袋草紙 (1157)

*U no hana wo
Kazashi ni seki no
Haregi kana*

*Cài trên đầu hoa trắng,
Qua cửa quan, làm dáng,
Như mặc áo ngày hội.*

Lời Bình:

Thời Bashô đi qua, cửa quan Shirakawa đã bị để cho hoang phế (vì nhu cầu phòng chống người Ezo ở miền Đông Bắc không còn nữa) nhưng điều đó không phải chuyện khiến ông thắc mắc. Mục đích của Bashô là nhân việc viếng thăm địa điểm này tìm cách sống lại qua ký ức mình những nhân vật lịch sử và tâm tình của họ. Đây là một chương nhuộm màu sắc lãng mạn về kỷ niệm những tiền nhân trên đường đi tìm cái thú phong nhã (tức thi ca).

Hoa “u” viết chữ Hán là “không mộc” 空木 hay “mão mộc” 卯木, tiếng Anh là deutzia. Hoa nở thành chùm trắng vào khoảng tháng 4 âm lịch tức là tháng mao 卯月 (udzuki, mao nguyệt) theo lịch Nhật. Còn Ibara no hana⁴⁴ 茨の花 (hoa gai), một loại hoa đồng nội, cũng có màu trắng.

Chương này đặc biệt quý tụ nhiều màu sắc từ màu xanh lá xuân vào hạ, màu đỏ lá thu, màu trắng của hoa “mão” và hoa gai, của tuyết, của tên cửa ải (Shirakawa = Bach Hà), tất cả tạo nên một cảm giác tươi mát. Nhưng phải chăng vì nghĩ mình chỉ là những du tăng vân thủy, không mũ cao, áo rộng như nhà quan để xứng đáng qua cửa quan nên hai ông sư khát thực Bashô và Sora chỉ có thể làm một cử chỉ nhỏ là cắm một cành hoa trắng lên trên mái tóc (sáp đầu)⁴⁵ trước khi đi qua đó để tỏ lòng kính quý tiền nhân?

⁴⁴ Có hai lối đọc khác là ubara và mubara. Thân leo.

⁴⁵ Việc cài hoa cúc lên tóc ngày Tết Trùng Dương để trừ tà đã thấy trong thơ Đường (Cúc hoa tu sáp măn đầu qui).



Màu trắng hoa “mào”

Đoạn 14: Nhà trạm Sukagawa (Sukagawa 須賀川)

Như thế, chúng tôi đã vượt qua Shirakawa, một nơi danh thắng trong thơ xưa, rồi tiến về phía trước để vượt sông Oukumagawa (nay đọc là Abukumagawa). Bên tay trái, ngọn Bandaisan của vùng Aidzu vươn lên nền trời, bên mặt, ba ấp trại⁴⁶ Iwaki, Sôma và Miharu trải dài nối tiếp nhau. Lại nữa, nếu nhìn đằng sau, sẽ thấy núi non chập chùng như phân chia biên giới khu vực Iwaki (tỉnh Fukushima bây giờ) với các vùng Hitachi (Ibaraki bây giờ) và Shimotsuke (Tochigi bây giờ).

Chúng tôi cũng đã đi qua nơi tên Kagenuma (Hồ Bóng⁴⁷, còn gọi là Kagaminuma hay Hồ Gương) nhưng hôm đó trời nặng mây nên hồ không in cái bóng nào cả. Hồ này, theo sách cũ, thường in bóng chim bay.

Chúng tôi đến khu nhà trạm Sukagawa, thăm người quản lý khu vực đó là nhà thơ haikai tên Tôgyuu⁴⁸ được ông cho trú chân bốn năm hôm. Tôgyuu nhanh nhẩu hỏi ngay: “Các thầy đi qua ải Shirakawa đã làm được câu thơ nào chẳng?” Ta bèn trả lời: “Vừa đi đường xa nên thân thể mệt mỏi, còn tinh thần vì tập trung vào việc hoàn niệm những giai thoại thi ca của tao nhân mặc khách thời xưa nên lúc đó đâu đủ thông thả để gieo vần!”

風流の初めや奥の田植え歌

Fuuryuu no

⁴⁶ Shôen (tràng viên), đơn vị kinh tế nông nghiệp thời phong kiến, khởi đầu cho chế độ lãnh địa, lãnh chúa về sau.

⁴⁷ Thực ra numa 沼 là ao chuôm hay đầm nước.

⁴⁸ Tôgyuu tức Đăng Cùng (等窮 1638-1715), họ là Sagara, tên là Izaemon. Ông xuất thân từ thi phái Teitoku và là đàn anh của Bashô trong làng thơ. Lúc đó khoảng 52 tuổi.

*Hajime ya Oku no
Taue uta*

*Được nghe lần đầu tiên
Hò cấy lúa xứ Ôku
Gợi biết bao thi hứng.⁴⁹*

Lòng tự nhủ đi qua cửa quan mà chẳng vịnh được câu nào, mình thật đáng trách nên cũng ráng làm ra bài thơ mào đầu (hokku) như trên. Thế rồi một sinh hai, hai sinh ba, liên tiếp chúng tôi được một bài liên ngâm 3 quyển.



Chúng tôi làm được một bài liên ngâm 3 quyển

Lời Bình:

Nhân vật Tôgyuu (Đẳng Cùng, Đẳng Cung) là một người lớn hơn Bashô độ 6 tuổi. Có lẽ vì thế mà sau khi gặp được Bashô, ông đã mở ngay một hội thơ haiku để xem thử Bashô làm thơ như thế nào. Chúng ta có thể phỏng đoán là Bashô giữ thái độ thận trọng với người đàn anh này nên ngày đầu ông không trả lời tích cực câu hỏi của chủ nhân.

Tuy nhiên đến khi bắt đầu vào sáng tác thì giữa những người rành thơ với nhau, họ đã hoàn tất ngay một bài liên ngâm (renku) 3 quyển.

Trong bài thơ mào đầu của mình, Bashô muốn nói là lần đầu tiên khi nghe tiếng hò cấy lúa (điền thực ca, taue uta 田植歌) của vùng Michinoku, ông thấy vui và có nhiều cảm hứng vì tiếp xúc được với nền văn hóa dân gian mộc mạc nhưng tao nhã của xứ đó. Ta cũng có thể xem đây như một lời chào gửi đến Tôgyuu, nhà thơ địa phương.

Kigo của bài này là taue uta (hò cấy lúa) chỉ mùa hạ.

⁴⁹ Đặc sắc của hò cấy lúa xứ Ôku nằm ở chỗ thô lậu, chất phác mộc mạc của chốn đồng quê miền biên ải, gọi là hinabi (bỉ 鄙び), khác với cái đẹp tao nhã sang trọng là nhã (miyabi 雅) của thi ca cung đình.

Đoạn 15: Hoa dẻ (Kuri no hana 栗の花). Đòi người ẩn dật.

Dưới bóng cây hạt dẻ cổ thụ gần khu phố nhà trạm này, có một vị sư, bạn của Tôgyuu và cũng là nhà thơ haikai hiệu Rissai (Lật Trai 栗斎) lập am và sống cuộc sống lánh đời.

Thi tăng Saigyô có lần vịnh::

山深み岩にただる水溜めむ喝月落つる橡拾うほど

Yama fukami
Iwa ni shitadaru
Mizu tamemu (tamen)
Katsugatsu otsuru
Tochi hirou hodo

Ở trong núi sâu thăm,
Hãy chặn dòng nước khe,
Đủ thời gian ta hốt,
Hạt dẻ rơi lớp lớp.

Sơn Gia Tập (quyển hạ, phần tập thi) Sankashuu, Ge, Zatsu)

Đường như đời Rissai thật tĩnh lặng, chẳng khác chuyện nhà thơ ở ẩn đi nhặt hạt dẻ trong núi thời xưa (Saigyô). Ta nhân đó viết lên trên giấy chữ “hạt dẻ” (lật 栗) theo văn tự Trung Quốc. Nó gồm hai phần, có nghĩa là “phía Tây” (tây 西) và “cái cây” (mộc 木). Có lần Bồ tát Gyôki⁵⁰ đã liên tưởng cây hạt dẻ với cõi Tây Phương tịnh độ và ông dùng vật liệu cây ấy để chế ra gậy và cả kèo cột trong nhà mình.

世の人の見付けぬ花や軒の栗

Yo no hito no
Mitsukenu hana ya
Noki no kuri

Có mấy ai trong đời
Chợt tìm ra vẻ đẹp
Chùm hoa dẻ bên hiên.

⁵⁰ Gyôki 行基 (hay Hành Cơ, 668-749), sống vào thời Nara, một trong những tăng sĩ Nhật Bản buổi đầu. Được kính trọng nhiều nhất vì đã kêu gọi làm những công tác thổ mộc giúp đời như dựng chùa chiền, xây cầu, đắp đường và biết sống gần gũi với đại chúng bình dân. Ông cũng là người đi rất nhiều.



Hoa dẻ

Lời Bình:

Bashô thông cảm với tâm tình của con người siêu tục Rissai. Đời thường không hiểu giá trị chùm hoa dẻ màu vàng nhạt nhưng ngát hương nở bên hiên thảo am. Nó tượng trưng cho giá trị của người đi ở ẩn. Đời mấy ai biết đến cho nhưng Bashô đánh giá họ cao và hiểu rằng đó là những con người hoàn toàn tự do. Kẻ xuất gia đi tu chưa hẳn tự do vì còn phải lo làm Phật sự và giữ mối liên hệ với người thế tục. Có những bậc tiểu ẩn vào trong núi sâu. Rissai tuy sống cạnh phố phường nhưng ông là người đại ẩn, đạt được tâm cảnh ấy mà không cần phủ định mình.

Chòm hoa dẻ bên hiên người ở ẩn tượng trưng cho cuộc sống thanh bần của chủ nhân. Rissai cũng giống như một người yêu hoa dẻ nổi tiếng khác, bồ tát Gyôki (Hành Cơ).

Kigo của bài thơ này là Kuri no hana (hoa dẻ) chỉ mùa hạ. Kuri (hạt dẻ, chestnut), có khác với hạt dẻ dại (tochi, horse chestnut) trong thơ Saigyô vốn phải nấu nướng mới ăn được.

Đoạn 16: Ngọn núi Asaka (Asakayama 安積山) và chuôm Asaka (Asaka no numa 浅香の沼)

Rời khỏi nhà Tôgyuu, đi được khoảng năm “ri” (20km), chúng ta đến một khu nhà trạm khác tên gọi Hiwada (thuộc Kôriyama, tỉnh Fukushima). Từ đây tiến thêm một chút, chúng ta gặp ngọn núi **Asakayama**, một “gối” thơ thường thấy trong cổ thi, cách đường cái không xa. Ở đây lại có nhiều ao chuôm (**Asaka no numa**), đúng như cảnh người xưa đã ngâm vịnh.

Lúc này là mùa người ta gặt loại lau gọi là katsumi. Vì không biết loại lau nào là “katsumi ra hoa” (**hanagatsumi**), ta mới hỏi thăm dân địa phương nhưng chả ai trả lời được. Ta bèn đi loanh quanh, mồm cứ lẩm bẩm “Katsumi, katsumi”⁵¹, hết tìm nó chung

⁵¹ Katsumi かつみ đầu là tên cây lau nhưng Katsumi thứ hai có nghĩa là “tùng (katsu 嘗) một lần đã thấy

quanh vùng ao hồ lại dọ hỏi thêm. Giữa lúc đó, mặt trời lặn dần về phía bên kia núi và màn đêm bắt đầu bủa vây cho nên mới bỏ ý định không kiếm katsumi nữa. Từ Nihonmatsu, ta quẹo bên phải đường cái để ghé mắt nhìn động đá Iwaya ở Kurodzuka rồi quay về ngủ lại ở Fukushima đêm đó.

Lời Bình:

Sở dĩ Bashô cất công đi loanh quanh tìm cho được hoa katsumi bởi vì ông vẫn còn nhớ truyền thuyết về nhà thơ Fujiwara no Sanekata (đã nói đến ở trên). Thời Heian, sau khi bị biếm ra vùng Ôshuu trên miền bắc, Sanekata vì không tìm ra hoa xương bồ (ayame, blue flag, iris) đúng như truyền thống, phải tạm dùng hoa katsumi của địa phương để treo bên hiên trừ tà vào dịp Tết Đoan Ngọ⁵². Câu chuyện ấy làm Bashô chạnh lòng hoài cổ. Katsumi ngày xưa là một cái tên dùng để chỉ một giống lúa dại (wild rice) nhưng đến thời đại Bashô thì tên ấy được gán cho một loại xương bồ. Vì hoa có thể chung ngầm nên có tên là hanagatsumi.

Động đá Iwaya ở Kurodzuka nơi Bashô ghé qua thăm tương truyền là một hang quỷ, có một con quỷ cái già, hay hút máu khách đi đường. Từ truyền thuyết này, những soạn giả tuồng Nô đã viết ra các vở Adachigahara, Kurodzuka.

Nhân đây cũng nhắc lại hai bài cổ thi liên quan đến vùng đất này. Một bài nói về núi Asakayama (An Tích Sơn) (xưa tên ấy viết theo chữ Hán là Thiển Hương Sơn, xem Manyôshuu, chương 16). Bài thứ hai lấy đề tài chuôm Asaka no numa (Kokin Wakashuu, chương 4 thơ tình yêu):

浅香山影さえ見ゆる山の井の浅き心を我が思わなくに

Asakayama
Kage sae miyuru
Yama no i no
Asaki kokoro wo
Wa ga omo wa naku ni

Nước trong phô lòng suối,
In ngọn Asaka.
Dù lòng khe chẳng sâu⁵³.
Dù núi tên hương nhạt⁵⁴,
Tình ta khác núi khe.

(み見)”.
.

⁵² Về tục lệ này xin xem trong Tsurezuregusa của Yoshida Kenkô (NNT dịch là Buồn buồn phóng bút và có đăng toàn văn trên mạng.)

⁵³ Yama no i là Giếng trên núi. Dĩ nhiên làm gì có giếng trong núi sâu. Phải hiểu giếng đây là vũng dưới khe nước, một thứ giếng thiên nhiên. Cách gọi này đã từng thấy trong thơ Vạn Diệp (Man.yôshuu).

⁵⁴ Asakayama (Thiển Hương Sơn = Núi Hương Nhạt).

みちのくの浅香の沼の花がつみかつ見る人に恋いやわたらむ (らん)

Michinoku no
Asaka no numa no
Hanagatsumi
Katsumiru hito ni
Koi ya wararamu (ran)

Katsumi bên hồ,
Vùng Michinoku,
Có tiếng tự ngày xưa.
Nhưng hoa kia nào phải,
Người từng thoáng gặp đâu.

Đoạn 17: Thôn Shinobu (Shinobu no sato 信夫の里)

Ngày hôm sau, chúng tôi lên đường nhắm hướng Shinobu (tỉnh Fukushima) để đến xem tảng đá nơi người ta in mô hình trên vải từ nước chảy từ lá cây shinobu, nổi tiếng trong nhiều bài thơ cổ. Đó là một thôn làng bên kia núi khá xa khu nhà trạm. Hơn phân nửa hòn đá đó đã bị đất vùi lấp.

Bọn trẻ con trong thôn chạy đến, giải thích cho chúng tôi: “Xưa hòn đá này nằm mãi trên núi cơ. Khách qua đường thường nhổ lúa mạch loạn xạ rồi đem xát trên mặt tảng đá này nên người trong thôn bức tức, lật hòn đá rơi xuống thung lũng. Mặt trên của tảng đá bị ụp xuống dưới và nó thành ra nằm ngang”. Nghĩ thâm lẽ nào chuyện ấy có thể xảy ra, ta chỉ biết mỉm cười.

Sanae toru
Te moto ya mukashi
Shinobuzuri

*Tay em nay nhỏ mọ,
Có phải bàn tay xưa,
Chảy nước cỏ in vải.*

Lời Bình:

Trong văn chương cổ, người ta thường nhắc tới tảng đá người ta “in hình lên mặt áo bằng nước chảy từ lá cỏ shinobu” (hare’s-foot fern), loại dương xỉ mà phương Tây gọi là “chân thỏ rừng”. Nghe tiếng tảng đá, Bashô đã tìm đến thăm nhưng ông chỉ rước lấy sự ngỡ ngàng. Tảng đá danh tiếng ấy đã bị lật đi chỗ khác và theo lời giải thích của trẻ con trong làng, vì có nhiều người lạm dụng tảng đá để xát lúa mạch nên dân chúng tức giận thấy ruộng lúa mạch của họ bị ngắt tan hoang bèn bẫy nó đi cho bỏ ghét.

Tại sao xảy ra chuyện xát lúa mạch lên hòn đá? Có truyền thuyết cho rằng nó liên quan

đến một nàng trinh nữ tên Tora. Ngày xưa, khi vị quý nhân trẻ trung Minamoto no Tôru tức một hoàng tử, chức Tả đại thần ở Kawara, đi ngang qua vùng, chàng đã có một mối tình với nàng thiếu nữ xinh đẹp ấy. Khi chàng về kinh đô, nàng không làm sao quên được hình bóng. Mỗi khi nhớ (shinobu) người yêu, thử xát lúa trên mặt đá thì hình bóng chàng lại hiện ra. Cuối cùng nàng con gái bất hạnh đã chết. Câu chuyện đó kích thích sự tưởng tượng của những đôi nam nữ trẻ đang yêu. Họ đã hành động giống như nàng để đưa đến kết quả phá hoại này.

Liên tưởng đến việc đó, Bashô đồng hóa những thiếu nữ nhỏ mọn ngoài đồng hôm nay với người trinh nữ nông thôn ngày xưa. Ông muốn tái hiện trước mắt hình ảnh trong truyền thuyết. Shinobugusa còn có thể viết dưới tự dạng “nhẫn thảo” 忍ぶ草 là “cỏ nhớ nhung” và động từ “shinobu” 忍ぶ là nhớ nhung hay nhịn chịu.

Nói đúng ra “shinobu mojizuru” chỉ là một cách thức in mô hình lên vải của thời cổ đại. Mojiru có nghĩa là vặn vẹo (twist). Có thuyết cho rằng nó ám chỉ những mô hình phóng túng, không đồng nhất được tạo ra khi người ta đem chất nước chắt từ thân và lá cỏ shinobu in lên vải trên mặt đá xù xì, đôi khi có khắc chữ nữa.

Mô hình có hình thù không đồng nhất được diễn tả như tâm trạng bồn loạn của người con trai trước người mình yêu, đã thấy trong chương đầu của Truyện Ise (Ise Monogatari, 伊勢物語), nhất là chữ Shinobu 信夫, tên địa danh, lại ẩn ý 偲ぶ “nhớ về một người hay một chuyện đã qua”.

Minamoto no Tôru⁵⁵ có một bài thơ như sau trong Cổ Kim Hòa Ca Tập (Kokin Wakashuu, phần Thơ luyện ái), đã được Fujiwara no Teika tuyển vào “Thơ trăm nhà” (Hyakunin Isshu) với một chút sửa đổi: câu thứ 4 thành Midare some ni shi.

みちのくのしのぶもじずり誰ゆえに乱れむと思う我ならなくに

Michinoku no
Shinobu mojizuri
Tareyue ni
Midaremu to omou
Ware nara naku ni

Như mô hình trên áo,
In từ cỏ nhớ nhung,
Ai xui lòng bối rối,
Đâu phải là ta nhỉ,
Lỗi chỉ tại em thôi.

Kigo của bài thơ này là sanae (mạ) chỉ mùa hè.

⁵⁵ Con trai Thiên hoàng Saga, hoàng tử Minamoto no Tôru (822-895) làm đến chức Tả Đại Thần và suýt nữa đã thành Thiên hoàng. Ông yêu cảnh trí vùng Đông Bắc nên đã kiến tạo ở Kyôto phủ đệ Kawara-in rập theo khuôn mẫu đó. Nổi tiếng là người hào hoa phong nhã.



Cỏ shinobu (Cỏ nhợ nhung)

Đoạn 18: Thôn Iidzuka (Iidzuka no sato 飯塚の里). Di tích họ Satô.

Sau khi đến viếng hòn đá dùng để in vải, chúng tôi hướng lên phía bắc, vượt qua bến đò Tsukinowa trên sông Afukumagawa (đọc theo cách ngày nay là Abukumagawa), tiến về phía khu nhà trạm Senoue (thuộc tỉnh Fukushima bây giờ). Đi khoảng một “ri” rưỡi (6 km) về phía tay trái thì thấy chênh vênh bên sườn núi di tích tòa thành cũ của tướng Satô Motoharu. Nghe nói nơi đó là Saban.o thuộc thôn Iidzuka. Vừa đi vừa hỏi thăm người ta mới đến được ngọn đồi nhỏ có tên Maruyama (hay là Tateyama). Nơi đây có di tích thành quách của Motoharu, gọi là thành Maruyama. Xưa thành này nằm ở Sabano.o cơ.

Dưới chân núi Maruyama hãy còn dấu vết cổng chính đưa vào thành. Vừa dạo quanh, ta vừa nghe họ giảng giải, cảm động nhớ việc xưa, phải ráng cầm nước mắt. Lại nữa, gần bên cổng ấy có ngôi chùa Rurikôzan Iôji (Lưu Ly Quang Sơn Y Vương Tự) thờ phượng hương linh họ Satô. Trong sân chùa hãy còn bia mộ cả gia đình ông.

Trong đám ấy, dấu tích bia mộ hai người vợ của anh em Tsugunobu và Tadanobu⁵⁶ đã khơi trong ta niềm thương cảm hơn cả. Dù phận chân yếu tay mềm, họ để lại được tiếng thơm trong sử sách và làm ta không sao ngăn dòng lệ nghẹn ngào. Đứng trước mặt người mẹ chồng và để an ủi cụ, hai bà từng mặc giáp trụ, thay mặt các tướng phu quân đã tử trận, diễn cái cảnh khải hoàn trong tưởng tượng của hai người chồng mà mẹ già sẽ không bao giờ được thấy. Người ta nói bên Trung Quốc có Trục Lệ Bi⁵⁷ nghĩa là tấm bia đá ai đi qua đó cũng không cầm được nước mắt. Thì nay ta tưởng như tấm bia ấy đang thực sự hiện ra trước mắt mình.

Vào bên trong chùa, ta được mời dùng trà. Nơi đây người ta có gìn giữ như bảo vật như thanh trường kiếm của Yoshitsune và cái tráp đeo lưng của Benkei. (Ta bèn có thơ

⁵⁶ Satô Tadanobu (? – 1189), samurai thời Heian, xuất thân vùng Shinobu. Trước là bộ hạ họ Fujiwara ở Hiraizumi, sau theo hầu Yoshitsune, có lần giả dạng chủ ở lại kháng chiến trong vùng núi non Yoshino. Sau khi Yoshitsune chết, vào ẩn nấp ở Kyôto, bị địch phát giác, phải tự sát.

⁵⁷ Theo sách Mông Cầu, đó là tấm bia kỷ niệm Thái thú đất Tương Dương là Dương Hồ ở Nghiễn Sơn, nơi ông hay lên chơi. Là người có ân đức với dân nên sau khi ông chết, ai qua đây thấy tấm bia cũng nhỏ lệ thương tiếc. Trục Lệ Bi là tên do Đỗ Dự đặt ra.

rằng):

笈も太刀も五月に飾れ紙幟

*Oi mo tachi mo
Satsuki ni kazare
Kami nobori*

*Bên cạnh cá chép giấy
Hãy treo tráp, trường kiếm,
Vào ngày Hội Con Trai.*

Lời Bình:

Gia đình họ Satô được xem là tấm gương sáng cho người samurai nên khi đến viếng di tích này, Bashô không sao ngăn được dòng lệ cảm thương. Satô Motoharu (tức Satô Shôji), quan cai quản trang viên (shôen) - người đã tử chiến để bảo vệ ân chủ Yoshitsune - là cha của hai anh em Motoharu và Tadanobu. Ba cha con đều được đời xem là trung thần nghĩa sĩ. Không những thế, các bà vợ của họ cũng đã sống một đời trung trinh tiết liệt. Trên thực tế, hai người con dâu chẳng để lại di vật gì trong chùa Iôji đầu. Bashô chỉ được thấy di tượng tạc bằng gỗ hai người ấy mặc trang phục chiến đấu vào ngày hôm sau trong Giáp Trụ Đường ở đền thần Tamura Jinja mà thôi. Tuy vậy đây là một sự nhầm lẫn chứ không phải Bashô muốn vẽ chuyện. Nhiều sắc xuất là ông thực lòng tin rằng trong vùng bia mộ của họ Satô nhất định phải có mộ phần của hai bà con dâu.

Sự tích gia đình Satô đã được chép trong *Gikeiki* (Nghĩa Kinh Ký), pho truyện nói về cuộc đời của Minamoto no Yoshitsune 源義経 (Nguyên Nghĩa Kinh). Sau đó nó đã trở thành đề tài quen thuộc của sân khấu Nô và Kabuki.

Về Yoshitsune, ông là em trai thứ chín (Cửu Lang) và khác mẹ của Minamoto no Yoritomo 源頼朝 (Nguyên Lại Triều), người sáng nghiệp Mạc phủ Kamakura. Tuy vũ công hiển hách, tiêu diệt được kẻ thù nhà là họ Taira và dành được chính quyền cho anh nhưng vì mắc mưu ly gián của Thiên Hoàng Go Shirakawa, bị đổ kị hay cư xử vụng về nên Yoshitsune làm anh trai nghi ngờ, đuổi bắt để trừ hậu hoạn. Ông chết khi lưu vong lên miền Bắc nương tựa họ Fujiwara ở Hiraizumi nhưng bị những người đồng minh cũ này phản bội. Còn Benkei 弁慶 là một nhà sư hình dáng lực lưỡng, võ nghệ cao cường, được Yoshitsune thu phục, đã tận tụy theo hầu, chia sẻ những nỗi vinh nhục với chủ trên đường bôn đào và chết theo ông.

Trong bài thơ, Bashô nói lên nguyện vọng được thấy trường kiếm của Yoshitsune và tráp đeo lưng du hành của Benkei treo cạnh con cá chép vượt Vũ Môn bằng giấy (Kami koinobori) mà người Nhật vẫn treo trước cửa nhà trước ngày Tết Đoan Ngọ để hy vọng con trai của họ làm nên danh phận. Sự vũ dũng của thầy trò Yoshitsune đã khơi dậy hùng tâm của Bashô và ông muốn bày tỏ lòng ngưỡng mộ hai người. Thực ra, di vật mà

Bashô có thể nhìn thấy lúc bấy giờ chỉ là cái tráp của Yoshitsune từng đeo và mấy trang giấy Benkei chép kinh thôi. Trường kiếm của Yoshitsune và tráp đeo lưng của Benkei mà ông nói đến trong thơ có lẽ chỉ là những hình ảnh hư cấu.

Kigo của bài thơ này là kami nobori (cá chép giấy) chỉ mùa hạ.



Cá chép trên nêu bay trong gió

Đoạn 19: Một đêm ở suối nước nóng Iidzuka (Iidzuka 飯塚)

Chuyện xảy ra hôm mùng một tháng năm (17 tháng 6 dương lịch). Hôm ấy chúng tôi ngủ lại Iidzuka (nay là Iizaka). Chỗ trọ chỉ là một gian nhà nghèo nàn, trên nền đất trải mỗi manh chiếu lát. Đèn đóm cũng không có, chỉ nương dựa vào ánh sáng cái lò đặt giữa phòng mà sửa soạn giường nằm.

Ta nhớ là khi đã vào khuya, trời mưa thật dữ dội, kèm theo cả sấm chớp. Bên trên chỗ ngủ, nước mưa thấm ướt cả. Lại thêm cái nạn muỗi đốt rận chích nên không sao chợp mắt. Con đau bụng kinh niên⁵⁸ đến không phải lúc làm ta thiếu điều ngất đi.

Đêm mùa hạ vốn ngắn nhưng ta thấy nó dài làm sao. Rót cuộc trời mới sáng ra, ta bèn tức tốc rời khỏi khu nhà trạm. Dù vậy con đau hôm qua vẫn đeo đẳng làm đầu óc ta không hoàn toàn tỉnh táo. Chẳng biết cách nào, ta phải thuê ngựa cưỡi để đi về hướng trạm Koori (thuộc quận Date tỉnh Fukushima bây giờ).

Đường trước mặt còn xa vời vợi mà thân đã mang bệnh như thế này, thật lo âu khôn xiết. Thế nhưng “Chuyến đi của ta lần này là cuộc du hành về những vùng hẻo lánh để tìm hiểu thế nào là kiếp sống vô thường của thể nhân. Mình đã quyết tâm khi ra đi là dù có phôi thây bên vệ đường⁵⁹ thì vẫn cứ phải tiếp tục cuộc hành trình vì có gì nữa chẳng qua là định mệnh”. Nhân đó, ta bèn đổi thái độ, lấy lại tinh thần, mạnh dạn tiến bước và đã vượt qua được vùng Ôkido (Đại Mộc Hộ) thuộc địa hạt Date.

⁵⁸ Bashô mắc chứng sạn trong túi mật, khi trời trở lạnh thì đau đớn.

⁵⁹ Chữ trong Luận Ngữ: “Dư túng bất đắc đại táng. Dư tử ư đạo lộ hồ”..

Lời Bình:

Bashô đã trải qua cái đêm cực khổ nhất ở suối nước nóng Iidzuka. Tuy vậy, ông xem việc bỏ mạng trên đường du hành là số trời định nên mới hăng hái trở lại và giục giã mình tiến bước. Phần trên đoạn văn diễn tả kinh nghiệm bị đất khác với hơi văn lạc quan của phần dưới. Đây chính là chỗ cao điệu trong sự biến hóa của thể haibun vậy. Date no Ôkido có nghĩa là “cổng chính của thành Date”. Đời Kamakura, để nghênh chiến quân đoàn của Minamoto no Yoritomo lên chinh phạt vùng Ôshuu, phía Fujiwara no Hidehira đã cho đắp thành này. Sau cuộc chiến đấu khốc liệt, quân Fujiwara đại bại và tấn bi kịch của tiểu quốc Hiraizumi (muốn giữ được độc lập) bế mạc.

Thế nhưng có phải Bashô đã thay đổi thái độ, tinh thần bỗng chốc trở nên phấn chấn vì ông được khuyến khích bởi lòng can trường và sự lao khổ của các chiến sĩ ở Date hay không? Địa danh này còn có nghĩa bóng là hade tức “nỗ lực”, “gồng mình làm việc gì đến quá sức mình”.

Đoạn 20: Đảo Kasashima (Kasashima 笠島). Con đường mưa lầy lội.

Qua khỏi hai xóm chợ búa dưới chân thành là Abumizuri (thị trấn Shiroishi tỉnh Miyagi) và Shiroishi (cũng thuộc Shiroishi), chúng ta vào Kasashima (thị trấn Natori tỉnh Miyagi)

Đã đến được Kasashima, ta bèn hỏi người sở tại xem có biết ngôi mộ của quan Trung Tướng đội Ngự Lâm Quân Fujiwara no Sanekata nằm ở đâu không, họ bèn chỉ cho “Tĩnh từ chỗ này thì hai thôn gọi là Minowa (Vành áo đi mưa) và Kasashima (Đảo nón lá) đều nằm ở dưới chân núi bên tay phải (đối với hướng tiến của Bashô lại là tay trái). Đền thờ Thần Đi Đường và bụi lau dẫu tích của ngài Sanekata vẫn còn nguyên ở đó.

Thế nhưng chính vào tiết ấy, mưa tháng năm⁶⁰ đã khiến đường sá lầy lội khó đi làm ta bước mệt nhoài nên chỉ biết vội băng ngang qua và nhìn phong cảnh từ xa. Dù vậy, ta thấy hai địa danh (áo mưa, nón lá) của Minowa và Kasashima không biết ai đặt mà thật phù hợp với cảnh mưa dầm. Bèn có một vần:

*Kasashima wa
Idzuko satsuki no
Nukarimichi*

*Đảo Kasa phía nào?
Đường mưa dầm lầy lội,
Tìm đến biết làm sao!*

Lời Bình:

⁶⁰ Samidare (五月雨 mưa dầm đầu tháng năm âm lịch). Áo toi (mino), nón lá (kasa) có hiệu quả hô ứng với nó.

Bashô muốn tìm thăm di tích mà chàng thanh niên công tử và thi nhân cung đình đào hoa Fujiwara no Sanekata để lại sau khi ông này chết trên đường lưu đày ở vùng Ôshuu nhưng vì đường mưa dầm lầy lội, đành bỏ cuộc.

Địa danh Abumizuri ý nói quãng đường dốc mà người cưỡi ngựa khi qua đó, hai chân phải kẹp chặt bàn đạp (abumi) nếu muốn tránh rơi xuống vực. Còn Shiroishi là tên khu phố chợ dưới chân thành của họ Katakura, một gia thần gia đình lãnh chúa Date⁶¹.

Đền Thần Đi Đường (Dôsojin) là nơi tương truyền Sanekata đi qua mà không chịu hạ mã nên bị thần phạt cho ngã ngựa chết vì tội vô lễ. Còn bụi lau susuki kia, nó được nổi danh là nhờ bài thơ của thi tăng Saigyô trong Sankashuu, sau được tuyển vào Kokin Wakashuu.:

朽ちもせぬその名ばかりをとどめおきて枯野の薄かたみにぞ見る

Kuchi mo senu
Sono na bakari wo
Todome okite
Karenô no susuki
Katami ni zo miru

Nhà thơ thân chết đi,
Nhưng danh kia còn mãi,
Dừng chân, quanh mộ người,
Trên đồng hoang, lau bạc,
Là kỷ vật truyền đời.

Đoạn 21: Cây tùng Takekuma (Takekuma no matsu 武隈の松). Cây tùng chia hai ở Iwanuma (Iwanuma futaki no matsu 岩沼の二木の松)

Chúng tôi qua đêm ở Iwanuma (nay là thị trấn Iwanuma tỉnh Miyagi).

Thơ xưa thường nhắc đến Cây tùng Takekuma nổi tiếng ở đây. Hình dạng nó thật rạng rỡ, nhìn lên mình như mở bừng con mắt. Còn có tên Futaki no matsu (Cây tùng chia hai) bởi vì từ phía rễ đi lên, gốc của nó chia ra làm hai nhánh và vẫn giữ nguyên hình dáng ấy tự lâu đời.

Ta chợt nhớ chuyện ngài Nôin. Ngày xưa, vì có người (viên quan tên Fujiwara no Takayoshi) khi được phái lên trấn thủ vùng Mutsu, có lẽ đã chặt thân tùng để làm cọc

⁶¹ Họ Date 伊達 tự xưng là một nhánh quý tộc Fujiwara, tổ tiên thời Kamakura có công bình định miền Đông Bắc nên được ban thưởng thực ấp ở Date, từ đó lấy tên đất làm họ. Đến đời Date Masamune 伊達 正宗 (1567-1636) nhờ đồng minh với Tokugawa Ieyasu nên sau khi mạc phủ thành lập, trở thành một lãnh chúa quan trọng vùng Sendai.

chân cầu bắc qua sông Natorigawa (thuộc thành phố Sendai) nên tặng Nôin mới vịnh bài thơ sau đây:

Takekuma no
Kono tabi ato mo nashi
Chitose wo hete ya
Ware wa kitsuramu

Nay cây tùng đã mất,
Không còn dấu vết gì.
Hay ta đã đến đây,
Một nghìn năm về trước!⁶²

(Hậu tuyển Hòa Ca tập, phần Tạp thi)

Ta nghe nói có thời người ta đồn tùng, có thời người ta trông lại nhưng hôm nay nó đã hiện trước mặt ta với dung nghi hùng tráng, đẹp đẽ mà lại đượm màu thần bí.

Nhớ ngày ra đi, Kyohaku (Cừ Bạch, 挙白, một thương nhân, tên thực là Kusakabe, môn sinh của Bashô) đã tặng ta bài thơ tiễn biệt sau đây:

武隈の松見せ申せ遅桜

Takekuma no
Matsu mise môse
Osozakura

“Anh đào muộn” miền bắc,
Nếu thầy ta có ghé,
Nhớ khoe hộ tùng nhé.

Để đáp lễ anh, ta hạ bút:

桜より松は二木を三月越し

Sakura yori
Matsu wa futaki wo
Mitsukigoshi

Từ khi anh đào nở,
Đã chờ hơn ba tháng,
Mới gặp tùng hai chĩa.

⁶² Cây tùng sống một nghìn năm (thiên niên thọ). Sở dĩ Nôin nói thế vì có lẽ một nghìn năm trước cây tùng chưa có, còn lúc ông đến nếu không thấy nên tự hỏi nó đã chết rồi chăng?

Lời Bình:

Bashô cảm kích khi thấy Cây tùng Takekuma, “gối thơ” của nhiều bài cổ thi, vẫn còn giữ được bóng dáng oai phong thần bí của nó. Ông đã dẫn thơ của Nôin và Kyohaku để nói lên niềm vui của mình.

Trong bài thơ đầu, Kyohaku nhắc cây anh đào ra hoa muộn (ososakura)⁶³ hãy tiếp đãi thầy mình bằng cách giới thiệu Cây tùng Takekuma khi ông ghé qua vùng. Kyohaku là môn sinh của Bashô, tuy sinh sống ở Edo nhưng có thể là người sinh quán vùng này.

Qua bài thứ hai Bashô bày tỏ niềm vui vì được gặp cây tùng hai chĩa ấy ở Iwanuma, đúng như Kyohaku mong muốn. Nhân vì matsu có nghĩa là cây tùng 松 lại có nghĩa là chờ đợi 待つ trong lối chơi chữ đồng âm dị nghĩa (kakekotoba). Do đó, nó hô ứng được với lối chơi chữ giữa hai từ “tháng ba” (三月 mitsuki) và “nhìn thấy” (見つ mitsu).

Hai bài thơ không có kigo trực tiếp nhưng vì nhắc đến cụm từ sakura yori...mitsukigoshi (đã quá ba tháng từ mùa anh đào) tên nó thể hiệu là mùa hạ.

Đoạn 22: Cánh đồng Miyagi (Miyagino 宮城野)

Vượt sông Natarigawa, chúng tôi vào đất Sendai, khu chợ dưới chân thành của dòng họ lãnh chúa Date, hưởng thực ấp 62 vạn thạch thóc. Lúc ấy vừa đúng tiết Đoan Ngọ, người ta có lệ treo hoa xương bồ bên hàng hiên. Chúng tôi lấy nhà trọ để ở lại đây bốn năm bữa.

Ở thị trấn này có người vẽ tranh và sống bằng nghề in sách tên gọi Kaemon. Vì ông có kiến thức về thơ haikai nên chẳng mấy lúc chúng ta trở nên thân thiết.

Có hôm ông bảo: “Mấy năm gần đây tôi đã ra sức điều tra tại chỗ, kiểm chứng những “gối thơ” có nguồn gốc không rõ ràng”. Thế rồi, ông hướng dẫn ta xem những nơi đó.

*Cánh đồng Miyagi (Miyagino) nổi tiếng vì hoa hagi (bushclover, đình hương đại, thuru). Ở đây, hoa ấy chụm đầu vào nhau, mọc um tùm, rõ là muốn khoe sắc đẹp của mùa thu. Ở **Tamada, Yokono, Tsutsujigaoka** thường thấy trong các áng thơ cổ thì nhằm đúng mùa hoa asebi (hay ashibi, aseami, andromeda) đang nở.*

*Lại có dịp đi vào những khu rừng tùng thâm u mà nắng mặt trời không chiếu lọt. Theo ông thì đó là “gối thơ” **Kinoshita** (Dưới vòm cây). Nơi đây, tự ngày xưa, sương mọc rất dày cho nên mới có bài thơ vịnh nó với câu misaburai mikasa nghĩa là “Người tùy tùng ơi, hãy dẫn chủ mang theo nón che đầu”.*

Ta chấm dứt cuộc du ngoạn hôm đó sau khi chiêm bái mấy nơi như Yakushidô (Được Sư Đường) mà ngài Date Masamune cho dựng lại và cung Tenmanguu (Đền thờ đại thần

⁶³ Miền Đông Bắc lạnh hơn Kyôto nên tính theo lịch thì hoa anh đào nở chậm.

và văn hào Sugawara no Michizane) trên Tsutsujigaoka (Đồi hoa đỗ quyên).

Không những hướng dẫn đi thăm những nơi danh thắng, Kaemon còn tặng ta mấy bức tranh họa đồ vùng Matsushima và Shiogama. Thêm vào đó là hai đôi dép quai bằng vải màu xanh lam như quả tiến chân⁶⁴.

Đúng như ta nghĩ, cái con người ương ngạnh phóng cuồng này, qua những món quà tiễn biệt vô cùng thanh lịch làm động tâm can, ta đã cho thấy cái sâu sắc của tâm hồn ông.

あやめ草足に結ばん草鞋の緒

Ayamegusa,
Ashi ni musuban
Waraji no o

Quai dép tơ màu xanh
Trừ tà như xương bồ
Xin sẽ buộc thật kỹ.

Dựa theo mấy bức tranh họa đồ Kaemon biếu, chúng tôi lần bước tiến tới thì gặp được con đường mang tên Oku no hosomichi (đoạn đường nhỏ chạy từ khu Iwakiri của Sendai, ven theo sông Nanakitagawa đến thành Taga)⁶⁵. Dưới chân những ngọn núi chúng tôi men theo, thấy mọc rất nhiều cỏ lát mà người ta dùng để đan loại chiếu nổi tiếng gọi là Tofu no sugagomo từng xuất hiện trong những bài thơ xưa.

Gọi là chiếu lát Tofu (Thập phù) vì nó đan rất dày (tofu = mười lớp). Vùng chung quanh đây là nơi sản xuất có tiếng. Hàng năm người ta hãy còn đan chiếu ấy để dâng lên lãnh chúa.

Lời Bình:

Thầy trò Bashô vào thị trấn Sendai đúng dịp Tết Đoan Ngọ. May mắn thay, họ gặp được con người quái dị Kaemon. Là nhà nghiên cứu lâu năm các địa danh và thắng cảnh, ông đã ân cần đưa hai thầy trò đi xem những “gối thơ” trong vùng như Tamada, Yokono, Miyagino, Kinoshita, Tofu.... Ông còn tặng cho hai người bao nhiêu quà cáp. Bảo Kaemon là “phóng cuồng”, Bashô chỉ muốn tỏ lòng kính trọng ông và không có một lời khen nào có thể đẹp hơn.

Hai đôi dép Kaemon ưu ái tặng thầy trò Bashô có kết tơ xanh như giầy xương bồ. Người ta tin xương bồ có công dụng trừ tà. Dép ấy sẽ giúp họ “chân cứng đá mềm”. Đây là bài thơ tỏ lòng cảm tạ và chào từ biệt mà Bashô muốn gửi đến Kaemon.

⁶⁴ Ngoài ra Kaemon còn tặng Bashô một dây cơm khô kiểu Sendai và rong biển phơi khô làm thức ăn đi đường. Tất cả đều là sản vật nổi tiếng của vùng.

⁶⁵ Đây chính là một Oku no hosomichi thứ hai, cần phân biệt với con đường lớn Ôshuu kaidô (Áo châu nhai đạo).

Kigo của bài thơ Bashô viết là ayamegusa (giây xương bồ) chỉ mùa hạ, một loại xương bồ thân giầy như giầy khoai, khác với cỏ xương bồ ra hoa (Japanese Iris).

Về các địa danh vùng Miyagino được xem như “gối thơ” thì liên hệ của chúng với cổ thi có thể biết như sau:

Về **Tamada, Yokono**, thơ Fujiwara no Toshiyori trong Sanbokuki Kashuu có câu:

取りつなげ玉田横野の放れ駒つつじが岡にはあせみ咲きなり

Toritsunage
Tamada Yokono no
Hanare koma
Tsutsuji ga oka wa
Asemi⁶⁶ sakunari

Tama Yokono:
Ngựa con xin nhớ cột,
Đừng để nó chạy rong,
Vì đôi Tsutsuji,
Hoa độc đang mùa nở.

Về **Kinoshita**, phần Azuma Uta (Đông ca) trong Kokin Wakashuu có câu:

みさぶらい御笠と申せ宮城野の木の下露は雨にまされり

Misaburai
Mikasa to mōse
Miyagino no
Kinoshita tsuyu wa
Ame ni masareru

Hỡi kẻ đi theo hầu,
Nhớ nhắc chủ đội nón.
Trên đồng Miyagi
Kinoshita tàng lá,
Sương rơi dày hơn mưa.

Về **Tofu no sugagomo**, có bài thơ tác giả vô danh chép lại trong thi tuyển Fuboku Wakashô:

みちのくの十符の菅菰七符には君を寝させて我三符に寝む (寝ん)

⁶⁶ Asemi còn đọc là Asebi (Mã Túy Mộc), loại hoa độc làm cho ngựa say.

Michinoku no
Tofu no sugagomo,
Nanafu ni wa
Kimi wo nesasete
Ware mifu ni nemu (nen)

Lát Michinoku,
Chiếu Tofu mười lớp,
Bảy lớp xin để dành,
Để em yêu ta ngủ,
Còn ba lớp cho anh.

Đoạn 23: Về tấm bia Tsubo (Tsubo no ishibumi 壺の碑)

Tấm bia Tsubo nằm ở thành Taga thuộc thôn Ichikawa. Bia Tsubo này chiều cao có lẽ khoảng 6 shaku (ước độ 2m), bề ngang khoảng 3 shaku (0,98 cm). Mặt trước tấm bia đã bị rêu phủ kín mít, chữ trên bia hầu như do rêu khắc nên, chỉ đọc được mang máng. Trước tiên, nó nhằm qui định khoảng cách bốn bên khu vực của nước Nhật. Sau có ghi rằng “Thành này vốn do chức án sát sứ kiêm trưởng quan Phủ chinh phạt Đông Di (ám chỉ người Ezo) là ngài Ôno no Ason Azumahito đã cho dựng lên vào năm Jinki nguyên niên (724). Đến năm Tenpyô Hôji thứ sáu (762), nó lại được quan tham nghị lãnh chức tiết độ sứ của hai vùng Tôkaidô (Đông Hải Đạo) và Tôsandô (Đông Sơn Đạo) cũng là trưởng quan Phủ chinh phạt Đông Di tu bổ và cho dựng bia đá. Ngày tháng được khắc lên đó là mừng một tháng 12. Như thế, việc xây dựng thành này xảy ra vào đời Thiên hoàng Shômu (Thánh Vũ, 701-756) vậy.

Phải biết là những nơi nổi tiếng bao lần được nhắc tới trong các áng thơ xưa so với thực tế hầu hết đã bị hủy hoại. Núi sụt lở⁶⁷, sông đổi dòng, đường lệch hướng, đá bị đất lấp khuất, cây cối thì cây mới đã mọc lên thế cho cổ thụ. Thời đại đổi thay như vậy nên những danh sở cựu tích không nơi đâu còn được nhận ra rõ ràng⁶⁸. Riêng tấm bia Tsubo này là kỷ vật của một nghìn năm về trước. Ta bèn hiểu được tâm tình của người xưa đã cảm động mà đề vịnh khi đứng trước tấm bia. Thế rồi, quên đi tất cả những lợi ích, niềm vui được sống để có ngày nay cũng như bao lao khổ dọc đường, ta rưng rưng muốn trào giọt lệ⁶⁹.

Lời Bình:

Bia thành Taga chỉ được đào lên từ lòng đất vào đầu đời Edo nhưng thiên hạ đã đồng hóa nó với tấm bia gọi là Tsubo no ishibumi vốn được nhắc đến nhiều lần trong cổ thi nên mới sinh ra nhiều sự hiểu lầm. Hai tấm bia ấy thực ra là vật khác nhau. Dù vậy người đương thời cứ tin chắc là tấm bia được đào lên chính là tấm bia được nói đến

⁶⁷ Lý Bạch: Địa băng sơn tồi, tráng sĩ từ (Thục đạo nan)

⁶⁸ Hàn Thoái Chi có Thạch Cổ Ca, Tô Đông Pha có Hậu Thạch Cổ Ca, đều than tiếc không đọc được mặt chữ trên trống đá đời xưa.

⁶⁹ Hàn Thoái Chi: Đối chi thê lệ song bằng đà. (Thạch cổ ca). Bằng đà có nghĩa là lai láng.

trong văn chương. Cả Bashô cũng thế và điều này làm ông cảm kích thiếu điều rơi nước mắt. Được đứng trước một tấm bia đã có từ một nghìn năm về trước, dù không là Bashô, ai là người chẳng xúc động và chỉ nghĩ rằng được sống và thấy nó thôi, đối với họ là cả niềm vui thỏa.

Thực ra thì sau khi tấm bia ấy được đào lên, đã có ngay thuyết cho nó là vật giả mạo. Kể từ đời Meiji, không ai còn xem nó như di vật lịch sử. Tuy vậy gần đây, khi điều tra thực địa di tích thành Taga thì các nhà khảo cổ lại đổi thái độ, quay qua nhìn nhận nó là một tấm bia có thực. May cho Bashô, năm 1994, nhà nước đã công nhận nó là một hiện vật lịch sử. Mặt khác, năm 1950, ở bến đò Tsubo (Tsubowatari) cũng thuộc vùng này người ta đã phát hiện một tấm bia khác có khắc mấy chữ “Nhật Bản trung ương” (Đây là điểm nằm giữa nước Nhật) nên từ đó có chủ trương bia thứ hai này mới thực là Tấm bia Tsubo nổi tiếng.

Có điều cần nêu lên ở đây là sự cảm động có tính lịch sử của Bashô đã làm chín muồi lý luận về haikai của ông. Sự chân thực của văn học (chủ quan) có lúc cần vượt lên trên sự phán đoán đâu là chân thực hay hư ngụy (khách quan) của lịch sử.

Đoạn 24: Ngọn núi Sue no matsuyama (Sue no Matsuyama 末の松山). Bãi Shiogama. Nhà sư mù đánh đàn.

*Sau đó, chúng tôi thăm viếng các nơi nổi tiếng như con sông **Noda no tamagawa** và (cái ao có) tảng đá **Oki no ishi**. Núi **Sue no Matsuyama** nằm ở phía bắc **Oki no ishi**, ngày nay người ta đã dựng ở đó ngôi chùa **Matsuyama Hôkokuji** (Tùng Sơn Bảo Quốc Tự). Trong cánh đồng trồng tùng bên cạnh, giữa những lùm cây, ta thấy có vài ngôi mộ. Nhìn chúng, chạnh nhớ đến những câu chuyện chim so cánh cùng bay hay cành lá quấn quít vào nhau⁷⁰ nói lên lời thề mãi mãi thương yêu của những đôi nam nữ. Tự hỏi cuối cùng số phận của họ là nắm mộ⁷¹ thế này sao mà trong lòng ta không khỏi dậy nên một niềm thương cảm.*

*Cuối cùng, chúng tôi đến được bãi **Shiogama no ura**. Nghe trong tiếng chuông thu không cả sự vô thường của cuộc đời. Con mưa mùa hạ hơi ngớt giọt, bầu trời sáng sủa ra và ánh trăng bắt đầu chiếu nhẹ làm cho chúng tôi có thể nhìn thấy cả đảo **Magakigashima** (ngoài khơi Shiogama) như ở gần bên. Những chiếc thuyền con của bạn chài dắt dứu nhau chèo về, tiếng chia nhau cá đánh được nghe lạnh lạnh trên bến. Câu thơ xưa “**Tsunaide kanashimo**” (Kéo nhau chèo về bến)⁷² như sống lại trong lòng làm kẻ đi đường thêm chạnh tình lữ thứ.*

*Đêm hôm đó, nghe vắng tới bên tai tiếng nhà sư mù dạo khúc tì bà, kể bản tuồng **Jôruri** (Tình Lưu Ly) của đất Ôshuu. Khúc ấy không phải là **Heikyoku** (Bình khúc) nói về chuyện hưng vong nhà Taira, cũng không phải điệu múa **Kôwakamai** (Hạnh nhược vũ).*

⁷⁰ Bạch Cư Dị: Tì dục điều, liên lý chí. Lời thề của Đường Minh Hoàng và Dương Quý Phi trong đêm Thất Tịch (Trường Hận Ca). Sau đã đi vào Truyện Genji của Nhật.

⁷¹ Khu mộ địa ở Shiogama là trong Tùng Đảo (Matsushima) bát cảnh.

⁷² Cách diễn tả từng thấy trong Man.yôshuu và sau đó là Hyakunin Isshu (thơ Minamoto no Sanetomo).

Làn điệu quê mùa càng lúc càng cao, ồn ào vọng đến bên gối khiến ta cảm thấy khó chịu. Dù vậy, ta không khỏi kính phục những con người đó, vì họ đã biết giữ gìn nghệ thuật cổ, truyền đến những chốn hoang vu như nơi đây.

Lời Bình:

Nhìn khu mộ địa ở Sue no Matsuyama (hay Matsushôzan), Bashô chạnh nghĩ đến những lời thề son sắt giữa những đôi trai gái và sự bất lực của họ trước định mệnh khắc khe.

Thế rồi, sau khi ngắm cảnh trời chiều trên bên Shiogama, Bashô lại có cơ hội nghe tiếng đàn và giọng kể truyện của nhà sư mù. Truyền thống đánh đàn tì bà và kể truyện Heikei bắt đầu thời Heian và kéo dài đến tận thời Meiji. Thế nhưng khúc đàn và giọng hát ông nghe đêm đó lại không phải Heikyoku (truyện bước đường cùng của tập đoàn Taira) và Kôwakamai (có khúc nói về Yoshitsune, có nói khúc về anh em Soga), những khúc hát và điệu múa được truyền tụng đương thời, mà lại là điệu Jôryuuri dân dã mộc mạc của riêng vùng Date và Nanbu kể lại bước đường bôn đào của Minamoto no Yoshitsune lên miền Đông Bắc. Thế mới biết văn nghệ của vùng Oku có đặc sắc là in sâu màu sắc địa phương.

Về địa danh **Noda no tamagawa** thì đó là một con sông nhỏ chảy không xa phía đông thành Taga. Nơi đây nổi tiếng là nơi tụ họp của một loại chim di nhỏ bé tên chidori (óc cau). Tầng Nôin xưa có bài thơ được tuyển vào Shin Kokin Wakashuu (Tân Cổ Kim Hòa Ca Tập):

夕されば潮風越してみちのくの野田の玉川千鳥なくなり

Yuu sareba
Shiokaze koshite
Michinoku no
Noda no tamagawa
Chidori naku nari

Khi trời ngả bóng chiều,
Thổi về ngọn gió triều,
Trên giòng sông Noda,
Vùng Michinoku,
Chim óc cau quang quác.

Oki no ishi là tên tảng đá lớn nằm trong cái ao sau nhà một nông dân cách thành Taga 3 km. Nhà thơ nữ Nijôin Sanuki có viết bài thơ về nó được tuyển vào Tensai Wakashuu (Thiên tải Hòa ca tập)⁷³:

⁷³ Nijôin Sanuki 二条院讃岐, một nữ thi nhân cung đình. Bài này của bà cũng đã được tuyển vào Hyakunin Isshu (bài số 92, xem bản dịch NNT có in trong Thơ Waka trăm nhà. Đã được in lên mạng).

わが袖は潮干に見えぬ沖の石の人こそ知らね乾く間もなし

Wa ga sode wa,
Shio hi (i) ni mienu,
Oki no ishi no
Hito koso shirane
Kawaku mamonashi

Oki no ishi⁷⁴
Đá chìm nên luôn ướt
Ai người có thấy cho,
Tay áo ta cũng vậy⁷⁵,
Đắm lệ mãi không khô.

Sue no matsuyama, ngọn núi đã gợi nguồn cảm hứng cho một bài Azuma-uta (Đông ca) thường là do tác giả vô danh sáng tác. Bài dân ca này cũng được chép lại trong Kokin Wakashuu.

君をおきてあだし心をわが持たば末の松山波も越えなむ

Kimi wo okite,
Adashigokoro wo
Wa ga motaba
Sue no matsuyama,
Nami mo koenamu (nan)

Nếu anh sinh hai lòng,
Bỏ em yêu vò võ,
Thì chuyện không thể có,
Là đỉnh Matsu kia,
Bị sóng cao phủ cả !⁷⁶

Về hòn đảo **Magakigashima**, phần Azumauta (Đông ca) trong Kokin Wakashuu lại có chép:

わがせこを都にやりて塩竈の藤ヶ島が島の松ぞ恋しき

Wa ga seko wo
Miyako ni yarite
Shiogama no

⁷⁴ Oki 沖 còn có nghĩa là “ngoài khơi xa”.

⁷⁵ Xem thêm bài số 90 trong Hyakunin Isshu của bà con gái Taifu Inpumon (NNT dịch và đã cho lên mạng)

⁷⁶ Xem thêm bài số 42 trong Hyakunin Isshu cùng đề tài của Kiyohara Motosuke (NNT dịch và đã cho lên mạng).

Magakigashima no
Matsu zo koishiki

Em tiễn người em thương,
Đi về chốn kinh đô.
Dù thân chẳng là tùng (matsu)
Trên đảo Magaki,
Yêu anh, xin mãi đợi (matsu)

Địa danh **Shiogama no ura** cũng là đề tài cho một bài Azuma-uta khác thấy trong tuyển tập nói trên:

みちのくはいづくはあれど塩竈の浦漕ぐ舟の綱手かなしも

Michinoku wa,
Idzuku wa aredo
Shiogama no
Ura kogu funa no
Tsunaida kanashi mo.⁷⁷

Miền Michinoku,
Cảm động chi cho bằng.
Cảnh đoàn thuyền đánh cá,
Kéo giạt đưa nhau về,
Bến Shiogama.

Đoạn 25: Vị thần đền Shiogama (Shiogama Myôjin 塩釜明神). Ngọn thạch đăng của Izumi no Saburô.

Táng sáng hôm sau, chúng tôi đến chiêm bái đền Shiogama. Đó là ngôi đền mà ngài Date Masamune, vị lãnh chúa của phiên cho xây dựng lại nên những cây trụ trong đền đều to chắc, kèo rường tô nhiều màu trông đẹp mắt, thang đá rất cao và nối tiếp với nhau, có đến hai trăm bậc. Đặc biệt dưới ánh nắng mai, vòng rào sơn son như thể ánh ngời lên.

Cho đến một vùng biên cương xa xôi đối với kinh đô như vậy mà uy quang của chư thần còn gieo rắc tận nơi. Lòng ta cảm thấy tất cả cái quý hóa về phong tục tốt đẹp của một đất nước linh thiêng.

Trước mặt điện thờ ta thấy có một ngọn thạch đăng cổ kính. Trên cánh cửa bằng thép của nó có khắc dòng chữ “ Izumi no Saburô tiến cúng vào năm Bunji tam niên (1187) ”. Trước mắt như hiện ra hình ảnh của nhân vật sống năm trăm năm về trước khiến lòng ta xiết bao rộn ràng.

⁷⁷ Xin xem thêm bài 93 của Minamoto no Sanemoto (có câu Tsunaida kanashi mo để hiểu kỹ thuật kẻ kéo người giạt để đưa thuyền về bến) trong Hyakunin Isshu (NNT đã dịch và đưa lên mạng).

Ngài Izumi no Saburô⁷⁸ là một trang mãnh tướng vừa dũng cảm, vừa hiếu hạnh vừa trung nghĩa, có thể nói ngay cả thời nay, không ai không biết tiếng. Người xưa có câu: “Đã là người, phải nỗ lực làm người, giữ trọn ân nghĩa. Sau đó, tiếng thơm tự nhiên sẽ tới với mình”. Ta thấy quả là đúng như vậy.

Trời đã sắp giữa trưa nên trước khi ngã về chiều, phải thuê thuyền để qua chòm đảo Matsushima. Đường đến đó chỉ cách Shiogama khoảng 2 “ri” (độ 10km) nên chẳng mấy chốc, chúng tôi đã cập bến đảo Ojima⁷⁹.

Lời Bình:

Chánh điện của đền thần Shiogama vừa tráng lệ vừa trang nghiêm làm Bashô tấm tắc mãi không thôi. Đặc biệt ông xúc động khi đứng trước ngọn thạch đăng mà “Chàng Ba” Izumi no Saburô đã tiến cúng cho đền. Saburô tức là Fujiwara no Tadahira, con trai thứ ba của Fujiwara no Hidehira, người đứng đầu Tiểu Quốc Hiraizumi. Người cha quá cố đã căn dặn các con phải bảo vệ Yoshitsune, kẻ đồng minh đang sa cơ thất thế. Tuy vậy, hai năm sau khi tiến cúng ngọn thạch đăng, Tadahira bị chính anh mình là Yasuhira (vì chủ trương giảng hòa với Mạc phủ Kamakura) tập kích và Tadahira đã tuẫn tiết bên cạnh Yoshitsune trong cuộc giao tranh. Ngày nay ngọn thạch đăng có tên Bunji shintô (Văn Trị thần đăng) vẫn còn đó.

Có lẽ niềm cảm khái lòng trung dũng của Tadahira đã bắt nguồn từ khi Bashô nghe nhà sư mù đánh đàn và ngâm nga khúc Jôriuri vùng Oku kể lại đoạn đường bôn đảo và kết thúc bi thảm của Yoshitsune.

Đoạn 25: Matsushima và bàn tay Con Tạo Hóa (Matsushima, zôka no tenkô 松島：造化の天工)

Nay thì xin lập lại một chuyện tiền nhân hay nhắc tới mà ai nấy đều biết: Matsushima là thắng cảnh số một của đất nước Phù Tang. Nó không thua kém chút nào nếu đem so với Động Đình Hồ hay Tây Hồ bên Trung Quốc. Từ hướng Đông Nam, nơi vịnh tạo ra hình cánh cung và biển lán lục địa, trong một khu vực sông độ 3 “ri” (12 km), nước mặn tràn vào chẳng khác nào ngọn triều Chiết Giang⁸⁰ nổi tiếng.

Trong lòng vịnh có vô số đảo. Có hòn vút cao như chia ngón tay chỉ trời xanh, có hòn thấp nằm ngang như đang cưỡi lên sóng. Có đảo chập lên nhau thành hai tầng, có đảo ba tầng. Nếu có đảo tiếp nối về phía trái thì cửa có đảo kéo dài sang bên phải. Lại có đảo đội trên lưng mình những hòn đảo nhỏ ra chiều che chở, ôm ấp, chẳng khác nâng

⁷⁸ Izumi no Saburô Tadahira 和泉三郎忠衡 tức “Chàng Ba” nối chí của cha, không như các anh vì muốn thỏa hiệp (đã phản bội và tập kích Yoshitsune hòng giữ Hiraizumi độc lập nhưng rốt cuộc mắc mưu phản gián, bị đối phương là Mạc phủ Kamakura tiêu diệt). Saburô đã tự sát cùng với Yoshitsune.

⁷⁹ Ojima (雄島 Hùg đảo) là một đảo lớn trong chòm đảo Matsushima.

⁸⁰ Lạc Tân Vương: Môn thánh Chiết giang triều (Linh Ân Tự).

niu con cháu⁸¹.

Màu xanh lục của những cây tùng thật là đậm, cành lá ngã theo gió triều, trông khéo léo như có bàn tay người bẻ chúng lại, sửa sang thành hình thù tự nhiên. Cái đẹp của Matsushima là cái đẹp tươi thắm của một trang mỹ nhân⁸² lại được trang điểm thêm. Địa hình như thế này có phải là công trình của Ōyamatsumi no kami⁸³, vị thần sơn nhạc thời chư thần xa xưa, đã kiến tạo nên chăng? Cái linh diệu của thiên nhiên hùng vĩ mà các vị xây đắp⁸⁴, hỏi thử hội họa và văn chương của loài người thể hiện được đến đâu? Có thể nói là chúng ta hoàn toàn bất lực!

Lời Bình:

Cảnh Matsushima mà Bashô mô tả ở đây có thể xem như một đoạn văn hay của Oku no hosomichi, ngang tầm với đoạn ông mô tả đầm Kisagata.

Nhân cách hóa để so sánh những hòn đảo như người sống và thổi vào đó ngọn gió triều, Bashô đã làm toàn cảnh sống lại một cách linh hoạt.

Để tăng hiệu quả, ông cũng đã đem cổ điển Trung Quốc vào đó so sánh. Hồ Động Đình nằm ở phía bắc tỉnh Hồ Nam bên hồ có lầu Nhạc Dương, nổi tiếng qua thơ Đỗ Phủ. Tây Hồ nằm ở phía tây Hàng Châu tỉnh Chiết Giang được biết với Tô Đông Pha. Tỉnh này có con sông Tiền Đường rất rộng, mức độ nước biển lúc triều lên triều xuống khác nhau xa. Lúc triều lên, nước biển ào ào đổ ngược vào sông là một quang cảnh hùng vĩ, thấy trong thơ Lạc Tân Vương.

Đoạn 27: Matsushima, bãi đá Ojima (Matsushima, Ojima ga iso 松島 : 雄島が磯)

Bãi đá đảo Ojima là chỗ lục địa đâm ra biển và đột ngột ngoi lên. Trên đảo hãy còn di tích tọa thiền đường của tăng Ungo (Vân Cư)⁸⁵ và tọa thiền thạch tức hòn đá ông ngồi tham thiền.

Hơn nữa, dưới bóng rừng tùng ta còn thấy thấp thoáng hình dáng nhiều kẻ xa rời thế tục, không muốn giao du với người đời. Từ những túp lều mái rạ của họ, khói đốt lửa mót và quả tùng khô thổi cơm bay lên. Nói chung, dù không biết là ai nhưng cuộc sống của họ thật thanh tĩnh làm ta xúc cảm và muốn đứng lại ghé mắt nhìn xem.

Nhìn chẳng được bao lâu thì thấy trăng đã mọc và soi bóng trên mặt biển, so với cảnh

⁸¹ Đỗ Phủ: Tây Nhạc lăng tằng sơ xứ tôn. Chư phong la lập tự nhi tôn (Vọng nhạc). Lăng tằng là núi chập chùng.

⁸² Tô Đông Pha: Nhược bả Tây Hồ ti Tây Tử. Đạm trang nồng mật lương tương nghi (Tây Hồ)

⁸³ Thần Sơn Nhạc, bố vợ của Thiên tôn Ninigi. Đã nói đến trong đoạn 4 Muro no Yashima.

⁸⁴ Đỗ Phủ: Tạo Hóa chung thần tú (Vọng nhạc)

⁸⁵ Thiền sư Ungo (雲居 Vân Cư, 1582-1659) là người trung hưng Zuiganji (Thụy Nham Tự), vai thầy của Hòa thượng Butchô (Phật Đỉnh). Người sau lại là thầy của Bashô.

tượng ngắm lúc ban ngày, nó cũng có một thi vị khác.

Ta trở lại bờ biển Matsushima và kiếm chỗ trọ. Chỗ kiếm được là căn gác hai của một ngôi nhà cửa sổ mở nhìn thẳng ra khơi. Từ đó có thể nhìn toàn bộ phong cảnh ban đêm của Matsushima. Lúc ấy ta cảm thấy tràn trề một cảm giác thần bí của người trên bước đường du lịch được yên nghỉ trong sự che chở của thiên nhiên⁸⁶.

松島や鶴に身を借れほととぎす

*Matsushima ya,
Tsuru ni mi wo kare
Hototogisu*

*Cuốc ơi, xin nhớ nhé,
Đến Matsushima,
Hãy mượn thân chim hạc⁸⁷*

Sora đã vịnh bài thơ nói trên, còn ta thì quá xúc động trước phong cảnh Matsushima nên không viết thành câu. Lại định nằm xuống dỗ giấc ngủ nhưng không chợp mắt được. Khi ta rời Am Bashô ở Edo, người bạn thân là Yamaguchi Sodô⁸⁸ có biếu bài thơ chữ Hán nói về Matsushima thay quà tiễn biệt. Ngoài ra Hara Anteki⁸⁹ cũng tặng một bài waka chủ đề cây tùng ở Urashima. Trần trọc không sao ngủ, ta mới mở túi xách đi đường của nhà tu (zudabukuro = đầu đà đại) lấy chúng ra xem để làm bạn trong đêm. Túi ấy còn đựng cả mấy câu hokku của hai người học trò ta là Sampuu và Jokushi⁹⁰ (Trọc Tử) nữa.

Lời Bình:

Tuy Matsushima là nơi có dấu tích tọa nhiên của nhà sư Ungo (Vân Cư) nhưng cái lôi cuốn Bashô hơn cả là cuộc sống ẩn dật của những kẻ lánh đời cất am trên đó.

Khi đêm đến, con trăng leo lên bầu trời. Ấy là con trăng làm bạn với người lữ khách, con trăng của Matsushima, nó đã ám ảnh ông tự buổi lên đường (xem đoạn mào đầu). Bashô bảo phong cảnh thật tuyệt nên không nói nên lời thành thử Sora đã thay ông làm việc đó. Lại có giai thoại câu thơ “*Matsushima ya, a Matsushima ya, Matsushima ya*” (Ôi Matsushima, chào ôi Matsushima, ôi Matsushima) để nói lên sự bất lực của nhà thơ khi muốn diễn tả phong cảnh chốn này nhưng thực ra nó chỉ là một ngụ ý tạo của người đời sau với mục đích quảng cáo du lịch. Có lẽ vì trong tác phẩm Zanzoshi (Tam sách tử) của các học trò ông cho biết: “Tôn sư quá xúc động khi đứng trước Matsushima, người

⁸⁶ Ngủ trên bến nước là một cái thú. Cổ thi có câu: Kim dạ cổ nhân giang thượng túc (Giang vũ)

⁸⁷ Hạc là một loài chim cao quý và trường thọ như tùng nên mới có thể xứng đôi với tùng.

⁸⁸ Biệt hiệu của Yamaguchi Shinshô (山口信章 Sơn Khẩu Tín Chương, 1642-1716), bạn của Bashô, giao du từ thời cả hai còn theo trường phái Danrin.

⁸⁹ Hara Anteki 原安適 là một y sư và nhà thơ waka hiếm hoi vào thời ấy, sống ở Edo.

⁹⁰ Học trò Bashô. Tên thật là Nakagawa Jingobê, một phiên sĩ phiên Ôgaki.

không có lấy một lời!” mới làm cho người ta có định kiến như vậy. Trên thực tế, ở một nơi khác, Bashô đã có một bài haiku về Matsushima:

島々やちじに碎けて夏の海

*Shima-jima ya
Chiji ni kudakete
Natsu no umi*

*Đảo đảo, trùng điệp đảo
Như biển của mùa hè
Vỡ bấn trăm ngàn mảnh.*

Đoạn 28: Matsushima, chùa Zuiganji (Matsushima, Zuiganji 松島 : 瑞巖寺).

Ngày 11 tháng 5 (27 tháng 6 dương lịch), chúng tôi đến chiêm bái Zuiganji (Thụy Nham Tự, tông Lâm Tế), ngôi chùa thờ phượng hương hồn gia đình Date.

Chùa này từ lúc xây lên tính đến nay đã được 32 đời. Lúc đó, nhà tu tục danh là Makabe no Heishirô⁹¹ sau khi xuất gia đã sang bên Trung Quốc, đến lúc trở về mới lập nên cảnh chùa. Tôi đời thiền sư Ungo (Vân Cư, xem lại đoạn trước), nhờ sự tận tâm tận lực của ông mà toàn thể ngôi chùa được trùng tu. Những bức tường màu vàng (kim bích) và trang sức lộng lẫy bên trong (thất đường) của ngôi đại già lam lấp la lấp lánh, làm tường chừng cõi cực lạc tịnh độ hiện đang ra ở thế giới này.

Thế nhưng lòng ta cứ thắc mắc không biết ngôi chùa có ngài Kenbutsu Shônin⁹² (Kiến Phật thượng nhân) kia nằm ở đâu nhỉ?⁹³

Lời Bình:

Đoạn văn này hơi tầm thường vì nó giống như một trang quảng cáo cho chùa Zuiganji. Có thể xem nó như đóng vai trò kéo màn sau khi đã trình bày phong cảnh tuyệt vời của Matsushima.

Người tên Kenbutsu Shônin là một nhà tu đã sống và truyền giáo rất lâu ở Matsushima vào đầu thời Kamakura. Ông là một vị cao tăng mà Saigyô rất kính trọng. Dĩ nhiên với

⁹¹ Tục danh của Pháp Thân hòa thượng (Hôshin Oshô), khi lớn tuổi mới xuất gia. Không nghe nói đến văn chương của ông.

⁹² Còn gọi là Kenbutsu Hijiri (Kiến Phật Thánh 見仏聖), người cuối thời Heian, đã lập am tu 12 năm ở Matsushima, chép 6 vạn bộ kinh Pháp Hoa. Rất được Saigyô kính trọng.

⁹³ Sở dĩ Bashô đặt câu hỏi như vậy là vì khung cảnh chùa chiền tráng lệ hiện tại của Zuiganji như đối nghịch với phong cách đạm bạc của Kenbutsu Shônin, con người ẩn dật, từng ở đây.

tư cách một người kính mến Saigyô, Bashô phải quan tâm đến ông.

Thế nhưng, theo nhật ký tùy tùng của Sora thì Bashô đã đến viếng Zuiganji vào ngày mùng 9 chứ không phải 11. Ngày 9, sau khi từ Shiogama đến Matsushima, vừa nhấp xong một chung trà, Bashô đã đến ngay Zuiganji thăm viếng. Tiếp đó, ông đã lên đảo Ojima xem phong cảnh rồi về Matsushima qua đêm. Thay đổi trật tự giữa 3 đoạn từ cái “động” của Matsushima sang cái “tĩnh” của Ojima và Zuiganji là tất cả sự khéo léo trong nghệ thuật của nhà thơ Bashô, chứ không phải do một sự lầm lẫn của trí nhớ và cũng không phải một chi tiết hoàn toàn hư cấu.



Như biển của mùa hè, Vỡ bấn trăm ngàn mảnh

Đoạn 29: Ishinomaki (Ishinomaki 石巻), bến cảng phồn vinh.

Vào ngày 12 tháng 5, chúng tôi rời Matsushima nhắm hướng Hiraizumi. Từng biết có những thắng cảnh như **Cây tùng Aneha** (thị trấn Kurihara tỉnh Miyagi) và **Chiếc cầu Odae** (thị trấn Furukawa) là những “gối thơ” gần đây, chúng tôi đã mượn một con đường vắng vẻ chỉ có thợ săn và tiểu phu lui tới để tìm đến. Thế nhưng chẳng bao lâu hoàn toàn bị mất hướng và lựa nhầm một con đường khác, nhờ đó tình cờ đến được một bến cảng tên gọi Ishinomaki.

Kinkazan⁹⁴, hòn đảo mà thơ phú ngày xưa ca tụng nơi ấy hoa nở thành vàng hiện ra lơ mờ ở ngoài khơi. Năm Tenpyô 21 (749), người ở đây đã đem vàng (từ các mỏ vàng) sản xuất ở đây dâng lên triều đình. Vì trong thơ Ôtomo no Yakamochi có câu “Kogane hana saki” (Hoa nở thành vàng) nên mới có địa danh ấy.

Trong lòng vịnh Ishinomaki, hàng trăm chiếc thuyền chở hàng đang neo, còn trên bãi biển bao nhiêu ngôi nhà mọc san sát bên nhau, từ đó những đợt khói thổi com bay lên

⁹⁴ Kinkazan 金華山, hòn đảo ngoài khơi tỉnh Miyagi, diện tích 9km², cao khoảng 445 m. Đã được nhắc đến trong một bài thơ khánh hạ của Ôtomo Yakamochi (Đại Bạn Gia Trì, 大伴家持, 716?-785) thi nhân thời Vạn Diệp khi các bộ tộc miền Bắc đến dâng vàng cho Thiên hoàng Shômu. Bài thơ nói về “những đóa hoa bằng vàng” nở trên núi Michinoku 陸奥山 mà người ta tưởng lầm là Kinkazan.

không ngớt. Không hề mơ tưởng đến được một thị trấn như thế này nên chúng tôi rất xúc động!

*Đi kiếm chỗ trọ nhưng chẳng ai cho qua đêm. Cuối cùng chúng tôi đành phải chờ trời sáng trong một túp lều hoang. Ngày hôm sau chúng tôi tiếp tục cuộc hành trình trên một tuyến đường mình hoàn toàn xa lạ. Nhìn hướng **Bến đò Sode** (nay là xóm Kitamachi của Ishinomaki), **Cánh đồng thả ngựa Obuchi** (nay là cảng của Ishinomaki) và **Đồng cỏ tranh Mano** (khu Mano của Ishinomaki) đằng xa, chúng tôi đi dọc theo con đê dài ngút mắt bên bờ sông Kitagami.*

Sau đó lòng đầy lo lắng, chúng tôi đi men một cái chuôm dài để cuối cùng nhận ra nơi tên gọi Toima (xóm Toyoma thị trấn Tome). Sau khi ngủ lại một tối ở đây, chúng tôi mới lên đường đến được Hiraizumi. Đoàn chúng tôi hẳn đã vượt đến trên hai mươi “ri”(khoảng 80km).

Lời Bình:

Bashô cho biết đoạn đường từ Matsushima đến Hiraizumi không dễ dàng chút nào cho hai thầy trò. Nó đầy những “gối thò” mà hai người lại không rõ đường đất nên cực kỳ khổ sở. Giữa đường, sự tình cờ xui khiến, ghé được một thị trấn chuyên buôn bán cá sầm uất gọi là Ishinomaki và họ không khỏi ngạc nhiên.

Bảo Kinkazan (Kim Hoa Sơn) sản xuất vàng thì không đúng, lỗi của người đời sau truyền lại sai. Thực ra nơi ấy nằm bên cạnh đền thần đạo Koganeyama (Hoàng Kim Sơn) ở xóm Wakuya quận Tôda.

Lại nữa, không như Bashô viết, từ Ishinomaki người ta không thể nào nhìn thấy Kinkazan dù là từ xa. Một là ông nhầm với một ngọn núi khác bao quanh vùng, hai là ông muốn nhận đó, đưa sự tích bài thơ của Ôtomo Yakamochi về việc xưa kia người vùng Đông Bắc dâng vàng cho triều đình, thấy trong *Man.yôshuu* (Vạn Diệp Tập).

Bashô bảo không ai cho ngủ qua đêm, thiếu thông tin, còn đi nhầm đường vv...nhưng trên thực tế, không hề có chuyện thiếu chuẩn bị đến như thế và người địa phương còn rất tốt bụng. Tuy có chuyện giữa đoạn đường đến Ishinomaki, ông ghé nhà dân xin nước uống và bị từ chối (nhật ký Sora cũng chép chuyện này) nhưng lại có chuyện một người samurai đứng tuổi tên là Imai Genta Zaemon cho nước nóng và cả hai đã qua đêm ở một nhà trọ tươm tất thay vì một túp lều hoang. Sáng hôm sau chủ nhà trọ lại tiễn chân thầy trò thêm một thôi đường.

Bashô xem việc thầy trò ông đặt chân lên Ishinomaki là một sự tình cờ nhưng đó chỉ là thâm ý trong lối hành văn. Thực ra, đi với một người tùy tùng vốn am hiểu đường đất như Sora, đó là việc không thể có.

Dù sao, Bashô có vẻ cố ý xóa đi dấu vết những chi tiết tốt đẹp của Ishinomaki. Tại sao? Giữa hai đỉnh cao của tác phẩm là Matsushima và Hiraizumi, ông không muốn “nói tốt” và “nói nhiều” cho địa điểm trung gian là Ishinomaki. Làm như thế, Matsushima và

Hiraizumi sẽ bị chìm đi. Có thể đây là nét đặc biệt trong cách cấu tứ và dàn dựng của Bashô.

Tuy không được nói đến nhiều, Ishinomaki cũng có công dụng của nó. Như trong tồng Nô, có những tồng Waki-Nô mà vai phụ (waki) lại đóng vai trò quan trọng hơn vai chính. Ví dụ tồng Funa Benkei 船弁慶 (Benkei trên thuyền) thì người hầu cận của Yoshitsune là Benkei đóng vai chính chứ không phải ông.

Về những gổi thơ, xin lần lượt giới thiệu:

Aneha no matsu (Cây tùng Aneha) là “gổi thơ” liên hệ đến đoạn thứ 14 trong truyện thơ Ise Monogatari. Ane 姉 còn có nghĩa là “người chị”:

栗原の姉齒の松の人ならば都のつとにいざと言わましを

Kurihara no
Aneha no matsu no
Hitonaraba
Miyako no tsuto ni
Izato iwamashi o

Cây tùng Aneha
Đồng Kurihara
Nếu biết đi như người,
Sẽ dắt theo ta cùng
Về đến tận kinh đô.

Odae no hashi (Cầu Odae) đã tạo nên nguồn cảm hứng cho một bài thơ tình trong Goshuui Wakashuu (Hậu thập di Hòa ca tập). Theo tự dạng, Odae 緒絶 là “đứt dây” hay “tuyệt mệnh”.

みちのくの緒絶の橋やこれならむ踏みみ踏まずみ心惑わす

Michinoku no
Odae no hashi no
Hashi ya kore naramu (naran)
Fumi mi fumazu mi
Kokoro madowasu

Cầu tên Odae
Vùng Michinoku
Cầu đứt dây, tuyệt mệnh
Nên bước qua hay không,
Lòng còn đang do dự.

Sode no watari (Bến đò Sode) cũng là nguồn cảm hứng cho một bài thơ tình khác trong Shin-Goshuui Wakashuu (Tân-Hậu thập di Hòa ca tập). Sode 袖 có nghĩa là “ống tay áo” thường dễ chấm nước mắt:

みちのくの袖の渡りの涙川心の中に流れてぞすむ

Michinoku no
Sode no watari no
Namidagawa
Kokoro no uchi ni
Nagarete zo sumu

Bến đò tên Sode
Vùng Michinoku
Đưa qua sông nước mắt
Đang chảy trong lòng ta,
Lặng lẽ không thành tiếng.

Obuchi no maki (Đồng cỏ thả ngựa Obuchi) liên quan đến một bài tập thi trong Gosen Wakashuu (Hậu tuyển Hòa ca tập). Theo tự dạng chữ Hán, o 尾 là “cái đuôi”:

みちのくの尾ぶちの駒も野飼うには荒れこそまされなつくものかは

Michinoku no
Obuchi no koma mo
Nogau ni wa
Are koso masare
Natsuku mono ka wa

Thả ngựa con cho ăn,
Trên đồng Obuchi,
Vùng Michinoku,
Theo đuôi, chúng hoang dại,
Đâu biết nhớ hơi người.

Mano no kayahara (Đồng cỏ tranh Mano) đã gợi nên tứ thơ cho một bài trong Man.yôshuu (Vạn Diệp Tập, quyển 3) như sau:

みちのくの真野の萱原遠けどもおもかげにして見湯ゆというものを

Michinoku no
Mano no kayahara
Tôkedomo
Omokage ni shite
Miyu to iu mono wo

Đồng cỏ tranh Mano
Vùng Michinoku
Khiến ta mơ hình bóng.
Nhưng nay em bên cạnh
Việc gì phải ngóng xa.

Kinkazan (Kim Hoa Sơn) liên quan đến một bài thơ trong Man.yôshuu, chương 18. Đây là bài thơ chúc mừng Thiên Hoàng nặng tính chất cung đình của Ôtomo Yakamochi, được biết như nhà biên tập thi tuyển ấy:

すめろきの御代栄えむとあづまなるみちのく山に黄金華咲く

Sumeroki no
Miyo sakaemu (en) to
Adzuma naru
Michinoku yama ni
Kogane hana saku

Như diễm lành trời báo,
Thời thịnh trị thánh quân.
Núi non ở miền Đông,
Vùng Michinoku,
Hoa cũng nở hoàng kim.

Đoạn 30: Tiểu quốc Hiraizumi (Hiraizumi, 平泉), dấu tích Takadachi và điện Hikaridô.

Vinh hoa của ba đời dòng họ Fujiwara⁹⁵ chỉ là một quãng thời gian, tàn đi như giấc chiêm bao⁹⁶. Ngày nay khu vực Hiraizumi trở thành hoang phế, dấu tích của đại môn phủ thành ngày xưa chỉ còn cách ta mỗi một “ri” (4 km). Phủ đệ nơi ngài Fujiwara Hidehira (người cha, thời toàn thịnh) từng ở nay trở thành ruộng nương, còn lưu lại chẳng là hình bóng Kinkeizan (Kim Kê Sơn) nghe là ngọn đồi ông cho đắp nên.

⁹⁵ Âm chỉ hào tộc địa phương Ôshuu Fujiwara 奥州藤原, xuất phát từ một người dòng Bắc của cánh quyền thần Fujiwara lên Đông Bắc làm quan trấn thủ. Vào cuối thời Heian (thế kỷ 12), họ đã chiếm cứ vùng Mutsu, Dewa, độc lập với triều đình. Đời đầu tiên là Kiyohira 清衡 truyền xuống Motohira 元衡, sau đó là Hidehira 秀衡 (thời toàn thịnh), đến đời thứ 4 là Yasuhira 泰衡 thì bị Minamoto no Yoritomo mượn cớ họ chứa chấp Yoshitsune, em trai nhưng là cừu địch, đem quân lên tận diệt vào năm 1189.

⁹⁶ Nguyên văn “榮耀一睡” vinh diệu nhất thụ, theo ý giấc mộng kê vàng của 盧生 Lư sinh (邯鄲夢 Hàm Đan mộng).

Trước tiên ta lên Takadachi (phủ thành trên cao)⁹⁷ nơi ngài Yoshitsune⁹⁸ từng cư ngụ, nhìn xuống thấy dòng Kitakami. Sông này bắt nguồn từ vùng Nanbu (phiên Nanbu và nay là trung tâm thành phố Morioka) và là một đại giang. Còn sông Koromo thì chảy quanh phủ thành Izumi, nơi xưa là nơi Izumi no Saburô “Chàng Ba” Tadahira (em trai Yasuhira) đã sống. Dưới chân thành Izumi, dòng Koromo đi vòng qua và hợp lưu với dòng Kitakami ở khoảng phủ thành Takadachi.

Dấu phủ cũ của “Cậu Hai” Yasuhira và dinh thự cả một họ Fujiwara thì ở bên kia bờ Koromo, ngăn cách với Kita no seki (cửa quan phía Bắc), được dựng ra như muốn bảo vệ chặt chẽ lối ra phía nam (Nanbu) của nó, phòng kẻ man di (Ezo) xâm nhập.

Yoshitsune với những nghĩa binh kiêu dũng do ông tuyển mộ đã bị vây trong thành Takadachi này. Dù chiến đấu một cách anh hùng, tử thủ ở đây, nhưng rồi công danh của họ cũng tiêu tan như một giấc mơ ngắn ngủi. Ngày nay dấu tích đó đã bị vùi trong đám cỏ mùa hạ mọc tràn lan. Nước mắt núi sông còn, thành xuân cây cỏ rậm”⁹⁹, bồi hồi nhớ lại thơ xưa, ta bèn cỡi nón, ngồi xuống nghỉ chân, và cứ thế, nhỏ giọt lệ ngậm ngùi cho tấn bi kịch ấy¹⁰⁰.

夏草や兵どもが夢の跡

Natsukusa ya
Tsuwamonodomo ga
Yume no ato

Lớp cỏ dày mùa hạ,
Đã chôn vùi tất cả
Giấc mộng đoàn quân xưa.

(Sora có thơ):

卯の花に兼房見ゆる白毛かな

U no hana ni
Kanefusa miyuru
Shiraga kana

⁹⁷ Tachi 館, còn đọc là Tate, là những ngôi thành nhỏ miền Đông Bắc, thiết kế dựa vào gò núi và đối mặt với đầm lầy, sông ngòi, để có địa hình tiện việc phòng thủ, nhưng ở đây Takadachi là danh từ riêng, nơi Yoshitsune lánh nạn.

⁹⁸ Minamoto no Yoshitsune 源義経(1159-1189), võ tướng tài ba đã giúp Yoritomo, anh mình, diệt họ Taira, trả thù nhà và khai sáng Mạc phủ Kamakura. Sau vì bị anh hiềm nghi, trở thành cừu địch, đánh lên miền Bắc lẫn trốn, nương nhờ dòng họ Fujiwara ở Hiraizumi. Bị con thứ hai của người đồng minh cũ (Hidehira) là Yasuhira công hãm, phải tự sát vào năm 1189. Ông là một người anh hùng hăm vận được người Nhật đến nay vẫn yêu quý.

⁹⁹ Đỗ Phủ: Quốc phá sơn hà tại. Thành xuân thảo mộc thâm (Xuân vọng). Hồ Bá Vũ: Bạch cốt thành biên thảo tự thanh (Vọng hoài).

¹⁰⁰ Đỗ Phủ: Ưu lai, tịch thảo toa. Hạo ca lệ doanh bả (Hoa Thanh Cung).

Trắng một màu hoa “mã”,
Nhớ Kanefusa¹⁰¹
Tóc bạc rối chinh bào.

Từ trước, ta đã nghe đồn về sự lộng lẫy hoa lệ của hai tòa (nhị đường) tức là Kinh Đường và Quang Đường của chùa Chuusonji (Trung Tôn Tự) và không khỏi ngạc nhiên. Nhờ được mở ra cho xem, ta còn được biết Kinh Đường (Kyôdô)¹⁰² có đặt tượng của ba đời (tam đại) tướng quân (tam tướng) Fujiwara trấn thủ vùng này, còn Quang Đường (Hikaridô) là nơi để quan quách của họ và an vị tượng tam tôn tức A Di Đà Như Lai, Thế Chí Bồ Tát và Quán Thế Âm Bồ Tát.

Nhưng nay thật bảo dùng để trang trí bên trong điện đường nay phai tàn, châu ngọc trang trí những cánh cửa cũng bị gió mưa hủy hoại, các trụ dát vàng lâu năm nhuốm sương tuyết màu đã phai pha, thế nào điện cũng sẽ sụp nát giống như gò hoang và tắt nhiên cỏ dại mọc um tùm. Người ta đã lập nên một điện tạm bao bọc bốn bên (tứ phương) điện cũ, lợp ngói trên mái, che mưa dầm (ngũ nguyệt vũ) và chắn gió bảo vệ cho nó. Không biết chừng nào điện sẽ đổ nát nhưng nhờ phương pháp này mà tạm thời bảo tồn được kỷ vật lịch sử truyền lại từ nghìn năm (thiên niên).

五月雨の降り残してや光堂

Samidare no
Furi nokoshite ya
Hikaridô

Bao năm, mưa tháng hạ,
Như thương, tránh làm ướt,
Điện Hikaridô

Lời Bình:

Trước đây, khi nói đến Hiraizumi, Bashô đã đặc biệt dùng nó như nơi truy điệu cuộc chiến đấu và bi kịch của thầy trò Yoshitsune. Đến đây, ông lái qua chuyện vinh quang và suy vong của ba đời hào tộc Fujiwara mà giấc mộng là muốn gìn giữ nền độc lập của tiểu quốc xa xôi và trù phú này.

Mục đích của chuyến đi về miền bắc sâu thẳm của Bashô cũng là để chiêu hồn những kẻ đã chết trong tấn bi kịch lịch sử. Đoạn văn này giống như một bài điệu văn Bashô muốn gửi đến họ.

Kinkazan là ngọn đồi mượn hình dáng Fujisan, được xây lên để bảo vệ tiểu quốc. Trên đó có chôn một con gà mái bằng vàng.

¹⁰¹ Kanefusa 兼房 là tên một lão thần của Yoshitsune, tóc bạc trắng mà vẫn còn chiến đấu anh dũng để bảo vệ chủ tướng.

¹⁰² Do Fujiwara no Kiyohira 藤原清衡 xây cất lên để tàng trữ 16.000 quyển kinh quan trọng. Năm 1337, tầng gác đã bị hỏa hoạn cháy mất.

Takadachi (Cao Quán) là ngôi phủ thành trên đồi cao mà Hidehira ban tặng Yoshitsune. Nơi đây Yoshitsune đã tự sát. Nay hãy còn có dấu tích Gikeidô (Nghĩa Kinh Đường), điện thờ mang tên ông. “Chàng Ba” Izumi no Saburô là người con thứ ba của Hidehira đã tuân theo lời cha, bảo vệ Yoshitsune đến hơi thở cuối cùng (xin xem lại đoạn nói về đền thần Shiogama). Thành Izumi, nơi ông phòng thủ, và dòng sông Koromo lại là sợi giây kết nối nó với thành Takadachi của Yoshitsune cũng như kết nối tình chiến hữu giữa hai người.

Trong đoạn văn, Bashô có ý đặt một tương quan đối nghịch giữa ý chí con người và sự vô tình, sức hủy diệt của thiên nhiên. Theo đó thì con người muốn bảo tồn trong khi thiên nhiên chỉ tàn phá. Con người đã “đặt” tượng, “đề” quan quách, “an vị” tượng Phật, “lợp” mái chắn gió che mưa trong khi thiên nhiên làm “phôi pha” màu sắc các trụ đền, làm “phai nhạt” mọi trang trí, làm “sập nát” những bức tường, để cho “cỏ dại mọc tràn lan”... Cuối cùng thiên nhiên đã thắng.

Trong bài thơ thứ nhất, Bashô cho thấy thiên nhiên rất vô tình (cỏ dại mùa hạ xanh tốt bò lan trước mắt ông trên cỏ chiến trường) trước những tấn kịch đời người, chôn vùi từ giấc mộng tồn sinh của Yoshitsune, giấc mộng giữ gìn độc lập của hào tộc Fujiwara ở Hiraizumi cho đến giấc mộng công danh của đoàn chiến sĩ. Đề ý “tsuwamono domo 兵ども” không những dùng để chỉ các samurai mà còn để chỉ những nghĩa binh chân đất vác giáo theo hầu họ nữa.

Bài thơ thứ hai nhắc đến nhân vật Masuo Juurô Kanefusa, một lão thần của Yoshitsune, từng dưỡng dục bà Kita no Kata, chính thất của chủ. Sau khi chứng kiến cái chết của vợ chồng chủ quân, Kanefusa đã phóng hỏa ngôi thành và dùng cảm lao vào lửa. Hoa “mã” màu trắng nở đầy trước mắt và rung rinh trong gió đã làm Sora nhớ đến mái tóc bạc rối bời, khăn bịt đầu và áo khoác cũng toàn màu trắng của Kanefusa tỏ rõ quyết tâm phấn đấu trong cuộc chiến cuối cùng.

Bashô tự hỏi có phải quan quách của ba đời hào tộc Fujiwara (Kiyohira, Motohira, Hidehira) nằm trong điện Hikaridô không bị tiêu hủy với thời gian là nhờ những trận mưa dầm mùa hạ qua mấy trăm năm đã biết tỏ lòng thương tiếc mà tránh rơi trên mái điện hay không. Đề ý đến lối chơi chữ số trong suốt đoạn văn: “nhị đường”, “tam tôn”, “tam tướng”, “ngũ nguyệt vũ”, “tứ điện”, “thất bảo”, “thiên niên” ... được nhắc khéo trong nguyên văn để tăng phần trang trọng khi kể chuyện.

Kigo 2 bài thơ của Bashô là natsukusa (cỏ mùa hạ) chỉ mùa hạ, samidare (mưa tháng 5) cũng vậy. Còn kigo bài thơ của Sora là hoa u no hana (hoa “mã”) chỉ mùa hạ.



Mùa thu ở Hiraizumi

Đoạn 31: Cửa quan Shitomae (Shitomae no seki 尿前の関). Người ngựa chung nhà.

*Nhìn con đường dài dằng dặc đưa lên miền bắc về hướng Nanbu, chúng tôi bèn đổi hướng về phía Tây Nam và đêm đó ngủ lại Iwate no Sato (Iwatayama thuộc thị trấn Ôsaki tỉnh Miyagi). Từ nơi đó, sau khi qua những địa điểm như **Ogurozaki**, **Mizu no Kojima**, chúng tôi đến được suối nước nóng Narugo.*

Từ suối nước nóng Narugo, qua trạm gác Shitomae rồi, chúng tôi định vượt núi để vào đất Dewa (tỉnh Yamagata và Akita).

Con đường vượt núi này hầu như chẳng có bộ hành nào đi cho nên người gác cửa quan dò hỏi rất kỹ phòng kẻ gian, mãi mới cho phép chúng tôi đi tiếp.

Trên đường, khi đang lên một ngọn núi lớn thì mặt trời sắp lặn, chúng tôi tìm được nhà ông thôn trưởng có nhiệm vụ canh phòng biên giới hai vùng và xin ngủ nhờ một đêm. Thế nhưng vì mưa to gió lớn vẫn kéo dài, chúng tôi đành bó gối chèo queo trong núi này suốt ba hôm.

のみ虱馬の尿する枕もと

Nomi shirami
Uma no bari suru
Makura moto

*Cháy rận có đủ cả,
Thêm ngựa đái xè xè,
Trên đầu nằm lử khách.*



Chúng tôi định vượt núi để vào đất Dewa

Lời Bình:

Rời khu vực Hiraizumi, thầy trò Bashō hướng về phía Nam để vào tiến vào đất Dewa. Hết nhỏ lệ cho tấn bi kịch của những chiến sĩ thời xưa, nay phải nếm trải gian lao đường đất. Trong ngôi nhà lạnh lẽo giữa núi non, họ bị vây bọc bởi chầy rận và mưa to gió lớn. Nói được sự chuyển tiếp đột ngột giữa hai hoàn cảnh tương phản này là cái xảo diệu của nghệ thuật haikai vậy!

Truyền thuyết cho rằng vợ cả Yoshitsune đã sinh con ngay trạm gác Shitomae và đứa hài nhi đã đái ở đó cho nên trạm mới có cái hồn danh như thế (shito = niệu 尿 = nước đái).

Nơi thầy trò Bashō ngủ trọ là một gia đình nhà nông. Nông dân thường nuôi súc vật ngay cả trong gian chính. Như thế, người và ngựa sống chung (có khi là để chia sẻ hơi ấm vào mùa đông ở một vùng lạnh lẽo như miền Đông Bắc này). Nếu Bashō có nghe tiếng ngựa đái trong đêm thì cũng là chuyện bình thường. Để ý là nước đái trẻ con gọi là “shito”, nước đái ngựa gọi là “bari”. Bản thủ bút của Bashō viết là “bari suru” (ngựa đái), một động từ, nên xin để nguyên văn như thế.

Chuyện “ngựa đái” (shito, bari suru) ở đây cũng có hiệu quả hô ứng với Shitomae (Niệu Tiền), tên trạm gác nơi thầy trò đi qua.

Kigo của bài thơ là nomi (con rận) chỉ mùa hè.

Ogurozaki nói đến trong đoạn văn được biết như là một mũi đá nổi tiếng vì ở đó, mùa thu lá đỏ rất đẹp. **Mizu no Kojima** là một hòn đảo như hạt đậu (mizu = mỹ đậu) nằm giữa dòng sông. Về chúng, có bài thơ sau đây trong phần Azumauta (Đông ca) dân dã của Kokin Wakashuu (Cổ kim Hòa ca tập):

小黒崎美豆の小島の人ならば都のつといざと言わましを

Ogurozaki
Mizu no Kojima no
Hito naraba

Miyako no tsuto ni
Iza to iwamashi wo

Hỡi ghềnh Oguro
Đảo Mizu xinh đẹp,
Nếu hai người biết đi,
Ta muốn đưa tất cả,
Về biếu khách kinh đô.

Đoạn 32: Chuyên vượt đèo Natagiri (Natagiri-tôge 山刀伐峠)

Theo lời ông chủ nhà trọ thì từ nơi đây để vào đất Dewa giữa đường phải vượt một ngọn núi mà lối đi không được vạch rõ ràng, tốt hơn phải có người hướng đạo theo cùng. Ta bèn nhờ người giúp cho thì được một thanh niên lực lưỡng, hông đeo cây đao to bản, tay nắm gậy gỗ sồi, tiến trước chúng tôi để dẫn đường. Đi sau lưng anh mà lòng bọn ta cứ nơm nớp không biết hôm nay có sự nguy hiểm nào xảy ra chẳng.

Đúng như lời ông chủ trọ, ở đây núi thì cao và cây mọc rất dày, không lấy một tiếng chim kêu. Dưới thân cây, cành lá lại mọc đan vào nhau chằng chịt, chúng tôi đi như giữa đêm đen. Trời đất tối tăm giống như cảnh tượng Đỗ Phủ đã nói đến trong câu thơ: “Vân đoạn sa hồn phong xuy hạ”¹⁰³ (Bên trời, gió thổi cát bay xuống). Bao lần đập lá tre lùn vệt lối tiến lên, băng qua những dòng suối, vấp phải đá, toát cả mồ hôi lạnh, không biết làm thế nào mà cuối cùng chúng tôi cũng ra được địa phận Mogami (tức vùng Obanzawa tỉnh Yamagata)

Người thanh niên hướng đạo bảo: “Đoạn đường này lúc nào cũng xảy ra chuyện rắc rối”¹⁰⁴, hôm nay đưa các thầy tới đây bình yên vô sự, em thực là mừng!” Nói xong anh vui vẻ quay về. Đã qua hết đoạn đường núi mà còn nghe nói như vậy, trống ngực chúng tôi đập thành thành không thôi.

Lời Bình:

Cái chờ đón Bashô ở đây là ngọn đèo (tôge) hiểm trở, đúng như cái tên của nó: Natagiri (Sơn Đao Phạt) nghĩa là vệt lối trên núi bằng đao đi rừng. Nhờ có người hướng đạo giỏi giang mà hai thầy trò đi qua bình yên nhưng qua rồi hãy còn toát mồ hôi lạnh.

Đoạn 33: Đến Obanezawa (Obanezawa 尾花沢), nghề chần tằm và nhuộm vải.

¹⁰³ Lấy từ bài Trịnh phò mã Tiềm Diệu yển động trung (Con rể nhà vua là phò mã Trịnh Tiềm Diệu dải yển ở động Liên Hoa).

¹⁰⁴ Thời ấy, trên những tuyến đường hẻo lánh còn có khả năng gặp trộm cướp nữa.

Đến Obanezawa (thị trấn Obanazawa tỉnh Yamagata ngày nay), chúng tôi ghé thăm Seifuu (Thanh Phong), nhà thơ haikai. Ông là một người buôn sỉ hoa benibana (hồng hoa) làm thuốc nhuộm, đồng thời là kẻ có nhân cách thanh cao. Vì công chuyện mua bán, nhiều lần ông đi lại Kyôto và hiểu được tâm tình của lũ khách nên đã giữ chúng ta ở chơi nhiều hôm để quên đi nỗi lao khổ đường trường, xử sự rất là chu đáo. Để đền đáp thịnh tình của Seifuu, chúng ta bèn có mấy vần sau như lời chào gửi đến chủ nhân:

涼しさをわが宿にしてねまるなり

Suzushisa wo
Wa ga yado ni shite
Nemaru nari

Nhờ ông, hương hơi mát
Được ngồi duỗi thẳng chân,
Thông thả tựa nhà mình

這い出でよ飼やが下のひきの声

Haide ide yo
Kaiya ga shita no
Hiki no koe

Tiếng cóc dẫu dưới sàn,
Bóng tối gian nuôi tằm,
Sao không ra chơi với!

眉掃きを俤にして紅粉の花

Mayuhaki wo
Omokage ni shite
Beni no hana

Nhìn hoa nhuộm nở khắp,
Ta nhớ cái búi con,
Người đẹp kẻ lông mày¹⁰⁵.

(Sora cũng có câu)

蚕飼いする人は古代の姿かな

Kogai suru
Hito wa kodai no
Sugata kana

¹⁰⁵ Hoa thuốc nhuộm (benibana) có màu hồng hoàng vừa có thể nhuộm lụa, vừa có thể để phụ nữ tô môi.

*Người chẵn tằm hôm nay,
Đáng thấy vẫn đơn sơ,
Tựa người muôn năm cũ.*

Lời Bình:

Qua khỏi cơn khiếp sợ trên con đường hiểm nghèo, nay thầy trò được hưởng cái ung dung thông thả mà người chủ nhà tốt bụng dành cho. Thêm một bằng chứng của sự chuyển tiếp dứt khoát giữa hai cảnh ngộ đối nghịch, thủ pháp của haikai.

Ở Obanezawa (nay đọc là Obanazawa), Bashô được người bạn thân Seifuu 清風 (Thanh Phong), một nhà thơ phái Danrin, ân cần đón tiếp. Ông đã ngừng ở đây khoảng 10 hôm cho sạch cát bụi đường trường và cũng để tham dự vào một hội thơ do chủ nhân tổ chức.

Nemaru trong bài thơ đầu là từ ngữ địa phương để chỉ việc ngồi xuống thông thả thoải mái (raku ni suwaru). Bài thứ ba nói về hoa beni để nhuộm màu hồng hoàng trên vải, trên lụa, là lời chào gửi đến Seifuu, người làm nghề buôn sản phẩm này. Bài thứ hai (của Bashô) và bài thứ tư (của Sora) muốn ca tụng công nghệ nuôi tằm của địa phương. Truyền thống nuôi tằm dệt lụa ở Nhật vốn có lâu đời, từng được nói đến trong cuốn cổ sử Nihon Shoki. Nuôi tằm dệt lụa thường đi đôi với nghề nhuộm. Nhật Bản có bước nhảy vọt về kinh tế thời Meiji cũng là nhờ nghề nuôi tằm và dệt.

Kigo của 4 bài là *suzushi* (hơi mát), *hiki* (cóc), *benihana* (hoa thuốc nhuộm màu hồng hoàng) và *kogai* (chẵn tằm) đều chỉ mùa hạ. Không khí bài thứ 3 gợi nhớ cảnh nông tang mộc mạc từng thấy trong thơ Vạn Diệp đời xưa, gợi được niềm hoài cổ. *Hiki* là gọi tắt *hikigaeru* 蟾蛙 (cóc, toad). Tác giả tưởng tượng như một con cóc ấy vẫn nấp dưới sàn làm bạn với người chẵn tằm tựa bao đời.

Đoạn 34: Chùa Ryuushaku (Ryuushakuji 立石寺). Tiếng ve thắm vào thớ đá.

Trong vùng Yamagata có ngôi chùa núi tên Ryuushakuji (Lập Thạch Tự). Hình như đây là nơi xưa ngài Jikaku daishi (Tứ Giác đại sư)¹⁰⁶ khai sơn, một chốn thanh nhàn¹⁰⁷ không đâu sánh được. Theo lời khuyên của mọi người, ta ra khỏi Obanezawa và đi ngược về phía trên, nhắm hướng ngôi chùa núi Ryuushakuji. Đoạn đường dài độ bảy “ri” (30 km). Vì hãy còn thời giờ trước khi mặt trời khuất bóng, giữ chỗ ở nhà trọ dành cho người chiêm bái ở trong xóm dưới chân núi xong, ta leo lên thăm tầng tầng đường trên đỉnh.

Địa hình nơi đó có những tảng đá lớn xếp chồng lên nhau, qua nhiều năm tháng, từng

¹⁰⁶ Jikaku daishi 慈覺大師, thụy hiệu của tăng Ennin 円仁 (Viên Nhân, 794-864), giáo tổ phái sơn môn tông Thiên Thai.

¹⁰⁷ Thơ Hàn San: Xuất gia yếu thanh nhàn. Thành nhàn tức vi quý (Hàn San thi)

và sỏi cỏ mọc um tùm. Đất và đá đã nhuộm màu rêu phong, mười hai cái điện con xây trên nền đá đều đóng cửa im lìm, không có lấy một tiếng động.

Khi thì đi vòng theo mặt ghềnh, khi thì bò trên đá, ta tới được chánh điện để chiêm bái. Cảnh sắc chung quanh vô cùng đẹp đẽ và thanh tĩnh làm ta không khỏi ngạc nhiên. Lạ thay, mọi thứ vương bận lòng trần đều như giữ sạch.

静かさや岩に浸み入る蟬の声

Shizukasa ya
Iwa ni shimiiru¹⁰⁸
Semi no koe

Tịch tịch quanh hiu sao,
Rền rĩ tiếng ve sâu.
Như thấm vào thớ đá

Lời Bình:

Sở dĩ Bashô đến thăm Ryushakuji (nay đọc là Risshakuji) vì nghe theo lời khuyên của Seifū. Lên đến trên núi, ông cảm thấy lòng lắng dịu, cả tiếng ve ran như làm tăng thêm sự thanh tĩnh của nơi đó¹⁰⁹. Chính ra lúc Bashô đặt chân đến chùa này, chỉ mới đầu mùa ve (sơ thiền) nhưng ông đã cường điệu như thế để tăng thêm hiệu quả sự tịch tịch của cảnh vật.

Jikaku Daishi (Tức Giác đại sư, 794-864) vốn người đầu đời Heian, là một cao tăng phái Tendai (Thiền Thai), pháp danh Ennin 円仁 (Viên Nhân). Đệ tử của khai tổ Saichō 最澄 (Tối Trừng), ông từng đi qua nhà Đường vào thời pháp nạn bên đó và để lại cuốn du ký nổi tiếng “Nhập Đường cầu pháp tuần lễ hành ký”. Đại sư đã tạo nên cơ sở cho sự phồn vinh của Hieizan, ngôi chùa có thực lực chính trị nhất đương thời. Con số chùa ông xây trên toàn quốc rất nhiều.

Trong phiên bản đầu tiên, Bashō đã viết là shimitsuku (tiếng ve thấm tới đá) nhưng sau ông sửa thành shimiiru (đi vào trong đá), như khoan cả đá, ngữ khí mạnh hơn. Tuy không phản ánh sự thực nhưng đã tạo nên một không khí nhuộm màu Thiền.

Đoạn 35: Mưa tháng năm. Dòng Mogami 最上川 (Mogamigawa 最上

¹⁰⁸ Bản giáo sư Ueda Makoto sử dụng viết là shimikomu 浸み込む thay vì shimiiru 浸み入る như bản được sử dụng ở đây. Tuy vậy nghĩa không khác bao nhiêu dù động từ komu mạnh hơn là iru.

¹⁰⁹ Xin tham khảo cổ thi. Thơ Vương Tịch: Thiên táo, lâm du tĩnh. Điều đề sơn cánh u (Ve ngâm, rừng lại vắng. Chim hót, núi thêm buồn). Đỗ Phủ: Phật mộc đình đình, sơn cánh u (Cây chặt vang vang, núi vắng thêm). Vương An Thạch: Điều bất đề, sơn cánh u (Không tiếng chim kêu, rừng vắng vẻ). Như vậy, lúc đến Risshakuji, Bashō có nghe được tiếng ve. Tuy nhiên, cái tịch tịch ở đây là chân tướng của thiên nhiên. Nó vượt lên trên sự có mặt hay không của mọi âm thanh.

川) nước xiết.

Định xuôi dòng Mogami (Tối Thượng Xuyên)¹¹⁰ xuống tận một nơi tên là Ôishida để chơi thuyền, chúng tôi đợi cho trời tạnh. Ở địa phương này, mầm giống của thơ haikai đã được gieo rắc, ngày nay người ta vẫn chưa quên thuở bắt đầu vàng son xưa. Những thú vui mộc mạc địa phương như nghe sáo lau và tù và (lô giác nhất thanh)¹¹¹ nhờ có haikai mà thanh nhã hơn lên.

Người ở đây bảo “Bọn chúng tôi mò mẫm mãi trên con đường làm thơ haikai nhưng bời rỗi không biết theo lối mới hay phải giữ lối cũ. Vì thiếu người chỉ dẫn thích đáng nên rất khổ tâm. Xin thầy giúp một lần!”. Thấy họ khẩn khoản, ta không nỡ từ chối, bèn soạn một quyển liên ngâm (renku) để lại. Chẳng ngờ chuyển lữ hành với mục đích tôi luyện thơ mình lại thành ra chuyển đi để chỉ dẫn cách làm thơ cho người khác.

Dòng sông Mogami vốn bắt nguồn từ vùng Ôshuu (Áo châu)¹¹², thượng lưu của nó nằm trong địa phận Yamagata. Ở trung lưu có những ngọn thác kinh hoàng như Goten và Hayabusa (thị trấn Murakami). Sau khi vòng qua phía bắc ngọn núi Itajiki, cuối cùng Mogami đổ ra biển ở Sakata.

Hai bên bờ sông, núi đồi như trùm lên và đuổi theo nhau. Thuyền chúng tôi xuôi dòng giữa những tàng cây xum xuê. Có những con thuyền như thế này ngày xưa chát đầy thóc lúa nên thơ xưa mới có chữ inabune (thuyền lúa, đạo thuyền)

Ngọn thác Shiraito (Bạch Ti) đổ xuống giữa ngàn lá xanh bờ phía bắc, Sennindô (Tiên Nhân Đường, tức đền thần Tôgawa) cũng được xây hướng về kè sông. Nước sông đầy ắp như lũ, thuyền về xuôi đi rất nhanh, cực kỳ nguy hiểm.

五月雨をあつめて早し最上川

*Samidare wo
Atsumete hayashi
Mogamigawa*

*Mogami chảy mạnh,
Tụ hết mưa mùa hạ,
Dòng nước lại thêm nhanh.*

¹¹⁰ Mogami là tên dòng họ cai quản ở đây nhưng có nghĩa là nơi cao nhất.

¹¹¹ Hán Hòa Lăng Vịnh Tập, phần nói về Ôe Tomotsuna có câu: Hồ giác nhất thanh sương hậu mộng. Hán cung vạn lý nguyệt tiền trường (Vương Chiêu quân). Hồ giác và già địch nói lên không khí hoang dã nơi biên tái, thích hợp với vùng Oku.

¹¹² Địa danh Nhật Bản ngày xưa thường được gọi một cách bóng bẩy là “châu” như bên Trung Quốc.. Ví dụ vùng Nagano là Tín châu (Shinshuu), Kai thuộc Yamanashi là Kôshuu (Giáp châu), Niigata, Toyama, Fukui là Việt châu (Esshuu)



Dòng nước lại thêm nhanh

Lời Bình:

Trong khi đợi một ngày nắng lên để xuôi dòng Mogami chơi thuyền, Bashô được người dân địa phương mời chỉ dẫn cho họ về cách làm thơ. Dĩ nhiên lòng ông rất vui vì có dịp truyền bá phong cách thơ mình đến tận nơi xa xôi này.

Con sông Mogami, nếu chỉ nhìn thì không nói gì chứ đi thuyền thì lại là một chuyện khác. Thường ngày nó đã chảy xiết (một trong “tam đại cấp lưu” của Nhật Bản), nay lại tụt hết nước mưa mùa hạ thì việc xuôi dòng sông là nguy hiểm biết chừng nào! Goten (Vây điềm) ý nói đây đó trên dòng sông có những tảng đá sắp như quân cờ vây (go). Hayabusa là tên một loại chim ưng, ý nói nước chảy nhanh như chim ưng chim cất bay hay như tên bắn. Chúng là hai trong nhiều địa điểm nguy hiểm trên sông Mogami.

Sennindô (Tiên Nhân Đường) tức đền thần Tôgawa (Ngoại Xuyên thần xã), nơi thờ phượng Hitachibô Kaison, một gia thần của Yoshitsune. Mới biết lòng Bashô như không lúc nào quên hình ảnh những trung thần nghĩa sĩ.

Lúc đầu, trong bài thơ, Bashô đã dùng chữ *suzushi* (mát) nhưng sau ông đã chữa thành *hayashi* (nhanh) cho hợp với bản chất của sông Mogami. Kigo của bài thơ là *sumidare* (mưa tháng năm, mưa dầm mùa hạ) chỉ mùa hạ. Atsumete đến từ động từ atsumeru là “gom, tụ họp” nhưng ẩn ý “nóng” (*atsui*).

Xin giới thiệu 3 bài thơ xưa liên hệ đến 3 địa danh:

Về núi Itajiki (**Itajikiyama**);, trong Fuboku Wakashuu¹¹³ có bài:

みちのくに近き出羽の板敷の山に年ふる我ぞわびしき

Michinoku ni
Chikaki Idewa no

¹¹³ Thi tuyển thơ waka tư nhân gồm 30 tập 17.350 bài các đời từ Manyô.shuu do Fujiwara no Nagakiyo soạn khoảng năm 1310. Fuboku (Phù Mộc) đồng nghĩa với Phù Tang, chỉ nước Nhật.

Itajiki no
Yama ni toshi furu
Ware zo wabishiki

Ở xứ Idewa,
Gần Michinoku,
Nơi núi giăng trùng điệp
Già lần theo tuổi tác,
Hỏi ai buồn hơn ta.

Itajiki (ita- = tâm ván, shiki = lột, trải ra) ám chỉ núi giăng ra trùng điệp.

Thuyền tải thóc (**Inabune**) được nói đến trong một bài Azumauta chép ở Kokin Wakashuu:

最上川のぼればくだる稲舟の稲にはあらずこの月ばかり

Mogamigawa
Noboreba kudaruru
Inabune no
Ina ni wa arazu
Kono tsuki bakari

Dòng Mogami nước xiết,
Thuyền thóc phải lùi về.
Đâu vì ta từ chối,
Gạo tải lên cho mình,
Riêng tháng này hãy đợi.

Tác giả chơi chữ ở đây vì ina (稲 thóc lúa) còn có nghĩa khác là ina (否 không nhận).

Thác Bạch Ti (Shiraito no taki), một trong 18 thác hiểm của dòng Mogami, liên quan đến bài thơ sau đây ghi lại trong Fuboku Wakashuu:

最上川滝の白糸くる人のここによらぬはあらじとぞ思う

Mogamigawa
Taki no shiraito
Kuru hito no
Koko ni yoranu wa
Araji to zo omou

Shiraito cao,,
Thác như tơ cuộn trắng.
Ai người đi qua đây
Mà không dừng bước lại,

Khi lòng đã vương tơ.

Đoạn 36: Dewa tam sơn: ngọn Haguroyama (Dewa sanzan, Haguroyama (出羽三山 : 羽黒山))

Ngày 3 tháng 6 (19 tháng 7 âm lịch) chúng tôi trèo lên ngọn Haguro. Khi đến thăm Zushi Sakichi (bút hiệu haikai là Rogan tức Lã Hoàn), qua lời giới thiệu của anh, được gặp người giữ đền Haguro Gongen (tức đền thần đạo Dewa) là Egaku Ajari. Thầy Egaku cho chúng ta trú tại biệt viện Minamidani (Nam Cốc), tiếp đãi chúng ta nồng hậu, chân tình.

Qua hôm sau, mùng 4, thầy tổ chức một buổi hội thơ liên ngâm (renku) khu tăng phòng chính ngay nơi thầy ở. Vào dịp này, ta đóng góp một câu hokku (thơ mào đầu) như sau:

ありがたや雪をかおらす南谷

Arigata ya
Yuki wo kaorazu
Minamidani

Viện Nam, trong lũng sâu,
Thanh tĩnh, quý làm sao,
Gió hè hương tuyết đượm¹¹⁴.

Đến ngày mùng năm chúng tôi chiêm bái đền Haguro Gongen. Vị tổ sư đã khai sơn ngọn Haguro là ngài Nōjo Daishi (Năng Dur đại sư, tức Hachiko no Miko, hoàng tử con thứ ba của thiên hoàng Sushun), không rõ là người thuộc thời đại nào¹¹⁵. Quyển sách ghi chép pháp lệnh cách thức đời Heian tên là Engishiki (延喜式 Diên Hỷ thức) có nhắc đến đền thần Ushuu Satoyama 羽洲里山 (Vũ châu Lý sơn), và có lẽ đã nhầm khi viết chữ Hắc 黒 thành chữ Lý 里. Hoặc họ đã lược bớt mất chữ Châu 洲 nên chỉ còn lại Vũ Hắc Sơn 羽黒山! Nhân đây nói thêm là theo sách Fudoki (風土記 Phong Thổ Ký), tên đất Dewa 出羽 (Xuất Vũ) đến từ việc người vùng này dùng lông chim như là hiện vật để đem cống cho triều đình.

Ngọn Haguroyama hợp với Gassan và Yudonoyama thành ra tam sơn của đất Dewa. Còn đền Haguro Gongen này thì phụ thuộc vào chùa Tô-Hieizan Kaneiji (Đông Tĩ Duệ Sơn Khoan Vĩnh Tự)¹¹⁶.

¹¹⁴ Thành ngữ xưa: Huân phong tự nam lai. Hô ứng với Minamidani (Nam Cốc).

¹¹⁵ Thiên hoàng Sushun (Sùng Tuấn, tại vị 587-592), con trai Thiên hoàng Kinmei (Khâm Minh), nên con ông, đại sư Jikaku có thể là người khoảng cuối thế kỷ thứ 6 đầu thứ 7.

¹¹⁶ Chùa ở Edo vùng Musashi (tức ngôi chùa tổng bản sơn giáo phái Thiên Thai như Hieizan nhưng nằm ở Ueno khu Taitô thủ đô Tôkyô bây giờ)

Lời giáo huấn về sự giác ngộ của tông Thiên Thai (Thiên Thai chỉ quán) trong trẻo như ánh trăng vắng vạc. Giống những ngọn đèn được trăng kia góp thêm ánh sáng, chư Phật pháp khi được đất này chiếu rọi đều trở thành viên mãn (viên đốn dung thông). Khu nhà dành cho khách hành hương ở được dựng san sát bên nhau là một sự khuyến khích đối với họ. Lợi ích của chốn linh sơn linh địa này thực cao vời. Đứng trước nó, người ta vừa tôn quý vừa kính sợ. Ta nghĩ cảnh phồn vinh của ba ngọn núi thiêng đất Dewa sẽ mãi mãi bất diệt. Có thể nói là một cảnh núi thiêng không nơi đâu hơn.

Lời Bình:

Zushi Sakichi là môn sinh của Bashô, biệt hiệu Rogan (Lã Hoàn, có nơi viết Lộ Hoàn), vốn làm nghề thợ nhuộm.

Bashô đã dẫn các sách cổ như Engishiki và Fudoki nhưng khi tra cứu, người ta không tìm ra các chi tiết ông đã nêu trong đó. Có lẽ ông nhớ nhầm hay người ta đã truyền lại cho ông một cách không chính xác.

Về tên ba hòn núi, có ngọn đọc là yama (Haguroyama, Yudonoyama), có ngọn đọc là san (Gassan) không thống nhất. Trong haikai, người ta thường đọc là yama uyển chuyển hơn nhưng cả ba ngọn núi, trên thực tế, đều được đọc là san.

Nhân đây xin cho biết là Haguroyama chỉ cao 410m. Hai quả núi kia lớn hơn (Gassan 1984m và Yudonoyama 1500m). Do đó, trong văn bản, Bashô mới nói rằng ông từ Gassan đi xuống Yudonoyama.

Bashô đáp lễ Egaku Ajari một cách nồng nhiệt. Lời văn tán tụng quá mức nhưng chúng ta hiểu phải cho ông vì vào thời ấy, sự kết hợp Thần đạo và Phật giáo còn rất chặt chẽ và là yếu tố an định tâm linh và xã hội Nhật Bản, không như từ Meiji về sau khi nhà nước cổ võ phong trào bài báng Phật giáo và nâng cao Thần đạo cho mục đích chính trị.

Minamidani là một biệt viện nằm sâu trong núi nên có thể là nơi tuyết tàn còn đọng dù đã sang hè. Kigo của bài thơ là kaze kaoru (gió mát đưa hương tuyết) chỉ mùa hè.

Đoạn 37: Dewa tam sơn: Gassan và Yudonoyama (Gatsan, Yudonoyama 出羽三山 : 月山、湯殿山)

Mùng 8 tháng 6, chúng tôi lên ngọn Gassan. Quán trên cổ chiếc vòng bằng vỏ cây dâu làm giấy (kôzo = paper mulberry) làm vật trừ tà, đầu bịt khăn hôkan (khăn của nhà tu bằng vải trắng), nhờ một anh hướng đạo tên Gôriki (Cường Lực) dẫn đường, cả đoàn nhắm đỉnh núi tiến lên. Vì mây che sương phủ nên chúng tôi phải đạp lên băng tuyết đi mất hơn 8 “ri” (30 km). Càng đi càng thấy nơi đây giống cái ải mây được đặt ra kiểm soát đường qua lại của mặt trời mặt trăng. Hơi thở như muốn đứt, thân thể lạnh cóng, mãi mới đến được tới đỉnh. Mặt trời lặn dần và vàng trắng nhú lên. Trong túp lều của người leo núi, chúng tôi trải lá tre lùn làm giường và gộp mấy ông trúc thay gối nằm

tạm, chờ cho ngày rạng sáng. Rớt cuộc, mặt trời lên cao, mây tan đi, chúng tôi xuống phía ngọn Yudono bên cạnh.

Dọc đường, ở một góc núi thấy có một mái nhà nhỏ mang tên Tajikoya (Lều thợ rèn). Nhớ xưa, đất Dewa này có người thợ rèn tên gọi Gassan vì muốn kiếm nước thiêng nên đã lần mò đến đây, dùng nó tẩy uế tâm hồn và thân thể để rèn đao kiếm quý. Rớt cuộc người đó đã đúc được thanh bảo kiếm Gassan (Nguyệt Sơn), được đời khen ngợi. Nó làm ta nhớ lại truyện bên Trung Quốc thời cổ, có cặp vợ chồng người đúc kiếm lao khổ dùng nước thiêng ở suối Long Tuyền để làm ra hai thanh Can Tương và Mạc Da¹¹⁷. Lòng ta càng thêm thấm thía sự nỗ lực của con người trên con đường phát triển nghệ thuật.

Vừa ngồi xuống tảng đá để nghỉ ngơi đôi chút, mắt ta chợt thấy có một cây anh đào nhỏ, cao không hơn 3 “shaku” (1m), hoa đang hé nụ nửa chừng. Dù chôn vùi trong tuyết giá giữa chốn thâm sơn này mà cây anh đào muôn (osozakura) này vẫn bền bỉ làm sao, quyết ra hoa mỗi độ xuân về. Trong ngôn ngữ nhà Thiền có câu “viêm thiên mai hoa” nghĩa là hoa mơ nở thêm giữa mùa hè¹¹⁸. Cây anh đào đang nở hoa và tỏa hương trước mắt ta thật có khác chi.

Ta lại nhớ tâm tình của vị cao tăng là ngài Gyōson Sōjō (Hành Tôn tăng chính)¹¹⁹ vào cuối đời Heian khi bất ngờ bắt gặp cây anh đào ra hoa trên ngọn Ōmine (chốn linh địa của các du tăng, thuộc tỉnh Nara) đã có thơ vịnh về nó¹²⁰. Nhân thế mà ta thấy những đóa anh đào đang hé nụ trước mặt mình càng đẹp thêm gấp bội.

Ta không rõ chuyện trong núi Yudonoyama bởi vì qui luật của tăng du hành là kín tiếng, kín miệng. Xin dừng bút ở đây, không viết thêm gì về nó nữa.

Thế rồi, khi về đến nhà trọ ở Minamidani, thể theo lời yêu cầu của thầy Egaku, ta có viết mấy bài thơ ngắn nói lên cảm tưởng cuộc thăm viếng tam sơn:

涼しさやほの三日月の羽黒やま

Suzushisa ya
Hono mikadzuki no
Haguroyama

Ôi mát mẻ làm sao,
Trăng liềm buông ánh nhạt,

¹¹⁷ Chuyện xảy ra cuối đời nhà Chu, người thợ rèn Can Tương và vợ là Mạc Da đã vào núi Ngô Sơn để đúc cặp thư hùng kiếm cho vua nước Sở (theo Ngô Việt Xuân Thu).

¹¹⁸ Cổ thi có câu: Tuyết lý ba tiêu Ma Cật họa. Viêm thiên mai nhị Giản Trai thi (theo Thiền Lâm Cú Tập, một tác phẩm nằm lòng của Bashō). Ma Cật là Vương Duy, Giản Trai thì người dịch chưa rõ là ai.

¹¹⁹ Gyōson (1055-1135), tăng vân du Hành Tôn, chức đại tăng chính, tọa chủ phái Thiên Thai.

¹²⁰ Thơ trong Kinkaishuu (Kim Hoè Tập). Cũng là bài 66 trong Hyakunin Isshu: Moro tomo ni / Aware to omoe / Yamazakura / Hana yori hoka ni / Shiru hito mo nashi. NNT đã dịch và cho lên mạng: Hỡi cây anh đào núi, / Có thấu đến tình ta? / Gọi nhau bằng tri kỷ, / Ai ngoài đôi mình ra. Thơ Gyōson.

Trên núi Haguro.

雲の峰いくつ崩れて月の山

*Kumo no mine
Ikutsu kudzurete
Tsuki no yama*

*Mây mùa hạ dần tan,
Ánh trăng liềm tỏa nhẹ,
Lâm lộ đỉnh Gassan.*

語られぬ湯殿にぬらず袂かな

*Takararenu
Yudono ni nurasu
Tamoto kana*

*Được tắm trong huyền bí
Trên núi Yudono,
Lệ cảm đầm tay áo.*

(Sora có thơ):

湯殿山銭踏む道の涙かな

*Yudono yama
Zeni fumu michi no
Namida kana*

*Tiền rơi không người nhặt¹²¹,
Đường lên Yudono,
Cảm động lệ tuôn rắc.*

Lời Bình:

Sau khi chiêm bái núi Haguro, Bashô tiếp tục lên Gassan - ngọn cao nhất - và sau cùng đi xuống phía Yudono. Ông như được tắm gội trong bầu không khí linh thiêng và mát mẻ của cả khu vực. Lúc nghỉ chân, ông nhớ lại chuyện người đúc kiếm báu thời xưa và vị tăng vân du gặp cây hoa anh đào nở muộn. Bài thơ ấy cũng đã được tuyển vào phần tập thi của Kinyô Wakashuu (Kim hòe Hòa ca tập) và trong Hyakunin Isshu (Bách nhân nhất thủ).

¹²¹ Lối vào núi Yudono có đặt một cái quán nơi khách hành hương phải để lại kim ngân tiền bạc, ăn mặc thật giản dị rồi mới được đi tiếp.

Ba bài thơ của Bashô dùng nhiều kakekotoba (chữ đồng âm dị nghĩa). Chẳng hạn mikadzuki (trăng mỏng ba, trăng liềm) thì chữ mi không có nghĩa là “ba” mà còn có nghĩa là “thấy” (miyuru, tiếng hiện đại là mieru). Haguro (Vũ Hắc) là tên núi còn có nghĩa là đen (kuro). Ông cũng sử dụng kỹ thuật engo (chữ gọi liên tưởng) như ghép Yudono (tên núi, buồng tắm) với nurasu (làm ướt), tamoto (tay áo). Tuy nhiên về nội dung thì chính thơ Sora mới sâu sắc. Trên đường lên Yudono, việc khách thập phương dẫm chân lên tiền bỏ rơi hay tiền cúng có nghĩa là họ muốn chứng tỏ mình đẹp được bỏ lòng tham kim ngân vật dục, còn lệ là giọt lệ cảm kích trước phong cảnh linh thiêng.

Suzushi (mát) trong bài thứ nhất, kumo no mine (đỉnh mây) bài thứ hai, Yudono mode (cuộc hành hương núi Yudono) bài thứ ba và thứ tư đều là những kigo dành cho mùa hạ. Hơn nữa, Yudono (Thang điện) không những là tên núi mà còn có nghĩa là “buồng tắm”.



Thi tăng Gyōson và bài thơ về cây anh đào núi của ông

Đoạn 38: Tsurugaoka, Sakata. Chiều mát rượi trên phố biển (Tsurugaoka, Sakata 鶴ヶ岡、坂田)

Lên đường từ núi Haguro, chúng tôi tiến về khu phố chợ dưới chân thành Tsurugaoka, được người võ sĩ của phiên Shōnai là Nagayama Juukō¹²² (Trường Sơn Trọng Hành) tiếp đón. Ta đã soạn một quyển liên ngâm (renku) ở phủ của ông. Anh Zushi Sakichi (nhân vật nói đến trong đoạn 35) cũng đã đến tận đây tiễn chân chúng tôi.

¹²² Một nhà thơ haikai thuộc phái Bashō.

Từ Tsurugaoka, lấy thuyền theo đường sông ra đến cảng Sakata. Ở Sakata, chúng tôi tạm trú tại nhà một y sư tên En.an Fugyoku (Uyên Am Bất Ngọc).

あつみ山や吹浦かけて夕涼み

*Atsumi yama ya
Fukuura kakete
Yuu suzumi*

*Từ núi Atsumi
Đến suốt bãi Fuku
Buổi chiều trời mát rượi*

暑き日を海に入れたり最上川

*Atsuki hi wo,
Umi ni iretari
Mogamigawa*

*Mogami đem theo
Oi bức một ngày hè
Trút tất cả vào biển.*

Lời Bình:

Thành phố Tsurugaoka là khu phố chợ của thực ấp được phong cho họ Sakai (lộc 14 vạn thạch thóc). Sau khi hoàn thành quyền liên ngâm 36 đoạn (kasen renku) ở phủ đệ phiên sĩ đất Shônai là Nagayama Juukô, thầy trò Bashô lấy thuyền ra cửa biển Sakata và dừng chân mấy hôm ở nhà viên y sư làm việc ở thị trấn là En.an Fugyoku 淵庵不玉 (Uyên Am Bất Ngọc, 1648-1697, tên thật là Itô Genjun 伊東玄順). Fugyoku là biệt hiệu làm thơ của ông và ông lại là môn nhân phái Bashô. Ở đây, Bashô có tham dự một hội bình thơ.

Trong bài thơ thứ nhất, Bashô đã chơi chữ. Vì Atsumiyama 温海山 (Ôn Hải Sơn) là tên núi nằm ở phía nam Sakata còn có nghĩa là nóng (暑い atsui) còn Fukuura 吹浦 (Xuy Phố) là tên bãi biển ở phía bắc thị trấn nhưng còn hàm ý là thổi (吹く fuku). Như vậy fuku và suzumi có liên hệ engo (chữ làm liên tưởng) với nhau. Do đó ta có thể tưởng tượng là hôm đó có gió thổi đến, xua cái nóng đi để tác giả cảm thấy hơi mát (suzumi) của mùa hè.

Kigo của 2 bài thơ là yuu suzumi (hơi mát buổi chiều) và atsuki hi (ngày nóng bức) đều chỉ mùa hè.

Đến Matsushima, Bashô chỉ làm được một bài thơ nhưng đứng trước dòng sông Mogami, Bashô làm những hai bài. Cái hùng vĩ của thiên nhiên miền Đông Bắc mà điển hình là con sông Mogami đã gây ấn tượng lớn cho con người vùng Kansai (nơi hầu như cái gì cũng chật hẹp nhỏ nhắn) là Bashô.

Đoạn 39: Đầm cạn Kisagata (Kisagata 象潟). Đảo Nôin và cây buồn ngủ.

Cho đến nay, ta từng được du ngoạn biết bao nhiêu nơi sơn thanh thủy tú nhưng bây giờ phong cảnh đầm cạn Kisagata (thời nay đọc là Kisakata) lại thôi thúc lòng mình muốn lên đường. Từ cảng Sakata tiến về phía bắc mất 10 “ri” (40km), ta hết vượt núi lại men theo bờ biển nơi có nhiều đụn cát¹²³. Khi ta đến một nơi tên Shiogoshi¹²⁴, ngày đã ngả bóng chiều, gió triều mặn bắn tung cát lên và mưa rơi mù như khói giăng, che khuất cả ngọn núi Chôkaisan (Điếu Hải Sơn). Như cho tay mò mẫm trong bóng tối, ta thử hình dung cảnh sắc đẹp để hiện đang vui trong cơn mưa và có cái thú lạ là phỏng đoán khi mưa tạnh nó sẽ ra thế nào. Vừa hồi tưởng đến những câu thơ trong bài Tây Hồ¹²⁵ của Tô Đông Pha, ta lom khom chui vào căn lều thấp lè tè của một người đánh cá, chờ cho mưa tạnh.

Ngày hôm sau trời bất chợt hừng nắng, vàng dương lại ló dạng, ta mới lên thuyền ở Kisagata. Trước tiên neo lại, ghé Đảo Nôin, thăm vết tích chốn xưa cao tăng Nôin đã 3 năm sống đời ẩn dật (tam niên u cư), thế rồi qua bờ bên kia, leo lên đất liền, nơi có cây anh đào già (Saigyôzakura) mà cao tăng Saigyô cũng từng ngâm câu “Thuyền ai câu cá, Chèo lướt trên hoa”.

Bây giờ cây anh đào già ấy hãy còn đó như thể lưu lại kỷ niệm của vị cao tăng. Bên bờ nước có một ngôi lăng, người ta bảo đó là mộ Hoàng Hậu Jinguu (Thần Công)¹²⁶. Lại biết thêm tên ngôi chùa ở đó là Kanmanchui (Can Mãn Châu Tự) (nay viết là Hàm Mãn Tự)¹²⁷.

¹²³ Ý nói đụn cát (sa khâu). Thơ vịnh Tây Hồ có câu: Tây Hồ thập lý ngân hoành tà. Ôn đáp thanh hải bộ nhuyễn sa (Mông Cầu).

¹²⁴ Shiogoshi 汐越, nghĩa là “ngọn triều đổ đến”, một địa danh nơi người ta sống bằng cách lấy nước triều làm muối.

¹²⁵ Đây là Tây Hồ bên Trung Quốc, có thập cảnh, ở Hàng Châu. Tô Đông Pha có câu: Thủy quang kiêm lệ tình thiên hảo. Sơn sắc mông lung, vũ diệp kỳ. Nhược bả Tây Hồ tị Tây Tử. Đạm trang nồng mật lưỡng tương nghi. Sách Ngạn từng viết: Dư Hàng môn ngoại nhật tương phô. Đa cảnh mông lung, nhất cảnh vô. Âm đắc vũ kỳ, tình hảo cú. Âm trung mô sách thức Tây Hồ (Văn quá Tây Hồ). Cả hai đều thấy chép trong tác phẩm gọi là Liên châu thi cách. Có lẽ Bashô mượn ý từ tác phẩm này để nói lên rằng cảnh Kisagata cũng như Tây Hồ lúc tạnh hay mưa đều có vẻ đẹp riêng cũng như nàng Tây Thi dù lúc vui hay buồn.

¹²⁶ Jinguu kôgyô 神功皇后 (Thần Công Hoàng Hậu), trang nữ lưu vũ dũng thời cổ đại, có tính truyền thuyết, từng thay chồng cử binh đi đánh Tân La (một nước trên bán đảo Triều Tiên). Có nơi chép là đánh Kudara (Bách Tế) cũng trên bán đảo ấy. Nói chung là cuộc viễn chinh đánh 3 nước Hàn (Tam Hàn chinh phạt).

¹²⁷ Kanmanshuu Can mãn châu 干満洲 (Gò nổi nơi triều lên triều rút) nay viết là 蚶満珠 (Hàm mãn châu) mà “hàm” có nghĩa là con sò huyết (akagai). Một ngôi chùa đã được dựng lên trên đó để tưởng nhớ

Cuốn rèm lên và ngồi xuống bờ đoàn để ngắm xem sao thì phong cảnh cả một vùng Kisagata đã ngập đầy đôi mắt. Phía nam, ngọn Chókaisan như thể chống trời, bóng của nó in xuống dòng nước nơi cửa sông, phía tây là một cửa quan hiểm trở chắn ngang tầm mắt, phía đông có xây một con đê nối với tuyến đường đi Akita, phía bắc đối mặt với biển Nhật Bản. Nơi sóng từ trùng khơi đánh vào là cửa sông mang tên Shiogoshi. Vùng cửa sông ấy ngang dọc mỗi bên rộng độ một “ri” (4km), hao hao như Matsushima vậy. Khác chăng là ta cảm thấy cảnh vật Matsushima sáng sủa tươi cười, trong khi Kisagata lạ như đắm chìm trong tư lự. Có thể nói thêm là cô quạnh bi ai. Không khỏi liên tưởng đến một trang mỹ nhân đang có nỗi thương tâm!

象瀧や雨に西施がねぶの花

Kisagata ya
Ame ni Saishi ga
Nebu no hana¹²⁸

Đầm Kisagata
Hoa hợp hoan mưa trầu,
Nặng mặt sầu Tây Thi¹²⁹.

汐越や鶴脛ぬれて海涼し

Shiogoshi ya
Tsuru hagi nurete
Umi suzushi

Bãi Shiogoshi
Cò nhúng chân nước cạn,
Biển chiều mới mát sao!

象瀧や料理何食う神祭り

Kisagata ya
Ryôri nani kuu
Kami matsuri
(thơ Sora)

Ở Kisagata
Gặp ngay mùa lễ hội

dấu vết hành cung Hoàng hậu Jinguu hồi ở Kisagata đợi nước triều dâng để xuất quân.

¹²⁸ Hoa của một loại cây cao, gỗ có thể đem làm dụng cụ. Hoa màu hồng, quí ngữ (kigo) của mùa hạ. Cây này còn được gọi là nemu no ki (cây buồn ngủ), tiếng Anh là silk tree (cây lụa), viết âm Hán là hợp hoan

mộc 合歡木. Cây này gặp mưa thì lá xếp cánh lại như người buồn ngủ.

¹²⁹ Tương truyền Tây Thi mặt càng u sầu càng thêm đẹp, những ai muốn bắt chước đều thất bại.

*Biết nấu gì để ăn?*¹³⁰

蟹の家や戸板を敷きて汐涼み

*Ama no ya ya
To ita wo shikite
Yuu suzumi
(thơ Teiji, nhà buôn đất Mino)*¹³¹

*Nơi nhà người đánh cá,
Cửa gỗ trái ngoài ngõ
Buổi chiều mát biết bao!*¹³²

波超えぬ契りありてみさごの巢

*Nami koenu
Chigiri arite ya
Misago no su
(thơ Sora)*

*Tổ cheo leo trên đá,
Nơi sóng không tới nổi.
Tin nhau, cặp tu hú.*

Lời Bình:

Vùng đất trũng Kisagata, nhiều đầm cạn và đảo con, được xem như một thắng cảnh phía biển Nhật Bản, ngang ngửa với Matsushima bên phía Thái Bình Dương. Chờ mãi mới có dịp đến Kisagata, ta hiểu tâm trạng của Bashô như thế nào!

Tăng Saigyô đi nhiều, có lần qua vùng Kisagata và đời truyền tụng ông có vịnh cảnh như sau:

象潟の桜は波に埋もれて花の上に漕ぐあまの釣り船

*Kisagata no
Sakura wa nami ni
Uzumorete
Hana no ue kogu*

¹³⁰ Trong các buổi tế thần, thức ăn thường chay tịnh, kiêng cá kiêng thịt. Vì lễ hội liên tục nhiều ngày (8 ngày 8 đêm) nên tác giả (người thành phố) tự hỏi phải ăn uống làm sao đây. Tuy nhiên có thuyết cho là lúc ấy, để cúng Hoàng Hậu Jinguu hay những vị thần cổ đại thì phải nấu thức gì cho thích hợp với người xưa.

¹³¹ Teiji (Đê Nhĩ), tên thật là Miyabe Yazaburô, một nhà buôn bán lớn, hay đi lại các địa phương. Theo Nhật ký đi đường của Sora, ông có viết giấy giới thiệu hai thầy trò tìm nhà trọ.

¹³² Cánh cửa dùng để che mưa nhưng vì nghèo quá thì khi trời nóng phải gỡ ra dùng làm chiếu để sinh hoạt ngoài trời, một công đôi chuyện.

Ama no tsuribune

Những đóa anh đào,
Kisagata
Vùi trong sóng nước,
Thuyền ai câu cá,
Chèo lướt trên hoa.

Có điều là không thấy bài này trong thi tập của Saigyô.

Đoạn Bashô nói ông vào “túp lều của người đánh cá” để tránh mưa, có lẽ đã liên tưởng tới áng thơ xưa của tăng Nônin, người từng sống ở Kisagata mấy trăm năm về trước. Bài ấy như sau và đã được tuyển vào Go Shuui Wakashuu (Hậu thập di Hòa Ca tập) phần Lữ hành.:

世の中はかくても経けり象潟のあまのとま屋我が宿にして

Yo no naka wa
Kakute mo hekeri
Kisagata no
Ama no tomaya wo
Wa ga yado ni shite

Đời thế nào đi nữa,
Cũng phải sống cho qua.
Lều của người đánh cá,
Ở Kisagata
Muốn xin làm chỗ trọ.

Không nói cũng hiểu, hình ảnh người đánh cá (ngư phủ) áo toi nón lá trong cỏ vắn là kẻ đi ở ẩn, tuy sống cơ cực nhưng phóng túng, không bị ràng buộc.

“Vũ quá thiên tình”, hết mưa trời lại đẹp, đúng như người ta nói. Ở Kisagata, Bashô sau khi được viếng thăm di tích của Tăng Nônin và Tăng Saigô, Hoàng hậu Jinguu...còn có dịp so sánh cái đẹp buồn thương của nơi này với cái đẹp rạng rỡ của Matsushima. Năm 1804, hơn một thế kỷ sau khi Bashô mất, một trận động đất lớn thay đổi bộ mặt của vùng Kisagata: nhiều ngọn đồi con đã mọc lên giữa vùng đất bằng. Dù vậy, đảo Nônin và đảo Hatsushima nơi có chùa Kanmanshuuji hãy còn tồn tại.

Nebu trong bài thơ thứ nhất có lẽ đến từ từ “nemu” tức buồn ngủ (hai âm b/m vốn gần nhau). Cây này lá như lông vũ, hoa màu hồng nhạt nở vào đầu mùa hạ, rất đẹp, so sánh với mỹ nhân cũng đáng. Bài thơ cuối của Sora nói lên tình yêu vợ chồng đơn sơ mộc mạc của giống chim tu hú (chữ Hán viết là thư cưu 雉鳩), từng được nhắc đến trong Kinh Thi như đôi vợ chồng tương đắc (Quan quan thư cưu, Tại hà chi châu...). Vùng biển bắc nhiều sóng gió nên chúng phải làm tổ trên đá cao vốn cheo leo, đánh cuộc với sự hiểm nghèo. Nó gợi ta nhớ lời thề chung thủy của đôi trai gái trong bài thơ viết về

Sue no Matsuyama.

Kigo của 4 bài thơ từ nebu no hana (hoa cây lùa, cây hợp hoan, cây buồn ngủ), kami matsuri (lễ tế thần), yuu suzumi (hơi mát buổi chiều), misago no su (tổ chim tu hú) đều liên quan đến mùa hạ.



Hoa nebu (hợp hoan) hay hoa cây buồn ngủ (nemu)

Đoạn 40: Đường về Echigo (Echigoji 越後路)

Chưa cạn hết tâm tình với những người bạn thơ ở Sakata, ta hãy còn luyến tiếc, nhưng tháng ngày chồng chất, đành phải rời chân. Lại cất bước lữ hành, nhắm hướng bầu trời mây giăng¹³³ của miền Hokuriku đi tới. Cứ nghĩ đến quãng đường trước mặt còn xa mà lòng nặng trĩu. Nghe nói đến được thị trấn Kanazawa xứ Kaga phải còn đi những 130 “ri” (520 km) nữa cơ.

Nếu vượt cửa quan Nezu (thị trấn Tsurugaoka, tỉnh Yamagata) là đạp được chân lên đất Echigo (tỉnh Niigata). Nhưng trong người phấn chấn, chúng tôi lại đổi hướng, tiến về xứ Etchuu (tỉnh Toyama) rồi mới tới ải Ichiburi (thị trấn Itoigawa tỉnh Niigata, Echigo). Trong suốt 9 hôm hành trình đó, vì nóng bức và mưa nhiều, ta quá mệt mỏi nên bệnh cũ tái phát, không sao cầm lấy bút ghi được một dòng.

文月や六日も常の夜には似ず

Fumizuki ya
Muika mo tsune no
Yo ni wa nizu

Tháng bảy tháng mưa Ngâu,
Nên cái đêm mừng sáu,
Cũng thấy khác đêm thường¹³⁴.

¹³³ Đào Uyên Minh: Dao dao vọng bạch vân (Họa Quách chủ bạ)

¹³⁴ Đêm Thất tịch (mùng 7 tháng 7) Khiên Ngưu sẽ gặp được Chức Nữ (nhị tinh tương phùng). Đêm đợi chờ nôn nả trước đó phải khác những đêm thường là chuyện dĩ nhiên. Điều này đúng cho cả hai ngôi sao

荒海や佐渡に横たう天の河

Araumi ya
Sado ni yokotau
Amanogawa

*Bên biển gầm sóng dữ,
Giải Ngân Hà bắc ngang,
Đến tận đảo Sado¹³⁵*

Lời Bình:

Vùng Hokuriku (Bắc Lục) gồm bảy xứ (Wakasa, Echizen, Kaga, Noto, Etchuu, Echigo, Sado) có Hokurikudô (Bắc Lục Đạo) tức tuyến đường chính chạy dọc Biển Nhật Bản, ngày nay vùng này tương ứng với 4 tỉnh Fukui, Ishikawa, Toyama và Niigata. Tuyến đường này còn có tên là Echiji (Việt Lộ).

Bài thơ về giải Ngân Hà có thể xem như một tiếng kêu thống thiết (tuyệt xướng) duy nhất trong Oku no hosomichi, vừa hùng tráng vừa sầu thương. Sado có nhiều mỏ quý kim nên những người phiêu bạt còn ra đây khai mỏ. Sado còn nổi tiếng là nơi lưu đầy tội đồ, trong đó có những thi nhân, cao tăng, nhà nghệ thuật và danh tướng, kể cả Thiên hoàng nữa. Họ đều là những người sống cuộc đời sôi nổi nhưng thiếu may mắn. Trong đêm Thất tịch, Bashô như Khiên Ngưu ngóng về Sado, hòn đảo tượng trưng cho Chức Nữ. Bashô không thể đến đảo Sado được, phải chăng chỉ có giải Ngân Hà lặng lẽ nhưng rộng lớn mới bắc được nhịp cầu cho những người đang chịu cái số ngăn chia!

Fumigetsu (tháng 7 âm lịch) trong bài thứ nhất và Amanogawa (giải Ngân Hà) trong bài thứ hai đều là kigo của mùa thu.

Đoạn 41: Cửa quan Ichiburi: du nữ, trăng và hoa hagi (市振 : 遊女と萩と月)

Vì mệt lã sau khi vượt qua đoạn đường nổi tiếng hiểm trở, nơi cha con mạnh ai nấy đi, chó ngựa đều phải bỏ chủ tháo lui¹³⁶, hôm nay chúng tôi đi ngủ sớm, vừa sập tối đã kéo gối chăn xuống đặt lưng.

Vừa nằm xong thì trong gian buồng cách bên và hướng về phía mặt đường có tiếng đàn

trên trời cũng như những người đang chuẩn bị lễ hội.

¹³⁵ Có thuyết cho rằng biển mùa hạ ở Sado không có sóng dữ. Sóng dữ ở đây chỉ nói bóng bẩy về thời thế. Và phải chăng thâm ý của Bashô là sự giao cảm của ông với những kẻ từng bị lưu đầy trên đảo ấy và có tiếng tăm trong lịch sử (đại tội triều địch viễn lưu địa) như Thiên hoàng Juntoku, (1221) tăng Nichiren (1271), đại thần Hino Suketomo (1324), và soạn giả kịch Nô Zeami (1434).

¹³⁶ Nhưng cũng là địa danh trên thực tế, theo thứ tự Oyashirazu, Koshirazu, Inumodori, Komagaeshi.

bà vọng tới. Hình như là hai người nhưng tiếng của họ lại lẫn thêm một giọng đàn ông đứng tuổi. Nghe câu chuyện ba người thì mới biết hai cô là gái hát rong xuất thân ở Niigata xứ Echigo.

Hai cô định đi hành hương Đền Ise¹³⁷ cho nên người đàn ông mới hộ tống đến cửa quan Ichiburi. Nhân vì ngày mai, anh ta sẽ quay về làng cũ ở Niigata, hai cô mới viết một phong thư để nhắn chút tin cho gia đình.

Ta nghe tiếng các cô than thở là ở con phố biển sóng đánh bạc đầu¹³⁸, cái thân hát rong cũng thành luân lạc, chẳng khác nào đứa bé làng chài không một mái nhà. Đêm đêm còn phải gửi thân cho khách làm kẻ mưu sinh mỗi ngày, có phải là để trả báo những lỗi lầm đã tạo ra trong kiếp trước hay không¹³⁹, thân phận thật quá bi đát! Nghe đến đây, vì quá mệt, không biết ta đã đi vào giấc ngủ tự khi nào.

Sáng hôm sau, vừa bước ra cửa nhà trọ thì hai cô gái ấy tìm đến, méo máo với chúng tôi: “Bọn em không rành đường đất nên hết sức lo buồn. Nếu được, xin các thầy cho phép núp bóng đi theo sau không cho ai thấy, dù có cách nhau một quãng cũng được. Các thầy hãy rủ lòng bỏ tát giúp cho, để bọn em được có cái duyên với cửa Phật”.

“Tôi nghiệp cho các cô quá thể nhưng bọn chúng tôi cũng là kẻ rày đây mai đó, chưa định đi về hướng nào. Nếu kiếm ra người bạn đường không ghé dọc đường mà cùng đi thẳng một lèo về Đền Ise thì với sự phù hộ của ngài Amaterasu (Thiên Chiếu Đại Thần = Nữ thần Thái Dương), các cô cũng sẽ đến nơi bình yên vô sự thôi!” Sau khi từ chối họ thẳng thắn như vậy rồi, chúng tôi bước đi mà trên đường cứ chạnh lòng thương cảm số phận hai cô mãi không thôi.

一つ家に遊女も寝たり萩と月

Hitotsuya ni
Yuujo mo netari
Hagi to tsuki

Qua đêm mình chung nhà,
Cùng hai cô hát rong,
Như trăng, hoa hagi.

Lời Bình:

Ở cửa quan Ichiburi, tình cờ thầy trò Bashô gặp hai người con gái hát rong. Sáng hôm sau, được họ xin đồng hành, ông đã thẳng thắn từ chối dù biết như thế sẽ làm tổn

¹³⁷ Ngày xưa, người Nhật có tục lệ phải hành hương ở Đền Ise một lần trong đời vì đó là thánh địa số một của Thần đạo. Năm ấy có lễ “thiên cung” đặt thần cung ra ngoài đền tạm để sửa đền chính nên có nhiều khách đến chiêm bái.

¹³⁸ Câu này lấy cảm hứng từ Hòa Hán lãng vịnh tập.

¹³⁹ Tôi và nghiệp. Dựa trên đoạn nói về kiếp sống của các nàng du nữ trên bến sông ở Eguchi thấy trong Senjuushô (Soạn Tập Sao), tác phẩm giai thoại Phật giáo có từ đời Kamakura và truyền thuyết Phổ Hiền bồ tát đã hóa thân thành gái làng chơi để khai ngộ cho tăng Saigyô..

thương tình cảm hai cô.

Đường đi đến ải Ichiburi rất hiểm trở, biển sóng dữ, ghềnh đá cheo leo, địa danh thật lạ lùng. Bộ hành “không biết cha, không biết con”, mạnh ai lo lấy thân. Chó ngựa là những con vật trung thành mà cũng thấy kệ chủ, không theo chân được, phải quay về.

Câu chuyện gặp hai cô gái hát rong chỉ có trong Oku no hosomichi nhưng không thấy ghi lại trong Nhật ký tùy tùng của Sora dù ông có lần nhắc đến việc gặp gỡ này ở một chỗ khác. Phải chăng đây là “mộng tưởng” của Bashô trong một đêm ghé Ichiburi? Có thể ông đã kết hợp đoạn này với sự tích ngày xưa tăng Saigyô gặp bồ tát Phổ Hiền hiện xuống qua thân du nữ trên bến Eguchi để giác ngộ cho mình.

Thường thường, người ta cho rằng Bashô dùng thủ pháp mitate ví mình với trăng và các cô hát rong với hoa hagi. Thế nhưng có kẻ lại đặt câu hỏi: “Chẳng lẽ Bashô ngạo mạn đến thế sao?”. Điều đó đi ngược với bản chất khiêm cung của ông. Hay là Bashô chỉ đơn thuần kết hợp cái đẹp của trăng trên trời và hoa hagi dưới đất là hai vật lẽ ra hoàn toàn cách biệt. Chỉ tả trăng cao như đang gửi ánh sáng đến cho hoa dưới đất thì đây đã đủ là một phong cảnh đẹp. Hoa hagi xưa nay chỉ đi đôi với nai (shika) chứ không với trăng (tsuki). Trong truyền thống thơ waka, nó lại được xem là nhỏ nhắn, khả ái chứ chưa bao giờ bị đánh giá như thấp hèn. Nếu đem hoa hagi để so sánh với hai cô gái hát rong đi nữa thì phải xem như ánh trăng cao đã soi chiếu hai cô với cả tấm lòng yêu thương, nhân ái.

Kigo của bài thơ là hagi (hoa thược, tử đinh hương) chỉ mùa hè.



Phong thư nhờ chuyển về quê

Đoạn 42: Đường Etchuuji: Sông Kurobe, Bãi Nago (Etchuuji: Kurobe gawa, Nago no ura 越中路：黒部川、那古の浦)

Nhắc đến sông Kurobe là phải nhắc đến “Kurobe shijuu-hachi no se” tức 48 con lạch của nó, ý nói đó là một dòng sông nhiều chi lưu. Ngoài chúng ra, còn phải vượt qua nhiều dòng sông khác nhiều không đếm được chúng tôi mới ra vùng ven biển **Nago** (thị

trấn Shin-Minato tỉnh Toyama).

Phía trước mặt là **Tago** (thị trấn Himi tỉnh Toyama), nơi có những bông hoa tử đằng buông rủ mà thơ xưa từng nhắc tới. Nghĩ rằng tuy không phải giữa mùa xuân mà đang ở vào tiết sơ thu, phong cảnh nơi đây cũng nhiều thi vị, đáng ngắm, nên chúng tôi mới hỏi người địa phương đường đến đó. Thế nhưng họ bảo: “Muốn đi Tago thì từ đây phải dọc theo bờ biển mất 5 “ri” (20km). Nó nằm ở chỗ có đường đi vào bóng núi. Nơi ấy chỉ có vài túp lều xập xệ của dân đánh cá, chắc không ai có thể cho các ông trọ qua đêm đâu!”. Nghe lời bàn ra kiểu đó, chúng tôi đành bỏ ý định đi Tago mà hướng về vùng Kaga (Tỉnh Ishikawa).

早稲の香や分け入る右は有磯海

Wase no ka ya
Wake iru migi wa
Ariso umi

Ngâm sữa lúa đưa hương
Vết lối, nhìn bên mặt
Kìa, biển Ariso!

Lời Bình:

Bashô vượt sông Kurobe đến bãi biển Nago. Ông định tiến thêm một chút để đến Tago xem nơi có những bông hoa tử đằng lẫn tăn như sóng lượn (fujinami) mà người xưa ngâm vịnh. Vì lo tới đến ở đó không tìm ra chỗ qua đêm nên đoàn đã đổi hướng để vào đất Kaga. Nói đến cánh đồng lúa bạt ngàn đang chín tới và sự hùng tráng của biển Ariso, tác giả như muốn gửi lời chào đến xứ Kaga, vùng đất ông sắp vào, nơi nổi tiếng trù phú, vựa thóc của Nhật Bản.

Kigo bài thơ là wase (lúa non, lúa lên đòng đòng) chỉ mùa thu.

Xin giới thiệu 3 bài thơ xưa liên quan đến 3 địa danh trong đoạn văn:

Nago: Chương 17 của Man.yôshuu có bài nói về cảng này:

港風寒く吹くらし那古の江につま呼びかは鶴さわに鳴く

Minato kaze
Samuku fuku rashi
Nago no e ni
Tsuma yobi ka wa
Tazu sawa ni naku

Dường như cảng Nago
Vì cửa sông gió lạnh

Hạc tụ nhau về đây,
Vang vang tiếng gọi bầy

Tago: Chương 19 của Man.yôshuu lại có bài như sau:

担籠の浦の底さえにほう藤波をかざして行かむ見ぬ人のため

Tago no ura no
Ura no soko sae ni
Hô fujinami wo
Kazashite yukamu (yukan)
Minu hito no tame

Trên bến Tago kia
Chòm tử đằng buông lơi,
Đáy nước in bóng đẹp.
Ta cài hoa trên đầu,
Tìm người chưa quen biết.

Ariso: Một “gối thơ xưa” từng được Ôtomo no Yakamochi ngâm vịnh. Chương 17 của Man.yôshuu có bài:

かからむとかねて知りせば越の海の有磯の波もみせましものを

Kakaramu (ran) to
Kanete shiriseba
Koshi no umi no
Ariso no nami mo
Misemashi mono wo

Nếu biết trước sự tình,
Sẽ ra nông nổi này,
Ít nhất cho người thấy,
Sóng ghềnh Ariso,
Trên biển Echigo.

Đoạn 43: Kanazawa, học trò yêu yếu mệnh (Kanazawa, aideshi no sôsei 金沢、愛弟子の早世)

Vượt được núi U no hanayama (Mão Hoa Sơn, còn gọi là Núi Genji tức Nguyên Thị Sơn) và ngọn đèo Kurikara¹⁴⁰, chúng tôi đến được Kanazawa thì đã là ngày 15 tháng 7 (29 tháng 8 dương lịch)) Lúc đó được dịp ở chung quán trọ với nhà buôn ở Ôsaka là Kasho (Hà Xứ, môn đệ của Bashô) đang có công việc phải qua đây.

¹⁴⁰ Cổ chiến trường, nơi tướng Kiso Yoshinaka, người Bashô quý mến, đại phá quân Heike.

Nhân vật vùng Kanazawa tên là Isshō (Nhất Tiểu) nổi tiếng là người có nhiệt tình với haikai. Chẳng bao lâu, tiếng lành đồn ra và ai cũng biết anh là một haijin (thi nhân haikai). Thế nhưng mùa đông năm rồi anh qua đời giữa khi còn trẻ. Trong dịp ta đến viếng, người anh của Isshō bèn mở một hội bình thơ để truy điệu vong linh. Trước mộ người đã khuất, ta có mấy vần như sau;

塚も動けわが泣く声は秋の風

*Tsuka mo ugoke
Wa ga naku koe wa
Aki no kaze*

*Mồ ơi, dậy nghe cho!
Đã mượn gió thu gào.
Thay lòng ta thôn thức.*

秋涼し手ごとにむけや瓜茄子

*Aki suzushi
Tegoto ni muke ya
Uri nasubi*

*Trong hơi mát ngày thu,
Hãy cùng gọt dưa, cà,
Đang giữa mùa quả ngọt¹⁴¹.*

あかあかと日はつれなくも秋の風

*Akaaka to
Hi wa tsure naku mo
Aki no kaze*

*Vô tình, trời chói nắng,
Vì không biết trái mùa,
Gió vẫn mát ngày thu.*

しおらしき名や小松吹く萩薄

*Shio rashiki
Na ya Komatsu fuku
Hagisusuki*

¹⁴¹ Bài thơ làm nhân khi đến chơi Tùng Huyền Am, thảo am của Issen (Nhất Tuyền), có không khí đậm bạc, thân tình và sáng khoái.

*Gió thu qua Komatsu,
Vùng đất mang tên đẹp,
Bẹp hagi, lau bạc.*

Lời Bình:

Người học trò yêu của Bashô quê ở Kanazawa là Kosugi Isshō 小杉一笑 (Tiểu Sam Nhất Tiếu, 1653-1688), làm nghề buôn trà nên còn có tên là Chaya Shinshichi 茶屋真七, cả đời ngưỡng mộ nhưng chưa một lần được gặp mặt thầy. Ông vốn là một nhà thơ ưu tú trong vùng. Không đợi được thầy đến thăm, đã qua đời sớm ở tuổi 36. Trước cái chết của người học trò, Bashô đã có một bài thơ dạng điệu thống thiết nhưng nhìn kỹ thì chúng ta không thấy ông cường điệu chút nào.

Kể cả bài thơ ai điệu, 4 bài thơ nói trên đều có liên quan đến mùa thu. Trong waka, gió thu thường được dùng để nói lên một trạng thái “tĩnh”, riêng ở đây, Bashô đã dùng theo nghĩa “động”. Đó là một điều hiếm có.

Về núi U no hanayama, nó còn có tên là núi Genji, một nơi nổi tiếng về trăng và tuyết, từng là đối tượng của thơ Man.yōshū. Đèo Kurikala (Câu Lợi Già La), một cái tên nghe như trong kinh Phật lại là nơi từng xảy ra trận đánh quyết liệt giữa hai nhà Genji và Heike. Ở thung lũng hẻm núi, năm 1183, tướng Genji là Kiso Yoshinaka đã dùng hỏa công (buộc đuốc vào sừng bò) để phá tan 7 vạn quân Heike của tướng Taira no Koremori.

Komatsu (Tiểu Tùng) là một địa danh gần Kanazawa, vừa có nghĩa là “cây tùng con”, vừa là tên của loại rau cải komatsu (komatsusai). Không hiểu ở đây Bashô có nhân đó mà nói đến cái chết của Kosugi (Tiểu Sam, cây tuyết tùng con) Isshō hay không?

Akikaze (gió thu, bài 1 và bài 3), akisuzushi (hơi mát mùa thu, bài 2) và hagi susuki (hoa hagi và cây lau, bài 4) đều là kigo của mùa thu.

Đoạn 44: Đền thần đạo Tada (Tada Jinja 多太神社). Mũ trụ của Sanemori :

Chúng tôi đến viếng đền Tada ở vùng này, nhân đó nhìn thấy khôi giáp của chiến tướng Heike là Sanemori ¹⁴² và tàn dư manh chiến bào ông mặc dưới lằn áo giáp.

¹⁴² Sanemori 実盛 tên thực là Saitō Sanemori 斎藤実盛, samurai sống vào cuối đời Heian. Trước đầu quân cho họ Minamoto (Yoshitomo), sau theo tập đoàn Taira (Munemori). Khi cuộc xung đột Genpei giữa hai nhà Minamoto (Genji) và Taira (Heike) xảy ra, theo Taira no Koremori chống nhau với Minamoto (Kiso) no Yoshinaka. Khi bị địch giết chết, cho đem rửa thủ cấp dưới ao, mới thấy đã nhuộm tóc cho đen để có thể chiến đấu giữa hàng ngũ các chiến sĩ trẻ. Truyền tích có ghi lại trong một chương của Heike Monogatari 平家物語.

Theo truyền thuyết, đó là những vật báu mà chủ quân thời trẻ của ông, đại tướng Minamoto no Yoshitomo, đã ban cho (vì lúc đó ông phò họ Genji). Thực vậy, chúng không giống đồ dùng của một chiến binh bình thường. Hoa văn hình hoa cúc trên mũ trụ được nạm vàng từ bộ phận che trán đến bộ phận che hai tai, tô điểm thêm bằng một cái đầu rồng với hai chiếc sừng cong.

Truyền thuyết về việc sau khi Sanemori bị giết chết, đại tướng phe địch Kiso (Minamoto no) Yoshinaka¹⁴³ đã gửi cận thần của mình là phó tướng Higuchi Jirô¹⁴⁴ đến đền này để dâng một bài văn cầu xin chiến thắng và cúng cho đền những di vật ấy. Ký lục của đền chép lại câu chuyện trên làm ta thấy cảnh tượng thời ấy như hiện ra trước mắt.

むざんやな甲の下のきりぎりす

Muzan ya na
Kabuto no shita no
Kirigirisu

Ôi thảm thiết làm sao
Bên dưới chiếc mũ trụ
Rả rích dế mùa thu.

Lời Bình:

Ghé đền thần Tada, Bashô cảm động khi nhìn di vật của Saitô no Sanemori, một chiến tướng thời Kamakura. Trước Sanemori phụng sự nhà Genji và có thời dưỡng dục đại tướng phe địch là Kiso Yoshinaka, lúc đó mồ côi bố. Khi chủ tướng của Sanemori là Minamoto no Yoshitomo chết trong cuộc biến loạn năm Heiji, ông phải đầu quân dưới trướng Taira no Munemori cánh Heike. Vào năm 1183, lúc quân Heike kết hợp để đánh quân Genji của Yoshinaka ở vùng Hokuriku, ông đã 73 tuổi nhưng vẫn nhuộm tóc ngựa trang để được giao đấu với các chiến sĩ trẻ và kết cục đã bị giết chết. Hành động của Yoshinaka đối với ông là để cảm tạ ân tình nuôi dạy ấy.

“Muzan ya na” tương truyền là câu nói của Higuchi Jirô khi nhìn thủ cấp Sanemori lộ mái tóc bạc sau khi đem rửa dưới ao, được nhắc đến nhiều lần trong ca từ các bản tụng Nô. Còn chữ 甲 (giáp) ở đây đọc là kabuto như chữ trụ (冚), hiểu là mũ trụ chứ không phải áo giáp (鎧 yoroi).

Kigo của bài thơ là Kirigirisu (nay là Kôrogi, con dế) chỉ mùa thu.

¹⁴³ Minamoto no Yoshinaka (源義仲 1154-1164), vũ tướng Nhật Bản. Hồi nhỏ tránh kẻ địch lẫn lút trong vùng núi Kiso nên lấy núi làm tên (木曾義仲 Kiso no Yoshinaka). Sau ứng nghĩa đem quân dẹp Heike, có nhiều chiến công hiển hách. Tuy nhiên, vào được Kyôto, vì ngạo mạn và đam mê nữ sắc, bị người đồng minh là Yoshitsune thảo phạt và chết trong cánh rừng tùng Awazu.

¹⁴⁴ Túc Higuchi Kanemitsu 樋口兼光, một trong 4 tướng mạnh (Tứ thiên vương) của Yoshinaka



Bên dưới chiếc mũ trụ. Rả rích dễ mùa thu

Đoạn 45: Nata, gió thu trắng (Nata: Hakushu no kaze 那谷 : 白秋の風)

Chúng tôi vừa ngắm mặt sau của núi Shiranegaoka (còn gọi là Hakusan, Bạch Sơn) vừa tiến về suối nước nóng Yamanaka (thị trấn Kaga tỉnh Ishikawa). Bên vùng đất trũng tay trái ngọn núi có Kan.nondô (Quan Âm Đường) (tức Natadera, Na Cốc Tự, thuộc khu vực Komatsu tỉnh Ishikawa). Xưa Thiên hoàng Kazan (Hoa Sơn)¹⁴⁵ sau khi hoàn thành cuộc chiêm bái 33 Quan Âm Đường của miền Tây đã an vị tượng Đức Đại Từ Đại Bi Quan Thế Âm ở đây và đặt tên nó là Natadera. Tương truyền ngài lấy tên của hai linh địa Nachi (Na Trí) và Tanigumi (Cốc Cáp) gộp lại mà thành.

Trong khuôn viên nhà chùa có nhiều tảng đá kỳ hình dị trạng. Trên Núi Đá (Ishiyama), những cây tùng cổ mọc mọc dàn hàng. Dựa vào chúng, người ta cất ở đây những điện đường nhỏ nhắn lợp tranh. Cảnh sắc thật tuyệt vời, xứng đáng là chốn để hành hương.

石山の石より白し秋の風

Ishiyama no
Ishi yori shiroshi
Aki no kaze

Trên núi tên Núi Đá,
Nhưng trắng hơn cả đá,
Là ngọn gió mùa thu.

Lời Bình:

¹⁴⁵ Kazan Tennô (Hoa Sơn Thiên Hoàng, 968-1008), sau khi hoàng hậu chết, vì quá thương tiếc bà và chịu không nổi sự đè nén của quyền thần nên đã xuất gia Có thuyết cho rằng bị kịch cuộc đời tình ái của ông cũng là một trong những nguồn cảm hứng cho Truyện Genji.

Núi Đá trong bài thơ ám chỉ ngọn Ishiyama (Thạch Sơn) nơi có Natadera (Na Cốc Tự). Gọi gió mùa thu “trắng” (tố thu, bạch đế) là nói theo cách mệnh danh các mùa thời xưa bên Trung Quốc: xuân xanh, hạ đỏ, thu trắng, đông đen. Còn núi Ishiyama trắng là vì màu trắng của chất đá vôi tạo ra nó. Có một Ishiyama ở Shiga, nơi quê nhà của Bashô và có lẽ đứng trước ngọn núi này, ông đã liên tưởng đến ngọn núi ở quê hương.

Tuy vậy, bảo rằng gió mùa thu có màu trắng còn trắng hơn cả núi đá và cảnh chùa, phải chăng Bashô muốn giải thích vì trắng như thế, nó mới xóa sạch được tội lỗi hay đau thương của con người?

Kigo của bài thơ là gió thu (aki no kaze) chỉ mùa thu.

Đoạn 46: Yamanaka (Yamanaka onsen 山中温泉). Kể lại giai thoại ở suối nước nóng.

Chúng tôi tắm nước suối Yamanaka. Đây là suối nước nóng về mặt hiệu năng, chỉ đứng sau con suối Arima (tỉnh Hyôgo) nổi tiếng.

山中や菊はたおらぬ湯の匂い

Yamanaka ya
Kiku wa taoranu
Yu no nioi

Suối Yamanaka
Thưởng thức hương dòng nước,
Cần chi ngắt cúc hoa.

Người chủ nhà trọ (quán Izumiya) tên là Kume no suke¹⁴⁶, tuổi hãy còn niên thiếu. Cha (chính ra là ông nội) của cậu lúc sinh tiền, rất thích thơ haikai. Có lần người làm thơ haikai đất Kyôto tên Yasuhara Teishitsu¹⁴⁷ (An Nguyên Trình Thất, một nhà thơ trú danh phái Teitoku), lúc đó hẵn trẻ, đến viếng vùng này, hồ thẹn vì thi phong thiếu tao nhã của mình, khi về lại kinh đô mới xin nhập môn Matsunaga Teitoku (Tùng Vĩnh Trình Đức, người đứng đầu phái Teitoku) và hết lòng dùi mài học tập nên sau này thành danh. Vì có sự như thế mà Teishitsu, dù đã là bậc thầy rồi, vẫn không dám nhận thù lao khi thêm bớt sửa chữa cho những bài thơ người vùng Yamanaka làm ra. Điều đó nay đã thành câu chuyện cũ.

¹⁴⁶ Tên thời niên thiếu của Izumiya Jinsaemon (1676-1751), chủ nhân một trong 12 lữ quán đương thời ở vùng Yamanaka.

¹⁴⁷ An Nguyên Trình Thất 安原貞室 Tên thật là Yasuhara Masaaki (1610-1673),.



Suối nước nóng Yamanaka

Lời Bình:

Khi ghé suối nước nóng Yamanaka, Bashô trọ ở quán Izumiya (Quán Hòa Tuyên). Chủ nhân là cậu Kume no suke, lúc ấy mới 14 tuổi. Nghe giai thoại xảy ra giữa người cha (Bashô làm chủ chính ra phải là ông nội cậu) và nhà thơ Teishitsu, Bashô rất cảm kích, nhân đó, ông đã đặt bút hiệu là Tômô 桃妖 (Đào Yêu) cho cậu bé.

Ông ca tụng hiệu năng của suối Yamanaka và viết một bài thơ như gửi lời chào đến vùng đất này.

Hoa cúc được truyền vào đất Nhật thời Nara và rất được trọng vọng, nhất là vào thời Edo. Hoàng thất đã chọn hoa cúc 16 cánh làm hoa văn. Cúc có được tính nên ở Trung Quốc, vào tiết Trùng Dương (mùng 9 tháng 9), người ta thường ngắt cành hoa cúc giắt lên đầu. Người Nhật còn có phong tục chưng hoa cúc để ngắm, ủ sương với hoa cúc dùng để gìn giữ sắc đẹp các cô các bà, ngâm cúc vào rượu uống, chếp kinh trên lá cúc, điều người chết bằng hoa cúc. Tuồng Nô có các vở Kiku Jidô (Cúc Từ Đồng), Makura Jidô (Châm Từ Đồng) nói về liên hệ giữa người tiên ở huyện Lịch sống đến 800 tuổi là Jidô (Từ Đồng), một vị hoàng đế và hoa cúc, cũng đến từ điển cổ Trung Quốc.

Kigo của bài thơ là aki no kaze (gió thu) chỉ mùa thu.

Đoạn 47: Giã biệt Sora ngã bệnh (Sora no byôki to betsuri 曾良の病気と別離)

Sora mắc chứng đau bụng. Nhân vì có bà con sống ở Nagashima phiên Ise (nay là thị trấn Kuwana tỉnh Mie) nên muốn đi trước đến đây nghỉ dưỡng sức. Anh để lại cho ta bài thơ:

行き行きて倒れ伏すとも萩の原

*Yukiyukite
Taorefusu to mo
Hagi no hara*

*Thân bệnh đi đi mãi,
Gục ngã cũng cam đành,
Miễn trên đồng hagi*

Kẻ ra đi về phía trước u sầu, người ở lại đằng sau cay đắng. Tâm trạng nào có khác chi đôi chim keri (curu) đang cùng bay nay lại phải chia lìa, lạc lối trong mây. Ta cũng ngâm:

今日よりや書き付け消さん笠の露

*Kyô yori ya
Kaki tsuke kesan
Kasa no tsuyu*

*Kể từ buổi hôm nay
Xin xóa điều đã viết
Trên nón bằng sương thu.*

Lời Bình:

Lòng Bashô đau khổ vì từ nay phải tiếp tục cuộc hành trình một mình sau khi Sora ngã bệnh, muốn đi trước để về nhà bà con dưỡng bệnh.

Trong Nhật ký đi đường của Sora, từ hồi còn ở Kanazawa, ông đã cho biết mình đang lâm bệnh. Từ già Bashô, Sora đi về Nagashima, nơi ông có người bác là nhà sư Shusei (Tú Tĩnh) để xin nghỉ dưỡng sức độ nửa tháng. Người bác này là một ông sư trụ trì, khi Sora mới lên 12, mất cha mẹ, đã đem về nuôi dạy.

Khi Sora đi rồi, Bashô không tiếp tục cuộc hành trình một mình dù mất đi người bí thư tin cậy. Một người học trò mới nhập môn tên là Hokushi (Bắc Chi) đã nhập đoàn từ Kanazawa và sẽ tháp tùng ông.

Chim keri (curu) là một giống chim di, sống vùng bãi sông. Mùa đông, chúng bay từ bắc xuống nam, khổ người cỡ chim hato (bồ câu nhà) vậy. Tiếng nó kêu kerikeri nên người ta mới đặt tên như thế! Hình như Bashô nói đến giống chim này vì nó có mặt trong giai thoại về cuộc chia ly giữa hai người bạn Tô Vũ - Lý Lăng bên Trung Quốc. Khi Tô Vũ được tha, từ đất Hung Nô về Nam có để lại cho bạn bài thơ chữ Hán: *Song curu câu Bắc phi, Nhất câu độc Nam tường. Tử đương lưu kỳ quán. Ngã đương qui cố hương* (Đôi chim lên ải Bắc. Một cánh liệng về Nam. Nơi đây, anh chọn đây ở. Tôi tìm lại quê làng (theo sách Mông Cầu).

Còn câu thơ của Sora là mượn ý một bài của Saigyô trong Sankashuu (Sơn gia tập,

quyển trung, phần tạp thi), trong đó, nhà thơ nói đến cuộc sống phiêu linh của mình, có ngày sẽ phải ngã gục như hạt sương trên bờ cỏ bên đường. Người ta cảm thấy trong câu thơ của Sora nỗi khổ tâm đã bỏ thầy đi trước một mình, nên mình có chết dọc đường cũng đáng. Tuy nhiên, là con người tao nhã, nếu phải chết ông xin được chết trên cảnh đồng đầy hoa hagi trở bông.

Về bài của Bashô, nó dựa trên một phong tục của người hành hương thời ấy là viết lên trên nón lá câu “càn khôn vô trú đồng hành nhị nhân” 乾坤無住同行二人 (hai người cùng đi giữa đất trời không chốn trọ) nhưng “hai người” còn có nghĩa là “cùng đi với Phật” (桑門同行二人 Tang môn đồng hành nhị nhân).

Sương thu (tsuyu) rơi trên nón Bashô thác ngụ dòng lệ hoài cảm của Bashô, chúng đã xóa hộ mấy chữ “đồng hành nhị nhân” tâm niệm đó vì từ đây, ông đã mất Sora, người bạn đường thân thiết. Kigo bài này là tsuyu (hạt móc mùa thu) chỉ mùa thu. Kigo bài thơ của Sora là hagi no hara (đồng hoa hagi) cũng chỉ mùa thu.



Xin xóa điều đã viết. Trên nón bằng sương thu

Đoạn 48: Chia tay Ichiya ở Zenshōji (Zenshōji: Ichiya no hedate 全昌寺: 一夜の隔て)

Chúng tôi ngủ trọ ở ngôi chùa thiền tên là Zenshōji (Toàn Xương Tự) nằm bên ngoài thị trấn Daishōjimachi¹⁴⁸. Đây hãy còn ở trong địa phận vùng Kaga. Đêm hôm trước, Sora cũng qua đêm trong chùa này và anh có để lại bài thơ như sau:.

よもすがら秋風聞くや裏の山

Yo mo sugara
Aki kaze kiku ya
Ura no yama

¹⁴⁸ Phố dưới chân thành của ấp phong cho Maeda Toshiaki, lộc 7 vạn thạch.

*Trần trọc nằm đến sáng,
Nghe gió mùa thu dậy,
Thối hoài núi sau lưng.*

Nỗi buồn chợt dậy lên trong lòng, chỉ có một đêm vắng Sora mà ta tưởng như đã xa cách anh vạn dặm¹⁴⁹. Cả ta lẫn Sora đều cùng nghe một tiếng gió thu khi qua đêm trong hậu liêu dành do những nhà sư hành cước. Khi trời về sáng, ta nghe âm hưởng tiếng tụng kinh trong trẻo vọng tới rồi sau đó là tiếng khánh gõ báo hiệu giờ ăn, bèn cùng các nhà sư đi xuống nhà trai.

Hôm nay định rời vùng Kaga (tỉnh Ishikawa) để đi vào xứ Echizen (tỉnh Fukui), giữa khi lòng dạ còn đang bồn chồn lo âu thì khi ta bước xuống điện bỗng thấy mấy nhà sư trẻ cấp nghiêm và giấy đuổi theo mãi tận chân thang. Nhân lúc đó, ta thấy cảnh cây liễu rụng lá ngoài sân nên tức hứng vịnh ngay một câu:.

庭掃きて出でばや寺に散る柳

*Niwa hakite
Ideba ya tera ni
Chiru yanagi*

*Ra đi, muốn quét sân,
On chùa đêm ngủ trọ,
Liều ủa rơi đầy ngõ.*

Vẫn mang trên chân đôi dép cỏ, ta hí hoáy viết xong rồi cất bước, bỏ cảnh chùa lại sau lưng.

Lời Bình:

Đoạn này tả nỗi buồn của Bashô sau khi chia tay với Sora. Sáng hôm từ giả chùa để lên đường, ông không khỏi lo lắng bồn chồn vì thiếu người thân tín đã đỡ đần cho mình bao công việc. Hình ảnh có phần chậm chạp của ông tương phản với hình ảnh nhanh nhẹn của các nhà sư trẻ đã đem đến cho đoạn văn một thi vị đặc biệt

Trong bài thơ Sora có chữ “ura no yama” (núi sau lưng) ám chỉ Bashô, người đi sau ông một ngày đường. Sora nghĩ đến nỗi buồn và lo lắng của thầy (như làn gió thu) nên không ngủ được. Trong bài thơ Bashô, việc quét lá liễu rụng (chiru yanagi) ngầm ý ông là nhà sư nghèo chỉ mong được làm công quả trả ơn nhà chùa đã cho ăn cho ngủ một đêm.

Kigo của hai bài thơ là akikaze (gió thu) và chiru yanagi (liều rụng lá) đều chỉ mùa thu.

¹⁴⁹ Thơ Lý Lăng: Phù vân nhật thiên lý. An tri ngã tâm bi (Mông Cầu).

Đoạn 49: Cây tùng trên bến Shiogoshi (Shiogoshi no matsu 汐越の松)

Chúng tôi lấy thuyền vượt vàm sông nằm ở Yoshizaki (thị trấn Awara tỉnh Fukui), biên giới hai vùng Kaga và Echizen, để đến viếng Cây tùng Shiogoshi. Nhớ xưa cao tăng Saigyô đã có bài thơ nói về cây tùng ấy như sau:

よもすがら嵐に波を運ばせて月を垂れたる汐越の松

*Yo mo sugara
Arashi ni nami wo
Hakobasete
Tsuki wo taretaru
Shiogoshi no matsu*

*Tùng Shiogoshi,
Suốt đêm nhờ bão tố,
Mang ngọn sóng xô bờ,
Để có giọt trăng in
Trên những cành buông rũ.*

Ở đất này cảnh đẹp không thiếu nhưng riêng một bài thơ này đã nói lên đủ tất cả. Nếu thêm một hai lời, e rằng sẽ làm một việc thừa thãi như gấn một ngón tay thứ sáu vào bàn tay đã có đủ năm ngón¹⁵⁰.

Lời Bình:

Bài thơ của Saigyô (1118-1190) mà Bashô trích dẫn trên đây được nhiều người khác cho là thơ Rennyô 蓮如 (Liên Như, 1415-1499, vị tổ trung hưng phái Tịnh Độ Chân Tông). Bài thơ này không đặc biệt xuất sắc nên việc tán thưởng nó là hoàn hảo như Bashô đã làm thì chỉ có thể giải thích bằng lòng kính yêu tột độ của Bashô đối với tiền bối Saigyô mà thôi.

Việc nhầm lẫn thơ Rennyô với thơ Saigyô cũng không phải không có lý. Rennyô là một giáo chủ uy danh lừng lẫy, đã từng đến truyền giáo ở vùng Hokuriku và lập chùa ở Yoshizaki. Đời gọi ông là Yoshizakibô hay “ông thầy Yoshizaki” Đưa thơ Rennyô lên cùng đẳng cấp với thơ Saigyô, các giáo đồ Tịnh Độ Chân Tông có chủ ý muốn tôn vinh thầy mình vậy. Và Bashô có tin theo mà nhầm cũng không đến nỗi đáng trách.

Đoạn 50: Chùa Tenryuu, chùa Eihei: chia tay với Hokushi (Tenryuji, Eiheiji: Hokushi to no wakare 天龍寺、永平寺：北枝との別れ)

¹⁵⁰ Lối tỉ dụ trong sách Trang Tử thiên Biện Mẫu.

Trưởng lão chùa Tenryuuji (Thiên Long Tự)¹⁵¹ ở Maruoka (tức Matsuoka, quận Yoshida tỉnh Fukui) là người quen biết từ ngày xưa nên ta đã ghé thăm ông. Ngoài ra, môn sinh ở Kanazawa tên Hokushi (Bắc Chi) trước chỉ định tiễn chân ta một đoạn đường chẳng ngờ đi với ta mãi đến đây. Suốt dọc đường, anh Hokushi chẳng bỏ sót một cảnh đẹp nào mà không vịnh thơ, đôi khi cho ta nghe được những câu rất thông minh. Nay anh lại sắp chia tay với ta.

物書きて扇引さくなごりかな

Mono kakite
Ôgi hiki saku
Nagori kana

Xưa viết chữ lên quạt,
Nay hết mùa xé nát,
Còn chẳng là tình xưa!

Đi thêm hơn 50 chō (5 km) nữa vào trong núi, chúng ta đến chiêm bái Eihei-ji (Vĩnh Bình Tự, quận Yoshida, tỉnh Fukui). Chùa này do Thiền sư Dōgen (Đạo Nguyên) sáng lập. Việc xa lánh chốn đô để lập chùa một nơi xa vắng như ở đây đã chứng tỏ cái chí cao vời của ngài.

Lời Bình:

Bashō viết một câu thơ tặng Hokushi, người bạn đồng hành tiễn chân ông đến đây, như món quà chia tay. Ông yêu con người chân phương, thành thực trong phong cách làm thơ này. Hokushi tên thật là Tachibana Genshirō, làm nghề mài kiếm và là một nhà thơ ở Kanazawa.

Chính ra, cách diễn tả “xé bỏ quạt” (ôgi hikisaku) thì ngữ khí có hơi mạnh và người ta hỏi tại sao? Có nhiều lối giải thích nhưng có lẽ ở đây Bashō chỉ muốn nhấn mạnh đến tình thâm cũng như nỗi buồn ly biệt giữa hai thầy trò mà thôi.

Đến Eihei-ji 永平寺 (Vĩnh Bình Tự), Bashō có một câu bày tỏ sự kính trọng của ông đối với Thiền sư Dōgen 道元 (Đạo Nguyên, 1200-1253), khai tổ của phái Tào Động Nhật Bản. Dōgen xuất thân gia đình quý tộc Fujiwara¹⁵² nhưng đã xa lánh kinh đô, tìm đến nơi xa xôi để lập chùa, chứng tỏ tấm lòng chuyên chú vào việc tu hành của mình.

Kigo của bài thơ là akiōgi, suteōgi (quạt mùa thu, quạt vứt bỏ) chỉ mùa thu.

¹⁵¹ Chỉ Hòa thượng Đại Mộng 大夢, trước trụ trì Thiên Long Tự ở Shinagawa (Edo)

¹⁵² Mẹ Dōgen là một trong những mỹ nhân tuyệt sắc đương thời nhưng hai lần đều bị gả bán vì âm mưu chính trị. Chồng đầu tiên của bà ngẫu nhiên lại là tướng Minamoto (Kiso) no Yoshinaka, người được nhắc đến nhiều lần trong Oku no hosonagabito! Bà mẹ Dōgen chết năm ông lên 3 và bị kịch đời bà đã ảnh hưởng sâu sắc đến chí hướng của vị cao tăng.

Đoạn 51: Đến Fukui. Một ẩn sĩ tên Tôsai (Fukui, Tôsai to iu inshi 福井：等裁という隠士)

Vì thị trấn Fukui cách Eiheiji chỉ có 3 “ri” (12km), còm chiều ở chùa xong ta mới lên đường. Lúc đó trời đang sụp tối, đường sá nhá nhem nên lao khổ không ít.

Số là ở Fukui này, ta có người quen vào bậc đàn anh, một nhà ẩn sĩ tên gọi Tôsai (Đẳng Tài). Không nhớ độ nào nhưng ông đã có dịp đến Edo thăm ta. Chuyện cũ cũng phải mười năm về trước. Bây giờ không hiểu ông già yếu ra sao hay mất rồi cũng nên. Ta bèn dò hỏi người địa phương và mới biết Tôsai hầy còn sống. Họ cũng chỉ đường cho ta đến nhà ông.

Theo lời chỉ dẫn, ta mới đến được một ngôi nhà nhỏ, đơn sơ nằm giữa đám giây bầu và hoa bìm bìm (yuugao) ở một nơi yên tĩnh, xa chốn phồn hoa đô hội. Ngõ vào nhà bị những bụi hoa đầu gà (keitô) và kim tước chi (hahakigi) che khuất.

Nghĩ đúng là ngôi nhà này, ta mới gõ cửa thì có một người đàn bà dáng điệu thanh cảnh bước ra hỏi: “Dám thưa, thầy là vị sư ở đâu đến ạ! Ông nhà tôi vừa đi khỏi để thăm viếng một người quen họ Mô gần đây thôi”. Ta đoán biết ngay bà này chính là vợ của Tôsai và có cảm tưởng mình đứng trước một quang cảnh y như trong cuốn truyện xưa¹⁵³. Lòng cảm kích, ta mới hỏi thăm chỗ Tôsai đang viếng thăm.

Thế rồi ta ở lại nhà Tôsai hai đêm. Sau đó, vì muốn xem trăng rằm tháng tám trên cảng Tsuruga, ta mới từ giã Fukui. Tôsai lúc ấy bảo hầy để tôi tiễn bác đi và vén ống tay áo, thắt lại giải lưng trên bộ quần áo thật thanh lịch rồi cặp tám bản đồ chỉ đường, thoăn thoắt tiến lên trước.

Lời Bình:

Oku no hosomichi có nhiều đoạn đầy chất thơ như đoạn này. Tôsai là bạn cũ trên 10 năm không gặp nhưng khi tái ngộ với Bashô, tình ý vẫn như xưa.

Tôsai là mẫu mực nhà thơ haikai siêu tục mà Bashô yêu thích. Vợ ông lại đơn sơ, cổ phong như thấy trong một bức tranh truyện thời xưa. Cảnh Bashô đến thăm nhà Tôsai gợi cho độc giả một trang của chương Yuugao (Hoa tịch nhan) trong Truyện Genji (hình ảnh ngôi nhà trong lùm bụi của nàng Yuugao, một người tình nhân u sầu, bệnh não của Genji). Yuugao cũng là tên một loại hoa giầy leo (bottle gourd). Hình ảnh vợ chồng Tôsai tự nó là một bài thơ. Ở đây, Bashô đã biết mô phỏng cổ nhân để đem cái nhả của văn học vương triều là thể truyện kể kết nối vào cái tục của văn nghệ dân gian là thơ haikai.

¹⁵³ Ý nói Truyện Genji.



Hoa đầu gà và hoa nhánh chổi (kim tước chi)

Đoạn 52: Tsuruga: Thần cung Kehi và các Du hành thượng nhân (Tsuruga: Kehi Jinguu to Yugyô Shônin 敦賀：氣比神宮と遊行上人)

Theo bước chân đi, bóng núi Shiranegadake (Hakusan, Bạch Sơn) khuất dần và thay vào đó, Hinagadake (Hinosan, Nhật Dã Sơn, thị trấn Takeu tỉnh Fukui) đã ở trong tầm mắt. Qua chiếc cầu Asamudzu (thị trấn Fukui), chúng tôi đến **Tamae** (thị trấn Fukui) thì những chòm hoa lau nói đến trong thơ xưa đã hiện ra rồi. Thế rồi, vượt được cửa quan **Uguisu** và ngọn đèo Yuno-o, chúng tôi đến bên thành Hinouchi. Trên ngọn **Kaeruyama** (Quy Sơn, còn gọi là Kairosan, Hải Lộ Sơn, xóm Minami-Echizen tỉnh Fukui), ta nghe tiếng nhận đầu thu, chiều ngày 14 thì đặt chân lên bến Tsuruga, bèn lấy nhà trọ..

Trời trong nên vàng trắng đêm hôm đó thật mỹ miều.”Ta hỏi ông chủ nhà trọ: “Đêm mai 15 chắc cũng đẹp như thế này nhỉ?” thì ông bảo: “Thời tiết miền Hokuriku thay đổi bất thường, đêm mai trời trong hay có mây thì khó lường lắm!” Ta cứ thế ngồi uống rượu do ông mời, sau đó đi chiêm bái thần cung Kehi.

Thần cung này là ngôi miếu thờ Thiên hoàng Chuuai (Trọng Ai¹⁵⁴). Trong sân đền, ánh trăng chiếu len qua những cây tùng mọc sừng sững. Quang cảnh đó làm ta thấy vùng cát trắng trước đền như được phủ lên một lớp sương¹⁵⁵.

Ông chủ nhà trọ giải thích: “Ngày xưa, ngài Du hành thượng nhân đời thứ hai, để hoàn thành lời đại nguyện, đã tự tay phát cỏ, bê đất đá, hốt bùn và nước đọng để tu bổ lối vào chùa. Làm như thế là để khách thập phương đi lại dễ dàng. Từ ấy, công quả này trở thành một nghi thức truyền thống, các đời thượng nhân nối tiếp đều có lệ khuâng cát di chuyển trước mặt thần. Tục đó này gọi là Yugyô Shônin sunamochi (Du Hành thượng nhân khiêng cát)”.

月清し遊行の持てる砂の上

¹⁵⁴ Thiên hoàng trong thần thoại, chồng của Hoàng hậu Jinguu. Mất ở hành cung vùng Echizen khi định đem quân qua đánh nước Tân La (Shilla) trên đảo Triều Tiên.

¹⁵⁵ Thơ Bạch Lạc Thiên: Nguyệt chiếu bình sa, hạ dạ sương (Nguyệt dạ, trong Hòa Hán lãng vịnh tập)

*Tsuki kiyoshi
Yugyô no moteru
Suna no ue*

*Ánh trăng đêm trong vắt
Chiếu lên trên sân cát,
Các thầy bao đời khuôn.*

Quả như lời ông chủ nhà trọ đoán không sai, qua hôm 15, trời lại mưa.

明月や北国日和定めなき

*Meigetsu ya
Hokkoku biyori
Sadame naki*

*Uống cho ánh trăng rằm,
Đất Bắc mưa hay tạnh,
Nào ai biết trước đâu!*

Lời Bình:

Cây cầu Asamudzu đã xuất hiện trong tác phẩm cổ điển *Makura no Sôshi* (Ghi nhanh bên gối, ra đời khoảng năm 1000) của nữ học sĩ Sei Shônagon (tên thật, năm sinh và mất đều không rõ) khi bà đánh giá: “Nói về cầu thì phải nói đến cầu Asamadzu!”. Hai địa danh Đèo Yuno-o và Thành Hiuchi đều là di tích bãi chiến trường của đại tướng Minamoto (Kiso) no Yoshinaka (1154-1184) trong cuộc tranh phong giữa hai binh đoàn Genji với Heikei. Điều ấy cho thấy lòng kính mến Kiso Yoshinaka nơi Bashô là một tình cảm rất đặc biệt (khi chết, ông đã được chôn trong khuôn viên chùa Gichuuji (Nghĩa Trọng Tự), nơi thờ Yoshinaka).



Nàng Tomoe Gozen, mãnh tướng và ái thiếp của Yoshinaka

Đền Kehi là thần cung nổi tiếng số một vùng Việt châu (bao gồm 3 xứ Việt là Echizen, Etchuyuu và Echigo). Trước đền có một bãi cát trắng mà ánh trăng thanh chiếu lên trên đó như đã làm cho nó gột sạch bụi trần. Bãi cát này dính liền với sự tích Ta-a Shônin (Tha A thượng nhân, 1237-1319) vị tổ thứ hai của Thị Tông (Jishuu) phái Jôdo (Tịnh Độ) mà giáo chủ thứ nhất là tăng Ippen (Nhất Biến, 1239-1289), tục gọi là Du Hành thượng nhân vì ông đi rất nhiều nơi. Khi nói đến việc Ta-a Shônin từng khiêng cát phủ sân đền, Bashô muốn tỏ lòng tôn kính đối với cái đại chí của mười mấy đời cao tăng du hành phái Tịnh Độ Thị Tông.

Kigo của bài thứ nhất là tsuki (trăng), kigo bài thứ hai là meigetsu (trăng rằm), đều chỉ mùa thu.

Xin giới thiệu 3 bài thơ xưa liên quan đến các địa danh vùng này:

Tamae: Hoa lau và trăng trên dòng sông này rất nổi tiếng. Có bài thơ trong Kokin Wakashuu (Cổ kim Hòa ca tập, phần thơ lữ hành) nói đến nó.

夏刈りの葦の仮寝もあわれなり玉江の月の明け方の空

Natsu kari no
Ashi no karine mo
Aware nari
Tamae no tsuki no
Akegata no sora

Gốc lau cắt hồi hè,
Còn trơ, lòng thêm thương.
Trăng sông Tamae,

Khi trời đêm về sáng,
Chiều người ngủ dọc đường.

Tác giả chơi chữ: Karine có hai nghĩa “gốc lau bị cắt” và “ngủ gật” ý nói “ngủ tạm trên bước hành trình”.¹⁵⁶

Uguisu no seki: Ngày Bashô qua đây, trạm gác đã bị hủy bỏ. Nó là đối tượng của một bài thơ thấy trong tập giới thiệu các thắng cảnh nhan đề Meisho Hôgakushô (Danh sở phương giác sao) của nhà thơ Sôgi (Tông Kỳ):

鶯の鳴きつる声にしきられて行きもやられぬ関の原かな

Uguisu no
Nakitsurukoe ni
Shikirarete
Yuki mo yararenu
Seki no hara kana

Tuy chẳng phải người canh.
Cửa Uguisu
Con oanh kia khéo hót,
Trên cánh đồng bên ải,
Đủ cản bước người đi

Kaeruyama: Kokin Wakashuu, phần thơ Biệt ly có bài nói về ngọn núi này:

かえる山ありとは聞けど春霞たち別れなば恋しかるべし

Kaeruyama
Ari to wa kikedo
Harugasumi
Tachi wakarenaba
Koishikaru beshi

Ta nghe có ngọn núi
Kaeruyama.
Nên sương xuân vừa dậy,
Lòng của kẻ đi xa,

¹⁵⁶ Xin tham khảo bài 88 của bà Betto Kôkamon trong Hyakunin Isshu (NNT đã dịch và đưa lên mạng): Naniwa-e no / Ashi no karine no / Hitoyo yue / Mi wo tsukushite ya / Koiwataru beki/. Tuy không phải là một đốt (一節 hitoyo) rễ lau cắt (刈根 karine) trên cửa sông Naniwa nhưng vì lỡ ngủ trọ (仮寝 karine) một đêm (一夜 hitoyo) cho nên mình phải mất cả thân danh (身を尽くし mi wo tsukushi) để trọn mỗi tình như cọc phao (漂標 miotsukushi) cắm ở giữa giòng nước. Tạm dịch: Bến nước ngàn lau xanh / Chỉ một đêm ngủ đỗ / Thế mà trọn đời mình, / Tương tư bao nhiêu khổ .

Ai chẳng nhớ quê nhà!

Kaeruyama (Quy Sơn) hàm ý “quy cố hương” nói lên nỗi buồn xa quê.

Đoạn 53: Bãi Iro no hama (Iro no hama 色の浜, 種の浜) và những vỏ sò masuo.

Ngày 16 tháng 8 (nhằm 29 tháng 9 dương lịch), trời thu quang đảng, cho nên ta định đi nhật masuo, loại ốc con từng được pháp sư Saigyô nhắc đến trong một bài waka xưa, nên mới lấy thuyền ra bãi Iro. Bãi này cách Tsuruga độ 7 “ri2 (28 km) bằng đường biển.

Có người họ Mō tên Tenya đã cho sửa soạn cơm nắm (cơm hộp, warigo) và ống trúc đựng rượu, thức ăn thức uống tử tế. Cả đoàn đông đảo lên thuyền bắt đầu đi.

Nhờ gió thuận chiều, chẳng bao lâu thuyền đã đến nơi. Trên bãi Iro chỉ loáng thoáng mấy túp lều ọp ẹp của ngư phủ nằm bên cạnh một mái chùa tông Pháp Hoa (Honryūji, Bản Long Tự, phái Nichiren) tịch mịch. Đến chùa, nhấp ngụm trà, hâm bầu rượu uống, nhưng cảnh chiều về thật cô liêu của cả vùng thấm đậm vào người làm ta se sắt con tim.

寂しさや須磨に勝ちたる浜の秋

Sabishisa ya
Suma ni kachitaru
Hama no aki

Ở đây buồn cô quạnh,
Còn hơn cả Suma¹⁵⁷
Khi thu về bãi vắng.

波の間や子貝にまじる萩の塵

Nami no ma ya
Kogai ni majiru
Hagi no hana

Giữa một vùng sóng biếc,
Chen vào cùng sò ốc,
Tôi tả cánh hagi.

¹⁵⁷ Suma 須磨 là một bãi biển nổi tiếng như “gối thơ” (utamakura), gợi đến nỗi buồn của Hikaru Genji 光源氏 (Truyện Genji, chương Suma) trong bước lưu đày của chàng ở đó.



Hagi, hoa của mùa thu

Lời Bình:

“Họ mỗ tên Tenya” thật ra là Tenya Gorô Uemon, một người làm nghề cho mướn thuyền đồ ở Tsuruga và cũng là thi nhân haikai, bút hiệu Genryuushi (Huyền Lưu Tử). Ông giàu có nên bữa cơm ông thết Bashô chưa hẳn là cơm nắm (cơm hộp) và rượu đựng trong ống trúc như Bashô kể. Trong haikai, thực ra người ta có qui luật là cấm nói chuyện ăn uống. Tuy nhiên Bashô cũng phá lệ đôi lần.

Trong bài thơ đầu, khi so sánh Iro no hama với Suma, nhà thơ đã có ý tôn xưng bãi biển đẹp đẽ của địa phương là còn trội hơn Suma - một nơi nổi tiếng trong cổ văn - và dùng nó làm món quà gửi đến nhà mạnh thường quân Tenya. Là người thích văn học, nếu ai đọc Truyện Genji đều biết đến nét đẹp u buồn của bãi Suma.

Con “ốc masuo” thấy trong bài thứ hai là một loại sò ốc nhỏ vỏ màu hồng như cánh hoa anh đào. Khi đặt nó bên cạnh những cánh hagi cuối mùa màu đỏ bầm dập và tối tả (hagi no chiri), Bashô đã nâng cái không khí u buồn của mùa thu lên thêm một nấc.

Kigo của bài thứ nhất là aki (thu), của bài thứ hai là hagi (hoa thu, tử đinh hương) đều chỉ mùa thu.

Đoạn 54: Ôgaki, chặng đường cuối (Ôgaki, aratanaru tabiji no shyuchaku 大垣：新たなる旅路の終着) và điểm khởi hành mới.

Anh Rotsuu (Lộ Thông)¹⁵⁸ cũng đến tận cảng Tsuruga nghênh tiếp ta và chúng ta làm

¹⁵⁸ Rotsuu tên thật là Yasomura Rotsuu (1649-1738), khi còn là một tăng khất thực, đã gặp Bashô và trở thành môn đệ. Tài năng phi phàm nhưng tính tình buông thả, không hợp với ai, nhiều khi chuốc lấy cơn

bạn đường đi về hướng vùng Mino (tỉnh Gifu). Vừa cưỡi ngựa vào đến thị trấn Ôgaki thì đã có Sora từ chỗ nghỉ dưỡng bệnh ở Ise (tỉnh Mie) quay trở lại. Etsujin (Việt Nhân)¹⁵⁹ cũng phóng ngựa bên bờ tới. Cả bọn tụ tập tại nhà của Jokô¹⁶⁰ (Như Hành). Có cả ông Zensenji (Tiền Xuyên Tử)¹⁶¹ và cha con ông Keikô (Kính Khẩu)¹⁶². Ngoài họ còn những thân hữu khác, hết ngày đến đêm rủ nhau tới thăm ta. Làm như gặp được kẻ trở về từ cõi chết, thấy ta bình yên vô sự, không ai là không vui mừng và khen ngợi.

Tuy vậy, dù một nhọc đường dài vẫn chưa vui bớt, vì chưa chi đã đến ngày mùng 6 tháng 9 (ngày 18 tháng 10 dương lịch), ta định bụng đi chiêm bái ngôi đền tạm của Thần cung Ise¹⁶³ nên lại leo lên thuyền ra đi.

蛤のふたみに別れ行く秋ぞ

Hamaguri no
Futami ni wakare
Yuku aki zo

Trên bến chia tay bạn,
Đời vỏ sò chẻ đôi,
Ta đi cùng thu tàn.

Lời Bình:

Bashô lại nghe tiếng gọi của những phương trời khác khi chưa nghỉ ngơi hồi sức và đây là định mệnh của ông. Do đó, trong đoạn cuối này, Oku no hosomichi đã cho ta thấy hình bóng Bashô, người lữ khách vĩnh viễn.

Hamaguri (clam) là một đặc sản của vùng biển Futamigaura, nơi có cát trắng từng xanh, phong cảnh rất đẹp. Về nó, Bashô đã chơi chữ một cách ý nhị và công phu.

- Futa 蓋 là vỏ, nắp đây, mi 身 là thân, chỉ thịt (sò), sò hamaguri là đặc sản địa phương..
- Futaminoura 二見の浦 lại là địa danh sản xuất sò và cũng là cái bến nơi Bashô từ già bạn bè.
- Futa 二 là hai, mi 見 là gặp, như lời ước mơ ngày tái ngộ.

Bashô dùng Yuku aki zo (mùa thu lên đường, ngày lên đường vào lúc cuối thu) trong câu thơ cuối để gợi sự liên tưởng nơi độc giả tới Yuku haru ya (mùa xuân lên đường,

giận của thầy.

¹⁵⁹ Ochi Etsujin (tức Ochi Juuzô 1656 - ?), một trong mười học trò giỏi của Bashô. Người Nagoya, kinh doanh ngành nhuộm.

¹⁶⁰ Tên thật là Kondô Jokô (? -1706), một samurai, nguyên là phiên sĩ phiên Ôgaki.

¹⁶¹ Zensenshi tên thật là Tsuda Maegawa. Samurai, phiên sĩ có chức vụ quan trọng ở phiên Ôgaki. Bashô gọi là shi (tử) để tỏ lòng tôn kính.

¹⁶² Keikô tên thật là Miyazaki Keikô (? – 1712), phiên sĩ ở Ôgaki, có ba người con.

¹⁶³ Cứ 21 năm, đền chính phải sơn phết lại nên nội cung phải dời ra đền tạm.

ngày lên đường vào lúc cuối xuân). Nếu mùa xuân đã mở màn cho chuyến đi lên miền Bắc đi thì mùa thu đã khép màn cho nó, đồng thời dự báo một chuyến đi mới về phía Tây (Đền tạm của Thần cung Ise). Nên để ý sự khác nhau giữa động từ “yuku” (đi, lên đường) mạnh mẽ và động từ “kakemawaru (đi luẩn quẩn) bi quan hơn trong bài thơ tuyệt mệnh nói về cánh đồng khô (kareno).

Kigo của bài này là yuku aki (thu tàn), dĩ nhiên liên quan đến mùa thu.



Như vỏ sò tách biệt. Bao giờ gặp lại nhau!

Đoạn 55: Lời bạt của Soryuu (Soryuu no batsubun 素龍の跋文)

Cái vị khô khan đậm bạc cũng như sự thanh nhã mỹ miều, chỗ thì mạnh, chỗ thì yếu, tất cả đều tụ lại trong áng văn này. Càng đọc Oku no hosomichi càng thấm, có lúc bắt giác ta đứng dậy vỗ tay, có lúc nằm khênh ra cho câu văn đi sâu vào lục phủ ngũ tạng. Nhiều khi định bụng khoác áo tơi cỏ lau thử làm một chuyến đi như Tiêu ông vậy. Lại có lúc ngồi khoanh trong nhà, mặc trí tưởng tượng dẫn lối để hình ảnh những danh lam thắng cảnh hiện ra trước mắt mình cũng đủ. Cứ thế mà ta nhỏ dòng lệ cảm khái như tác giả khi đứng trước những phong cảnh trên đường mình đi qua. Phải nói là tác giả đã khéo dùng văn chương để tạo nên sự cảm động giống như người ta kết nối thành chuỗi những viên ngọc đẹp từ giọt lệ người Giao. Áng văn này chính là thành quả của chuyến lữ hành. Lại nữa, nó kết tinh tất cả tài năng lỗi lạc của tác giả. Có điều ta phải than tiếc là con người kỳ tài đó thể chất nay ngày càng suy yếu, lông mi lông mày đã bạc đi nhiều.

Tháng 4 năm Genroku thứ 7 (1694)
Soryuu đề

Lời Bình:

“Khô khan đậm bạc” (karabi からび = 枯淡 khô đậm) là tiêu chuẩn thẩm mỹ có tự thời

trung cổ (Kamakura đến Muromachi) và “thanh nhĩ diễm lệ” (en = 艶 diễm) là điều kiện tất yếu của văn học thời vương triều (Heian) trước đó. Như vậy, ngay câu đầu bài Bạt, Soryuu muốn ca ngợi Bashô đã biết kết hợp tất cả cái hay cũ và mới của người đời trước.

“Chỗ mạnh” Soryuu muốn nói là sự hùng hồn, “chỗ yếu” là tinh tế, cũng không hề hàm ý chê bai, nếu không phải là muốn nói ngược lại.

“Ngọc của người Giao” đến từ một điển cổ Trung Quốc. Họ tưởng tượng ở vùng Nam Hải có một loại nhân ngư (mermaid) mà nước mắt của chúng khi ứa ra sẽ biến thành những viên ngọc đẹp. Điển này có chép trong *Thuật Dị Ký* và đã gợi nguồn cảm hứng cho vở tuồng Nô nhan đề *Gappo* (Hợp Phở). Ở đây, Soryuu có ý tán thưởng văn chương Bashô đã kết tụ được những gì quý hiếm như châu ngọc vậy.

Riêng người đề bạt, Soryuu 素龍 (Tô Long) thì tên thật của ông là Kashiwagi Gisaemon 柏木儀左衛門 (Bá Mộc Nghi Tả Vệ Môn), hiệu Soryuusai 素龍斎 (Tô Long Trai), có hiệu khác là Takemoto (Zenko, Toàn Cổ). Ông sống ở vùng Ôsaka, là một rônin (vũ sĩ vô chủ) của phiên Awa., vốn quen biết với Bashô từ lâu năm. Mùa đông năm Genroku thứ 5 (1692), ông xuống Edo và được Bashô ủy thác việc chép lại *Đường Mòn Miền Bắc* (Oku no hosomichi) cho chu đáo. Năm Genroku thứ 7, ông còn viết tựa cho *Bị Đụng Than* (Sumidawara) nữa. Soryuu là người thân cận nhưng không phải là môn sinh của Bashô. Thơ phú của ông không nhiều, duy để lại bút tích về thư pháp và được biết như nhà lý luận thi ca, nghiên cứu văn học cổ điển và bình luận văn chương.



Bashô ngưng tụ trong ký ức

IV) Kết từ:

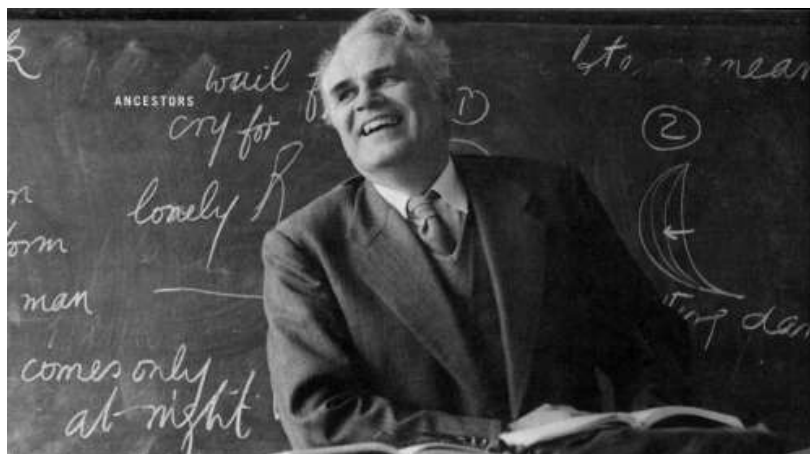
Trong haiku của Bashô có hai yếu tố quan trọng là thuyết “bất dịch lưu hành” (不易流行 nghĩa là ở đời, có cái chuyển đổi và có cái bất biến) và thuyết “phong nhĩ chi thành” 風雅の誠 (sự thành thực trong thơ).

Hai khái niệm “bất biến” và “lưu hành” mới nhìn bề ngoài thì như đối lập nhưng trên thực tế không hề như vậy. Nếu thực sự có chuyện đó thì đã không có thơ haiku. Bởi vì hình tượng của thời đại mà người làm thơ bắt gặp là cái “lưu hành” trong khi còn có những yếu tố siêu thời đại, vĩnh viễn bền chặt với thời gian.

Sự tao nhã (phong nhã = fuuga) cũng vậy. Thơ hay không phải vì diêm dúa hoa hòe hoa sói. Nó phải được sinh ra từ những tình cảm mộc mạc chân thực. Tao nhã dĩ nhiên là lý tưởng của thơ haikai nhưng “lòng thành” (makoto) lại được xem như cốt lõi của nó.

Bashô như đã bắt đầu lập thuyết “bất dịch lưu hành luận” vào năm mùa đông năm Genroku thứ 2 (1689) sau khi chấm dứt chuyến đi về miền Bắc. Như vậy đoạn đường dài Oku no hosomichi đã hoàn thành lý thuyết của ông vậy.

*



Reginald Horace Blyth (1898-1964)

R.H.Blyth có lần viết: “Văn học Nhật Bản chỉ bắt đầu từ năm 1644”. Như một sự ngẫu nhiên, đó là năm Bashô ra đời! Câu nói nghịch lý trên nhằm đánh giá cao vai trò của Bashô đối với văn học Nhật Bản. Dù kính trọng và yêu mến giáo sư Blyth về sự hiểu biết trác tuyệt và nhiệt tình vô bờ bến của ông đối với Haiku cũng như đất nước Nhật Bản, nơi ông chọn gửi nắm xương tàn, chúng ta cũng không thể chấp nhận một quan điểm cực đoan như thế trừ phi đó là lời phát biểu nhằm mục đích đánh mạnh vào tâm thức người đọc. Cùng lắm chỉ có thể xem Bashô như kẻ đã có công khai thông kinh mạch, điểm nhãn cho con rồng văn học Nhật Bản vốn tù túng bay được ra ngoài phạm vi đảo quốc. Thực vậy, trong haibun của Bashô, ngoài bóng dáng thi ca cổ điển Đường Tống, ta còn thấy triết lý Nho Thích Lão, nhất là Thiền Tông, đứng bên cạnh tư tưởng Thần Đạo, dân ca miền Đông tự thời Vạn Diệp xen lẫn truyện thơ thời vương triều, Waka cung đình trong 18 tuyển tập soạn theo sắc chiếu, bút ký lữ hành, thơ renga, dao khúc tuồng Nô cũng như sân khấu Jôruri ... vốn là những yếu tố bản địa. Bashô còn biết sử dụng khéo léo các nghệ thuật tu từ truyền thống như kakekotoba (chữ đồng âm dị nghĩa), engo (chữ gợi ý) mitate (hình ảnh ví von) Do đó, Oku no hosomichi là nơi tụ

hợp biết bao tinh hoa của văn chương Nhật Bản. Nó không chỉ là một du ký đường trường trong đó những yếu tố hiện thực và hư cấu hòa quyện vào nhau, nơi con người hiện tại bắt gặp người ngàn xưa, mà còn là một bản trường ca đậm chất trữ tình, một tuyên ngôn về nhân sinh quan có tính triết học.

*

Đi xa hơn một chút ra ngoài phạm vi nội dung tác phẩm đang đọc, chúng tôi muốn nhắc đến công lao của những nhà dịch thuật đã phổ cập Oku no hosomichi nói riêng và thể thơ haiku nói chung đến độc giả nước ngoài. Ấng văn này đã được dịch ra nhiều thứ tiếng trong đó có Anh, Pháp, Việt ...với các dịch giả như Donald Keene, Alain Walter, Vĩnh Sính ... và không chỉ với các vị đó mà thôi. Tính sơ qua cũng đã có trên 10 bản dịch ra Anh ngữ¹⁶⁴. Mỗi người một vẻ, dịch bao nhiêu lần cũng chưa đủ.



Alain Walter, Vĩnh Sính, Donald Keene đã dịch Oku no hosomichi qua tiếng mẹ đẻ

Nhờ sự đóng góp của những dịch giả giới thiệu haibun và haiku như thế mà ngày nay, cả bên Trung Quốc, đã có Hán thi làm theo thể haiku (5 / 7 / 5) và có khi nó cô đọng lại thành những bài thơ cực ngắn với 10 chữ mà thôi. Ví dụ bài haiku danh tiếng “Con ếch nhảy xuống ao” của Bashô đã biến dạng như sau:

古池塘

青蛙跳入

発清響

*Cổ trì đường,
Thanh oa khiêu nhập
Phát thanh hưởng.*

Nguyên tác, Vĩnh Sính dịch nghĩa và dịch sang lục bát:

*Furu-ike ya
kawazu tobikomu*

¹⁶⁴ Yuasa Nobuyuki (1966), Earl Miner (1969), Helen Craig Mc Cullough (1990), Sam Hamill (1991), Kameike Susumu (1968), Satô Hiroaki (1996), Donald Keene (1996), Dorothy Britton (1974), Tim Chilcott (2004) vv...

mizu no oto

*Trong ao xưa
con nhái nhảy vào
tiếng nước khua*

*Ao xưa bóng rữ trưa hè,
Nhái khua nước động, bốn bề tịch liêu!*

Nguyễn Nam Trân dịch:

*Từ bờ vũng ao xưa,
Một chú ếch nhảy bồm,
Còn chẳng, tiếng nước xao!*

Bài thơ nói về “Giải Ngân Hà bắc qua đảo Sado” và bài “Cỏ mùa hạ trên cỏ chiến trường” đều do Bashô viết lại được học giả trứ danh người Mỹ Donald Keene chuyển qua tiếng Anh, hầu như đúng theo thể 5 / 7/ 5 của nguyên tác:

*Turbulent the sea
Across to Sado stretches
The Milky Way*

*The summer grasses
Of brave soldiers' dreams
The aftermath.*

Năm 1999, một Hiệp hội quốc tế về Haiku đã được thành lập. Điều đó cho ta thấy thế giới nay đã công nhận haiku như một hình thức văn học chung cho nhân loại. Thế nhưng, điều quan trọng hơn cả là trên thực tế, các nhà thơ haiku từ đây sẽ làm thơ với tất cả đam mê và với tinh thần haiku bằng tiếng nước mình.

Viết xong ở Inoue Memorial Hospital, Chiba (Nhật Bản), 8/11/2014
Cập nhật 6/12/2014

Tư Liệu Tham Khảo

- 1) Akatsuka Tadashi và 49 biên tập viên, Nihon koten bungaku meichô no sôkaietsu (Bình giảng chung về những trứ tác văn học cổ điển nổi tiếng) Nhà xuất bản Jiyuu kokuminsha, Tokyo.
- 2) Ebara Taizô (1894-1948), 1952, Ogata Tsutomu, 2003 Oku no hosomichi – Sora Zuikô Nikki, Kagokawa Bunko, ấn bản lần thứ 15 (2013).
- 3) Hisatomi Tetsuo (1926-2007), 1980, Oku no hosomichi, Kôdansha, Tokyo, ấn bản lần thứ 46 (2012).
- 4) Hori, Nobuo, Zuchinban Bashô Zenku, 2004, Shôgakukukan, Tokyo.
- 5) Takeda Tomohiro (1943), 2001, Oku no hosomichi, Kadogawa Classic Beginners, Kadogawa, Tôkyô, ấn bản lần thứ 30 năm 2013. ,

